

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

BÙI PHƯƠNG TRANG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY
TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Mã sinh viên: 2653011198

Ngành: Kế toán

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

BÙI PHƯƠNG TRANG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY
TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Mã sinh viên: 2653011198

Ngành: Kế toán

Người hướng dẫn khoa học: ThS. Lê Thị Liễu

NINH BÌNH, 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LỜI CAM ĐOAN

Kính gửi: - BGH Trường Đại học Hoa Lư

- Khoa Kinh tế Trường Đại học Hoa Lư

- Phòng đào tạo Trường Đại học Hoa Lư

Tên em là: Bùi Phương Trang

Sinh viên lớp: D15KT2

Khoa: Kinh tế

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “Kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa” là sản phẩm của cá nhân em trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và làm khóa luận tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.

Em xin cam đoan toàn bộ nội dung khóa luận tốt nghiệp, số liệu kết quả nêu trong luận văn là trung thực và xuất phát từ tình hình thực tế của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa và trên cơ sở tham khảo một số tài liệu của cá nhân em, hoàn toàn không sao chép bất cứ tài liệu nào. Việc tham khảo các nguồn tài liệu đã được trích dẫn và ghi nguồn tài liệu tham khảo theo đúng quy định.

Ninh Bình, Ngày tháng năm 2026

Giảng viên hướng dẫn

Sinh viên

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Sinh viên Bùi Phương Trang – Lớp D15KT2 – Khoa Kinh tế đã có sự chủ động, tích cực trong quá trình viết khóa luận tốt nghiệp. Luôn chịu khó học hỏi, tìm tòi, nghiên cứu tài liệu, tiếp thu những góp ý của giảng viên hướng dẫn. Sinh viên Bùi Phương Trang đã mạnh dạn đưa ra những giải pháp mới hoàn thiện kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.

Giảng viên hướng dẫn

(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢNG CÁC KÍ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
TT	Thông tư
BTC	Bộ tài chính
DN	Doanh nghiệp
VNĐ	Việt nam đồng
HĐ	Hóa đơn
PNK	Phiếu nhập kho
PXK	Phiếu xuất kho
HĐMB	Hợp đồng mua bán
HH	Hàng hóa
NCC	Nhà cung cấp
SL	Số lượng
SDĐK	Số dư đầu kỳ
SDCK	Số dư cuối kỳ
MST	Mã số thuế

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Hệ thống danh mục hàng hóa.....	50
Hình 2.2. Thông tin vật tư, hàng hóa	52
Hình 2.3. Hóa đơn GTGT.....	61
Hình 2.4. Lập chứng từ mua hàng.....	65
Hình 2.5. Chứng từ mua hàng NK00874	66
Hình 2.6. Chứng từ mua hàng NK00874	67
Hình 2.7. Hóa đơn GTGT.....	69
Hình 2.8. Chứng từ mua hàng NK00888	72
Hình 2.9. Chứng từ mua hàng NK00888	73
Hình 2.10. Hóa đơn GTGT.....	75
Hình 2.11. Chứng từ mua hàng NK00901	78
Hình 2.12. Chứng từ mua hàng NK00901	79
Hình 2.13. Xuất thẻ kho	84
Hình 2.14. Xuất sổ chi tiết vật tư hàng hóa.....	91
Hình 2.15. Xuất sổ Nhật ký chung.....	98
Hình 2.16. Xuất Sổ Cái	99
Hình 2.17. Danh mục.....	111
Hình 2.18. Ủy nhiệm chi.....	118
Hình 2.19. Xuất sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích).....	119
Hình 2.20. Xuất bảng tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)	124
Hình 3.1. Nghiệp vụ tiền gửi ngân hàng	137
Hình 3.2. Khai báo chiết khấu thanh toán.....	138
Hình 3.3. Xuất báo cáo phân tích công nợ phải trả theo tuổi nợ	143
Hình 3.4. Xuất chứng từ “đối chiếu chứng từ công nợ phải trả và chứng từ thanh toán”	146

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Biểu 2.1. Hợp đồng mua bán	56
Biểu 2.2. Biên bản giao nhận hàng.....	62
Biểu 2.3. Biên bản xác nhận giá trị	63
Biểu 2.4. Phiếu nhập kho.....	68
Biểu 2.5. Biên bản giao nhận hàng hóa	70
Biểu 2.6. Biên bản xác nhận giá trị	71
Biểu 2.7. Phiếu nhập kho.....	74
Biểu 2.8. Biên bản giao nhận hàng hóa.....	76
Biểu 2.9. Biên bản xác nhận giá trị	77
Biểu 2.10. Phiếu nhập kho.....	80
Biểu 2.11. Phiếu nhập kho quy đổi sang m ³	82
Biểu 2.12. Thẻ kho đá bêtông B.....	86
Biểu 2.13. Thẻ kho cát xây dựng	87
Biểu 2.14. Thẻ kho đá xô bê	88
Biểu 2.15. Báo cáo tổng hợp tồn kho.....	89
Biểu 2.16. Sổ chi tiết hàng hóa.....	92
Biểu 2.17. Sổ chi tiết hàng hóa.....	93
Biểu 2.18. Sổ chi tiết hàng hóa.....	94
Biểu 2.19. Tổng hợp tồn kho.....	95
Biểu 2.20. Sổ Nhật ký chung (Trích)	100
Biểu 2.21. Sổ Cái TK 156 (Trích).....	104
Biểu 2.22. Danh sách nhà cung cấp.....	106
Biểu 2.23. Phiếu đề nghị mua hàng	108
Biểu 2.24. Đơn đặt hàng.....	112
Biểu 2.25. Giấy đề nghị thanh toán.....	115
Biểu 2.26. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích).....	120
Biểu 2.27. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích).....	121
Biểu 2.28. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)	122
Biểu 2.29. Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích).....	125
Biểu 2.30. Sổ cái TK 331 (Trích).....	126
Biểu 3.1. Báo cáo phân tích công nợ phải trả theo tuổi nợ.....	144
Biểu 3.2. Hình minh họa “đối chiếu chứng từ công nợ phải trả và chứng từ thanh toán”	147

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Phương pháp hạch toán công nợ phải trả.....	20
Sơ đồ 1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	26
Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	28
Sơ đồ 1.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	30
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	38
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	39
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.....	41
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình nhập kho hàng hóa tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.....	55
Sơ đồ 2.5. Quy trình mua hàng tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	107
Sơ đồ 2.6. Sơ đồ quy trình giảm công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	114

MỤC LỤC

BẢNG CÁC KÍ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC HÌNH ẢNH

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

DANH MỤC SƠ ĐỒ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1.....	6
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TRONG DOANH NGHIỆP	7
1.1. Tổng quan về mua hàng và công nợ phải trả trong doanh nghiệp.....	7
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hoạt động mua hàng.....	7
1.1.2. Phân loại hàng hóa	8
1.1.3. Tính giá hàng hóa.....	8
1.1.4. Đặc điểm công nợ phải trả người bán.....	10
1.2. Kế toán mua hàng.....	11
1.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	11
1.2.2. Quy trình hạch toán.....	12
1.2.3. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán mua hàng.....	15
1.3. Kế toán công nợ phải trả.....	18
1.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	18
1.3.2. Quy trình hạch toán.....	21
1.3.3. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán công nợ phải trả.....	23
1.4. Các hình thức ghi sổ chủ yếu	23
1.4.1. Hình thức Nhật ký chung	24
1.4.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	26
1.4.3. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28
Chương 2.....	32
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA.....	32
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	32

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	32
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	33
2.1.3. Đặc điểm về hàng hóa và quy trình kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.....	35
2.1.4. Đặc điểm và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	37
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	38
2.1.6. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây.....	42
2.2. Đặc điểm hàng hóa và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	44
2.2.1. Đặc điểm hàng hóa.....	44
2.2.2. Đặc điểm công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.....	46
2.3. Thực trạng kế toán mua hàng tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.....	47
2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	47
2.3.2. Kế toán chi tiết.....	49
2.3.3. Kế toán tổng hợp	96
2.4. Thực trạng về kế toán công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	105
2.4.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	105
2.4.2. Kế toán công nợ phải trả	107
Chương 3.....	128
MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA	128
3.1. Đánh giá chung về kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	128
3.1.1. Ưu điểm.....	128
3.1.2. Nhược điểm.....	130

3.2. Một số giải pháp đề xuất hoàn thiện kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa	133
3.2.1. Ban hành quy trình phê duyệt mua hàng và đánh giá nhà cung cấp định kỳ.....	134
3.2.2. Tận dụng chiết khấu thanh toán từ nhà cung cấp	134
3.2.3. Ứng dụng phần mềm kế toán.....	140
3.2.4. Phân loại công nợ phải trả theo tuổi nợ và lập báo cáo cảnh báo	141
3.2.4. Trích lập dự phòng phải trả cho các rủi ro từ nhà cung cấp.....	145
3.2.5. Xây dựng quy trình đối chiếu công nợ với nhà cung cấp định kỳ hàng tháng	145
KẾT LUẬN	148
TÀI LIỆU THAM KHẢO	149

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt như hiện nay, các doanh nghiệp thương mại không chỉ chú trọng đến hoạt động bán hàng và marketing, mà còn phải đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý chi phí, quản trị nguồn cung ứng và nghĩa vụ thanh toán đối với nhà cung cấp. Trong đó, Kế toán mua hàng có nhiệm vụ phản ánh và kiểm soát toàn bộ quá trình mua sắm hàng hóa, nguyên vật liệu, từ khâu lập đơn hàng đến khi nhập kho, giúp doanh nghiệp xác định chính xác giá vốn và phục vụ cho việc ra quyết định mua sắm hợp lý. Đồng thời, quá trình này thường đi kèm với việc ghi nhận công nợ phải trả phát sinh đối với nhà cung cấp, vì phần lớn các giao dịch mua hàng đều được thực hiện theo hình thức trả chậm. Do đó, kế toán công nợ phải trả đóng vai trò quan trọng trong việc theo dõi, quản lý và đảm bảo doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn, tránh rủi ro tài chính và giữ uy tín với đối tác.

Kế toán mua hàng và công nợ phải trả là một phần không thể thiếu trong hệ thống kế toán doanh nghiệp. Thông qua việc tổ chức hạch toán đúng đắn và đầy đủ các nghiệp vụ liên quan, doanh nghiệp có thể kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí đầu vào, theo dõi tình hình công nợ, đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với nhà cung cấp. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy nhiều doanh nghiệp vẫn còn chưa thực sự coi trọng công tác này, dẫn đến tình trạng sai sót trong hạch toán, nợ quá hạn kéo dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa là doanh nghiệp chuyên cung cấp cát, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận chuyển tại Ninh Bình. Để duy trì vị thế quan trọng trong lĩnh vực này, việc hoàn thiện kế toán mua hàng và công nợ phải trả đóng vai trò then chốt. Công tác này giúp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ quá trình mua sắm vật tư, theo dõi kịp thời các khoản nợ phải trả nhà cung cấp, từ đó duy trì tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý tài chính. Đồng thời,

doanh nghiệp sẽ chủ động hơn trong việc lập kế hoạch thanh toán, củng cố uy tín với đối tác và tránh được các khoản nợ quá hạn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy công tác kế toán mua hàng và quản lý công nợ phải trả tại công ty vẫn còn những hạn chế trong khâu hạch toán và cơ chế thanh toán, cần được khắc phục để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên và nhận thấy đây là lĩnh vực còn tồn tại nhiều hạn chế trong công tác kế toán của doanh nghiệp, em đã quyết định lựa chọn đề tài: ***“Kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường không ngừng biến đổi và cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc nâng cao hiệu quả kinh doanh trở thành mục tiêu sống còn của mỗi doanh nghiệp. Để đạt được điều đó, công tác kế toán đóng vai trò then chốt, cần liên tục được củng cố, cập nhật và hoàn thiện, đảm bảo phù hợp với các quy định, chế độ kế toán hiện hành. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, kế toán mua hàng và công nợ phải trả giữ vị trí trọng yếu. Chính vì tầm quan trọng đó, kế toán mua hàng và công nợ phải trả luôn là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu và người làm kế toán quan tâm. Nhiều đề tài đã tập trung đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán ở lĩnh vực này, tiêu biểu có thể kể đến các nghiên cứu của một số tác giả như:

Tác giả Bùi Thị Quỳnh Nga (2024), ***“Kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty Cổ phần Toyota Ninh Bình”***, Trường Đại học Hoa Lư. Dựa trên nền tảng lý luận được xây dựng vững chắc, nghiên cứu này đã đi sâu đánh giá thực trạng công tác kế toán mua hàng và quản lý các khoản nợ phải trả tại công ty, từ đó đưa ra những nhận xét sâu sắc và kiến nghị các giải pháp khả thi nhằm tối ưu hóa toàn bộ quy trình. Tuy nhiên doanh nghiệp vẫn chưa có sự phân công và phối hợp nhịp nhàng giữa bộ phận mua hàng và bộ phận kế toán trong việc theo dõi, đối chiếu công nợ. Dẫn đến thông tin về công nợ phải trả thiếu tính cập

nhật và đồng bộ, gây trở ngại cho việc lập kế hoạch dòng tiền chính xác, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến quan hệ đối tác với các nhà cung cấp.

Tác giả Phạm Thị Út Vy (2022), *“Kế toán công nợ phải thu và phải trả tại công ty TNHH thương mại và du lịch Gia Minh”*, Trường Đại học Nha Trang. Qua quá trình khảo sát và phân tích, tác giả chỉ ra một số tồn tại như quy trình ghi nhận công nợ chưa chặt chẽ, việc theo dõi và đối chiếu công nợ còn thiếu chính xác, ảnh hưởng đến việc thanh toán và quản lý tài chính. Từ những hạn chế đó, tác giả đã đưa ra các giải pháp cụ thể như hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán, tăng cường công tác kiểm tra, đối chiếu công nợ định kỳ và ứng dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả quản lý công nợ phải trả, góp phần cải thiện hoạt động tài chính và hiệu quả kinh doanh của công ty.

Tác giả Nguyễn Thị Cẩm Nhung (2020), *“Kế toán công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Thanh Phương”*, Trường Đại học Gia Định. Trên cơ sở phân tích thực trạng đó, tác giả đã nỗ lực đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm mục tiêu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán công nợ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính cho Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thanh Phương. Tuy nhiên, nhìn một cách khách quan, các giải pháp được đưa ra vẫn còn một số hạn chế. Cụ thể, chúng chủ yếu xuất phát từ góc nhìn chủ quan của cá nhân người viết mà chưa được cụ thể hóa bằng các bước triển khai chi tiết, các công cụ hỗ trợ rõ ràng hay minh chứng thực tế đầy đủ. Điều này dẫn đến tính khả thi và khả năng ứng dụng vào thực tiễn của các giải pháp chưa thực sự cao, đòi hỏi cần có thêm những nghiên cứu sâu hơn để hiện thực hóa các ý tưởng này.

Tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa, chưa có tác giả nào viết về đề tài kế toán mua hàng và công nợ phải trả. Chính vì thế, trong quá trình tìm hiểu về kế toán mua hàng và công nợ phải trả, tác giả đã quyết định chọn đề tài *“Kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa”* làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở tìm hiểu lý luận của kế toán mua hàng và công nợ phải trả từ đó tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa và đưa ra các giải pháp hoàn thiện phân hành kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của khóa luận là:

- Luận giải các khái niệm, đặc điểm, nội dung của Kế toán mua hàng và công nợ phải trả.
- Đánh giá, phân tích thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.
- Đưa ra một số đánh giá và đề xuất giải pháp hoàn thiện kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Nghiên cứu công tác kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa. Do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa hoạt động đồng thời trong hai lĩnh vực Thương mại và Vận tải, nhưng để đảm bảo tính chuyên sâu và khả năng hoàn thiện trong khuôn khổ thời gian và dung lượng của khóa luận, bài nghiên cứu sẽ tập trung phân tích về mảng mua hàng và công nợ phải trả nhà cung cấp.
- Phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu phân hành kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa. Tại Công ty

có hai lĩnh vực chính là Thương mại và Vận tải, do giới hạn về thời gian tác giả chỉ tập trung vào lĩnh vực Thương mại.

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa qua các năm 2023, 2024, 2025, 2026.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp quan sát: Thực hiện quan sát các hoạt động của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của nhân viên kế toán trong Công ty, đặc biệt quan sát nhân viên kế toán thực hiện phân hành mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty.

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: Trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với các kế toán viên, các bộ phận có liên quan đến phân hành mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty.

- Phương pháp thực nghiệm: Thực tập kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty.

- Phương pháp tính toán, phân tích, tổng hợp số liệu.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận chung về kế mua hàng và công nợ phải trả; giúp xác định các nhân tố ảnh hưởng và tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng công tác mua hàng và công nợ phải trả, từ đó thấy được những điểm mạnh và điểm yếu của Doanh nghiệp, tìm ra những thiếu sót, đề xuất các phương pháp nghiên cứu mới, mở ra hướng nghiên cứu mới cho các nghiên cứu trong tương lai.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Khóa luận sẽ đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa. Ngoài ra, đề tài còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên ngành Kế toán.

7. Bố cục của khóa luận

Chương 1: Lý luận chung về kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.

Chương 3: Một số giải pháp đề xuất hoàn thiện kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về mua hàng và công nợ phải trả trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hoạt động mua hàng

1.1.1.1. Khái niệm mua hàng

Để lưu chuyển được hàng hóa trong doanh nghiệp thì phải có giai đoạn đầu tiên đó chính là mua hàng. Mua hàng là hoạt động trao đổi, trong đó doanh nghiệp dùng tiền để chuyển quyền sở hữu hàng hóa, dịch vụ từ người bán về mình. Đây là khâu đầu tiên và then chốt để tạo nguồn hàng cho sản xuất hay lưu thông. Trong kinh doanh, đó không chỉ là mua-bán đơn thuần mà là một quy trình chiến lược nhằm đảm bảo nguồn cung tối ưu về chất lượng, số lượng, thời gian và chi phí.

1.1.1.2. Đặc điểm của hoạt động mua hàng

Thông qua mua hàng, quan hệ trao đổi và quan hệ thanh toán tiền hàng giữa người mua và người bán sẽ được thực hiện. Chuyển hóa vốn từ hình thái tiền tệ sang hình thái hàng hóa: doanh nghiệp nắm quyền sở hữu hàng nhưng mất đi quyền sở hữu tiền tệ tương ứng. Hoạt động này mang tính mục đích rõ ràng, với hàng hóa được mua vào nhằm mục đích bán ra hoặc phục vụ gia công, sản xuất. Để được công nhận, một giao dịch mua hàng cần tuân theo phương thức mua bán và thanh toán nhất định, đồng thời được thực hiện thông qua một quy trình hệ thống - từ đàm phán, ký kết hợp đồng pháp lý đến nghiệm thu - nhằm đảm bảo đúng chất lượng, số lượng, thời gian và chi phí, góp phần tối ưu hóa giá trị và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp.

1.1.1.3. Thời điểm xác định hàng mua

Thời điểm mua hàng là thời điểm doanh nghiệp được ghi nhận đã hoàn thành việc mua hàng, khi đã nhận hàng từ nhà cung cấp, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng. Thời điểm cụ thể được xác định tùy thuộc vào phương thức mua hàng:

- Trường hợp mua hàng trực tiếp: Sau khi ký kết hợp đồng, bên mua cử người đến kho bên bán để nhận hàng và tự vận chuyển về. Thời điểm xác định hàng mua là khi hoàn tất thủ tục giao nhận tại kho người bán, đồng nghĩa với việc bên mua đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

- Trường hợp mua hàng chuyển hàng: Theo hợp đồng, bên bán có trách nhiệm vận chuyển và giao hàng đến địa điểm chỉ định của bên mua. Thời điểm xác định hàng mua là khi bên mua đã nhận đủ hàng được chuyển đến, kiểm đếm, nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

1.1.2. Phân loại hàng hóa

Trong doanh nghiệp thương mại, hàng hóa được hiểu là những sản phẩm được mua vào với mục đích chính là bán lại mà không qua chế biến, nhằm tạo ra lợi nhuận từ chênh lệch giá. Việc phân loại hàng hóa là quá trình sắp xếp hàng hóa thành các nhóm có cùng đặc điểm dựa trên những tiêu chí cụ thể, giúp doanh nghiệp quản lý và vận hành hiệu quả.

Các tiêu thức phân loại phổ biến bao gồm:

- Theo ngành hàng: Căn cứ vào tính chất và lĩnh vực kinh doanh. (Ví dụ: Hàng thực phẩm, hàng điện tử - công nghệ, hàng nông sản, hàng gia dụng, hàng thời trang.)

- Theo nguồn hình thành: Căn cứ vào xuất xứ và phương thức thu mua. (Ví dụ: Hàng mua trong nước, hàng nhập khẩu, hàng nhận góp vốn liên doanh.)

Tùy vào mặt hàng kinh doanh và năng lực quản lý, doanh nghiệp sẽ lựa chọn tiêu thức phân loại phù hợp. Việc này không chỉ giúp công tác quản lý kho, tính giá và báo cáo tài chính được chính xác, mà còn là nền tảng để hoạch định chiến lược mua bán, tối ưu hóa lợi nhuận và đưa ra các quyết định kinh doanh hiệu quả.

1.1.3. Tính giá hàng hóa

Tính giá hàng hóa là nghiệp vụ kế toán cốt lõi nhằm xác định chính xác giá trị thực tế (giá gốc) của hàng hóa khi nhập kho, xuất kho và tồn kho. Việc

này phải tuân thủ Chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho, làm cơ sở để tính giá vốn hàng bán, quản trị tồn kho và lập báo cáo tài chính trung thực.

1.1.3.1. Tính giá hàng hóa nhập kho

Giá trị thực tế hàng hóa nhập kho được xác định theo công thức:

Giá trị thực tế nhập kho = Giá mua ghi trên hóa đơn + Thuế không hoàn lại + Chi phí thu mua – Các khoản giảm trừ

Trong đó:

- Giá mua trên hóa đơn: Là giá chưa thuế GTGT (nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ) hoặc giá đã bao gồm thuế GTGT (nếu tính theo phương pháp trực tiếp).

- Thuế không hoàn lại: Bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế GTGT hàng nhập khẩu không được khấu trừ.

- Chi phí thu mua: Gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo hiểm, bảo quản, tiền thuê kho bãi, hao hụt hợp lý và chi phí của bộ phận thu mua.

- Các khoản giảm trừ: Bao gồm Giảm giá hàng mua (do hàng kém chất lượng), Chiết khấu thương mại (do mua số lượng lớn) và trị giá Hàng mua trả lại.

1.1.3.2. Tính giá hàng hóa xuất kho và tồn kho

Để tính giá trị hàng hóa xuất bán và tồn kho cuối kỳ, doanh nghiệp phải lựa chọn và áp dụng nhất quán một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp Giá đích danh: Áp dụng cho hàng hóa có tính chất riêng biệt, giá trị cao. Giá xuất kho chính xác là đơn giá của từng lô hàng cụ thể.

- Phương pháp Bình quân gia quyền: Giá xuất kho được tính theo đơn giá bình quân của toàn bộ hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ. Phương pháp này phổ biến và dễ áp dụng.

- Phương pháp Nhập trước, Xuất trước (FIFO): Giả định lô hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Giá xuất kho được tính theo đơn giá của lô hàng nhập sớm nhất còn trong kho.

1.1.4. Đặc điểm công nợ phải trả người bán

1.1.4.1. Khái niệm

Công nợ phải trả người bán là các khoản nghĩa vụ tài chính mà doanh nghiệp phải thanh toán cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ do đã nhận hàng nhưng chưa chi trả hoặc chi trả chưa đủ. Theo Chuẩn mực kế toán VAS 01, đây là nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ giao dịch đã xảy ra, mà doanh nghiệp chắc chắn phải dùng nguồn lực kinh tế của mình để trang trải, với giá trị được xác định một cách đáng tin cậy.

1.1.4.2. Phân loại

Căn cứ vào thời hạn thanh toán, công nợ phải trả người bán được chia thành:

- + Nợ phải trả ngắn hạn: Là các khoản nợ có thời hạn thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh hoặc dưới một năm (ví dụ: nợ phải trả nhà cung cấp thông thường).

- + Nợ phải trả dài hạn: Là các khoản nợ có thời hạn thanh toán trên một năm, thường phát sinh từ các hợp đồng mua hàng lớn, trả chậm dài hạn.

1.1.4.3. Đặc điểm

Trong doanh nghiệp thương mại, công nợ phải trả người bán có những đặc điểm chính sau:

- + Tính thương mại và thời hạn ngắn: Đây chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn, phát sinh từ việc mua chịu hàng hóa để tái bán. Thời hạn thanh toán thường từ 30 đến 90 ngày, có thể dài hơn nếu có thỏa thuận đặc biệt.

- + Quy mô biến động theo hoạt động: Số dư công nợ tỷ lệ thuận với khối lượng và tần suất mua hàng. Quy mô thường lớn ở các doanh nghiệp phân phối, bán buôn hoặc nhập khẩu.

- + Phương thức thanh toán đa dạng: Việc thanh toán có thể được thực hiện qua chuyển khoản, tiền mặt, hoặc thông qua cơ chế bù trừ công nợ, tùy theo thỏa thuận với từng nhà cung cấp.

+ Chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố: Công nợ chịu tác động của chu kỳ kinh doanh, biến động giá cả thị trường, và đối với hàng nhập khẩu còn chịu rủi ro về tỷ giá hối đoái.

+ Đòi hỏi quản lý chặt chẽ: Cần được theo dõi chi tiết theo từng nhà cung cấp, hợp đồng qua sổ sách kế toán hoặc phần mềm chuyên dụng. Quản lý kém có thể dẫn đến rủi ro thanh khoản, phát sinh lãi phạt quá hạn và làm tổn hại uy tín, thậm chí tranh chấp pháp lý với đối tác.

1.2. Kế toán mua hàng

1.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

Để ghi nhận, theo dõi và phản ánh chính xác nghiệp vụ mua hàng, kế toán sử dụng một hệ thống chứng từ và tài khoản cụ thể như sau:

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

Các chứng từ chính phục vụ cho quá trình mua hàng bao gồm:

- Chứng từ khởi tạo và thỏa thuận: Phiếu đề nghị mua hàng (nội bộ), Hợp đồng kinh tế, Đơn đặt hàng.

- Chứng từ giao nhận và nghiệm thu: Biên bản giao nhận hàng hóa, Biên bản kiểm tra chất lượng.

- Chứng từ do người bán cung cấp: Hóa đơn (Hóa đơn GTGT là chủ yếu), Hóa đơn thương mại (với hàng nhập khẩu).

- Chứng từ hoàn tất nhập kho nội bộ: Phiếu nhập kho (là căn cứ trực tiếp để ghi tăng hàng tồn kho).

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Các tài khoản kế toán chủ yếu được sử dụng để hạch toán nghiệp vụ mua hàng:

- Tài khoản phản ánh Giá trị Hàng mua (Tài sản):

+ TK 151 - Hàng mua đang đi đường: Phản ánh giá trị hàng đã mua nhưng cuối kỳ chưa về đến kho.

+ TK 152, 155, 156 - Nguyên vật liệu, Thành phẩm, Hàng hóa: Phản ánh giá trị thực tế hàng nhập kho.

- Tài khoản phản ánh Nghĩa vụ Thanh toán (Nợ phải trả):

+ TK 331 - Phải trả cho người bán: Tài khoản chính dùng để phản ánh các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp về hàng hóa, dịch vụ đã nhận.

- Tài khoản phản ánh Thuế GTGT đầu vào:

+ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ: Phản ánh số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào (khi có hóa đơn GTGT hợp lệ).

- Tài khoản phản ánh Chi phí và Giảm trừ:

+ TK 156, 152: Được sử dụng để tập hợp chi phí thu mua (vận chuyển, bốc xếp...).

+ TK 331, 133: Được sử dụng để ghi nhận các khoản giảm trừ (Giảm giá hàng mua, Chiết khấu thương mại, Hàng mua trả lại).

1.2.2. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán nghiệp vụ mua hàng là một chuỗi các bước công việc kế toán được thực hiện tuần tự, nhằm ghi nhận, kiểm tra, xử lý và tổng hợp một cách có hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ mua hàng phát sinh, đảm bảo số liệu được phản ánh chính xác, kịp thời và đúng các quy định hiện hành.

Mục tiêu: Nhằm cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ về tình hình mua hàng, giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả, phục vụ cho công tác quản trị nội bộ và báo cáo tài chính.

*** Các bước trong quy trình hạch toán mua hàng**

- Bước 1: Khởi tạo và tiếp nhận chứng từ gốc

+ Nghiệp vụ mua hàng bắt đầu khi phát sinh các chứng từ gốc như: Phiếu đề nghị mua hàng (nội bộ), Hợp đồng, Đơn đặt hàng.

+ Khi hàng về và được nghiệm thu, các chứng từ quan trọng như Biên bản giao nhận, Hóa đơn của nhà cung cấp, Phiếu nhập kho sẽ được chuyển đến bộ phận kế toán.

- Bước 2: Kiểm tra, phân loại và luân chuyển chứng từ

+ Kế toán mua hàng tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và sự nhất quán của bộ chứng từ (đối chiếu số lượng, đơn giá, điều khoản giữa hợp đồng, hóa đơn và phiếu nhập kho).

+ Chứng từ sau khi kiểm tra được phân loại và luân chuyển để phê duyệt thanh toán theo quy định nội bộ.

- Bước 3: Xác định giá trị thực tế hàng nhập kho và định khoản

+ Kế toán tính giá trị thực tế của lô hàng nhập kho theo công thức: Giá mua + Chi phí thu mua + Thuế không hoàn lại - Các khoản giảm trừ.

+ Chi phí mua hàng (vận chuyển, bốc dỡ, bảo hiểm...) được ghi tăng trực tiếp vào giá gốc hàng tồn kho (TK 152, 156) ngay khi nhập kho, không được hạch toán vào chi phí trong kỳ; chỉ khi hàng bán mới kết chuyển sang giá vốn (TK 632).

+ Căn cứ vào giá trị này và tình hình thanh toán, kế toán thực hiện định khoản (ghi Nợ/Có) vào các tài khoản phù hợp. Ví dụ:

+ Khi hàng đã nhập kho và có hóa đơn:

Nợ TK 156 (Hàng hóa) - Giá chưa thuế

Nợ TK 133 (Thuế GTGT được khấu trừ) - Số thuế

Có TK 331 (Phải trả người bán) - Tổng giá thanh toán

- Bước 4: Ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp

+ Thông tin từ chứng từ và bút toán định khoản được ghi vào các sổ kế toán chi tiết (như Sổ chi tiết hàng hóa, Sổ chi tiết thanh toán với từng nhà cung cấp).

+ Đồng thời, nghiệp vụ được ghi vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái các tài khoản liên quan).

- Bước 5: Đối chiếu, tổng hợp số liệu cuối kỳ và lập báo cáo

+ Đối chiếu số liệu: Định kỳ đối chiếu số liệu giữa sổ sách kế toán với thẻ kho của thủ kho (về số lượng), và đối chiếu công nợ với nhà cung cấp.

+ Tổng hợp và lập báo cáo: Tổng hợp số liệu nhập - xuất - tồn để xác định giá vốn hàng bán. Lập các báo cáo như Bảng tổng hợp nhập xuất tồn, Báo cáo công nợ phải trả, cung cấp số liệu cho Báo cáo tài chính.

*** Các trường hợp đặc biệt trong hạch toán mua hàng**

- Mua hàng nhập kho trong nước: Đây là trường hợp cơ bản đã được trình bày ở Bước 3 của quy trình. Hàng hóa được nhập kho đồng thời với việc nhận hóa đơn GTGT.

Nợ TK 156 – Hàng hóa (giá chưa thuế)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (tổng thanh toán)

- Mua hàng nội bộ (giữa các đơn vị trong cùng một công ty): Khi Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa có các chi nhánh, bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc và phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa nội bộ, kế toán sử dụng tài khoản TK 336 – Phải trả nội bộ để theo dõi.

Nợ TK 156 – Hàng hóa

Nợ TK 133 – Thuế GTGT

Có TK 336 – Phải trả nội bộ

- Mua hàng đã có hóa đơn nhưng chưa về nhập kho (hàng đang đi đường): Trường hợp hóa đơn GTGT đã về, Công ty đã ghi nhận công nợ nhưng hàng hóa chưa về đến kho (do đang vận chuyển), kế toán sử dụng TK 151 – Hàng mua đang đi đường.

Nợ TK 151 – Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 – Thuế GTGT

Có TK 331 – Phải trả người bán

- Hàng mua bị trả lại (trả hàng cho nhà cung cấp):

+ Khi phát hiện hàng hóa không đúng chất lượng, sai quy cách hoặc bị hư hỏng, Công ty có thể trả lại một phần hoặc toàn bộ lô hàng cho nhà cung cấp. Kế toán ghi giảm hàng hóa tồn kho và giảm công nợ phải trả tương ứng.

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán

Có TK 156 – Hàng hóa (giá vốn)

Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

+ Trường hợp Công ty đã thanh toán cho nhà cung cấp trước khi phát hiện lỗi, thì khi trả lại hàng, kế toán có thể yêu cầu nhà cung cấp xuất hóa đơn điều chỉnh giảm hoặc chuyển khoản hoàn tiền.

Khi nhận được tiền hoặc được bù trừ, ghi:

Nợ TK 111, 112 (Nhận lại tiền)

Có TK 1388 (nếu chưa nhận lại tiền và chờ xử lý)

Nếu nhà cung cấp chưa hoàn tiền ngay mà chỉ xuất hóa đơn điều chỉnh và cam kết bù trừ vào công nợ của các lần mua sau, Công ty có thể hạch toán tạm thời vào TK 1388 – Phải thu khác:

Nợ TK 1388 – Phải thu khác

Có TK 156 – Hàng hóa

Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Khi đã thanh toán đủ cho nhà cung cấp rồi mới phát hiện hàng lỗi và trả lại, nhà cung cấp sẽ hoàn tiền (cả gốc và thuế) qua chuyển khoản hoặc hóa đơn điều chỉnh giảm.

Nợ TK 111/112 – Tiền gửi ngân hàng

Có TK 156 – Hàng hóa

Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

1.2.3. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán mua hàng

Kế toán mua hàng là một vị trí then chốt, đảm bảo hoạt động mua sắm nguyên vật liệu, hàng hóa của doanh nghiệp được diễn ra trôi chảy, minh bạch và hiệu quả về mặt tài chính.

1.2.3.1. Vai trò

- Ghi chép và cung cấp thông tin: Đóng vai trò là trung tâm dữ liệu cho mọi hoạt động mua vào, cung cấp số liệu chính xác, kịp thời phục vụ cho báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và ra quyết định.

- Kiểm soát và giám sát: Là cơ quan kiểm soát nội bộ quan trọng, giúp giám sát việc thực hiện kế hoạch mua hàng, tuân thủ ngân sách, hợp đồng và các quy định của doanh nghiệp.

- Quản lý tài chính và dòng tiền: Trực tiếp quản lý các khoản nợ phải trả nhà cung cấp, lên kế hoạch thanh toán hợp lý để tối ưu dòng tiền ra, tận dụng các khoản chiết khấu và tránh phát sinh chi phí trả chậm.

- Phối hợp và hỗ trợ: Là cầu nối giữa bộ phận Thu mua, Kho và Kế toán tổng hợp/Tài chính, đảm bảo thông tin được thống nhất và quy trình vận hành nhịp nhàng.

1.2.3.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện các vai trò trên, kế toán mua hàng phải thực hiện những nhiệm vụ rất cụ thể:

- Ghi chép và hạch toán:

+ Kiểm tra & tiếp nhận chứng từ: Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của toàn bộ chứng từ mua hàng (Hợp đồng, Đơn đặt hàng, Hóa đơn, Phiếu nhập kho, Biên bản nghiệm thu...).

+ Ghi nhận giá gốc hàng nhập: Tính toán chính xác giá trị thực tế của hàng hóa nhập kho, bao gồm: giá mua, thuế không hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp... và trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có).

+ Định khoản và ghi sổ: Phản ánh nghiệp vụ mua hàng lên các sổ sách kế toán chi tiết và tổng hợp, ghi nhận nợ phải trả nhà cung cấp và thuế GTGT đầu vào.

- Theo dõi và kiểm soát:

+ Theo dõi đơn hàng & hợp đồng: Giám sát tiến độ thực hiện từng đơn đặt hàng, hợp đồng với nhà cung cấp, đảm bảo hàng hóa được giao đúng số lượng, chất lượng và thời hạn.

+ Theo dõi công nợ chi tiết: Mở sổ chi tiết công nợ cho từng nhà cung cấp, theo dõi chặt chẽ số tiền đã ứng trước, còn nợ và hạn thanh toán.

+ Kiểm soát ngân sách mua hàng: Đối chiếu số liệu mua hàng thực tế với ngân sách/dự toán đã được phê duyệt, cảnh báo khi có nguy cơ vượt ngân sách.

- Thanh toán và đối chiếu:

+ Lập kế hoạch & đề nghị thanh toán: Căn cứ vào hạn thanh toán và tình hình dòng tiền, lập kế hoạch và đề xuất thanh toán cho nhà cung cấp đúng hạn.

+ Đối chiếu công nợ định kỳ: Chủ động đối chiếu số dư công nợ với nhà cung cấp (thông qua bảng xác nhận công nợ) để phát hiện và xử lý kịp thời sai lệch, tranh chấp.

+ Theo dõi các khoản ứng trước: Quản lý chặt chẽ các khoản tạm ứng cho nhân viên đi mua hàng hoặc ứng trước cho nhà cung cấp, đảm bảo quyết toán đầy đủ.

- Báo cáo và cung cấp thông tin:

+ Lập báo cáo nội bộ: Lập các báo cáo định kỳ như: Báo cáo tình hình mua hàng, Báo cáo công nợ phải trả, Báo cáo hàng tồn kho, Báo cáo tình hình sử dụng ngân sách mua hàng.

+ Cung cấp số liệu cho quản lý: Cung cấp kịp thời các thông tin, số liệu phân tích về biến động giá cả, hiệu quả làm việc của nhà cung cấp, tồn kho... giúp lãnh đạo đưa ra quyết định về đàm phán giá, lựa chọn nhà cung cấp hoặc điều chỉnh mức dự trữ.

1.3. Kế toán công nợ phải trả

1.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

1.3.1.1. Chứng từ

- Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn mua hàng (bên bán lập): Đây là chứng từ quan trọng nhất, thể hiện giá trị hàng hóa, dịch vụ đã mua từ nhà cung cấp

- Hợp đồng mua bán

- Hợp đồng vay, khế ước vay

- Biên bản giao nhận hàng hóa

- Biên bản đối chiếu công nợ

- Phiếu nhập kho

- Giấy đề nghị thanh toán, giấy báo nợ, giấy báo có, phiếu chi, ủy nhiệm chi,...

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 331 – *Phải trả người bán*: Là tài khoản được sử dụng để phản ánh, theo dõi và quản lý chi tiết các khoản nợ cho từng nhà cung cấp, đảm bảo việc ghi nhận và thanh toán công nợ được chính xác, đầy đủ và kịp thời

Bên Nợ

- Số tiền phải trả hoặc ứng trước cho nhà cung cấp

- Giảm giá, hàng mua trả lại cho người bán

- Chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán

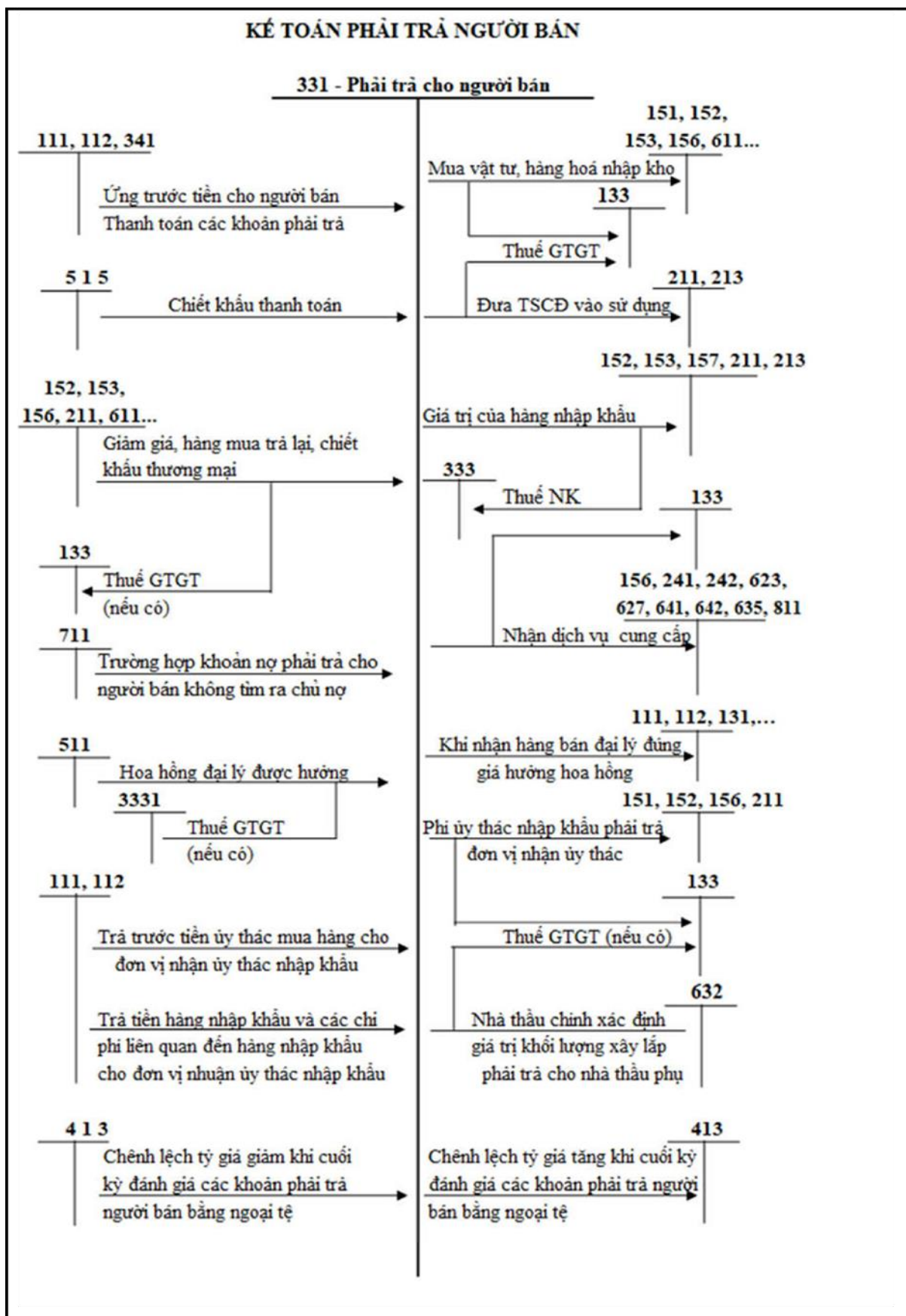
Bên Có

- Số tiền phải trả cho người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của hàng hóa khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản có liên quan như: TK 111, TK 112, TK 133, TK 635...

1.3.1.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1. Phương pháp hạch toán công nợ phải trả

1.3.2. Quy trình hạch toán

Công nợ phải trả là các khoản nghĩa vụ tài chính mà doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán cho người bán, nhà cung cấp phát sinh trong quá trình mua sắm vật tư, hàng hóa, tài sản cố định hoặc sử dụng dịch vụ. Việc tổ chức hạch toán kế toán công nợ phải trả có ý nghĩa quan trọng trong việc phản ánh trung thực tình hình tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì uy tín với đối tác và nâng cao hiệu quả quản lý vốn của doanh nghiệp.

Quy trình hạch toán kế toán công nợ phải trả được thực hiện theo các bước sau:

1.3.2.1. Tiếp nhận và kiểm tra chứng từ

Khi phát sinh các nghiệp vụ mua hàng hóa, dịch vụ chưa thanh toán, kế toán tiến hành tiếp nhận đầy đủ các chứng từ liên quan như: hợp đồng kinh tế, hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận hàng hóa, dịch vụ và các chứng từ khác có liên quan.

Sau khi tiếp nhận, kế toán kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ của chứng từ nhằm đảm bảo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh đúng thực tế, đúng quy định của pháp luật và chế độ kế toán hiện hành. Đây là bước quan trọng, làm căn cứ cho việc ghi nhận công nợ phải trả chính xác.

1.3.2.2. Ghi nhận công nợ phải trả

Căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra hợp lệ, kế toán tiến hành ghi nhận khoản công nợ phải trả phát sinh. Việc ghi nhận bao gồm xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào, số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (nếu có), đối tượng phải trả và thời hạn thanh toán theo hợp đồng.

Trong quá trình hạch toán, kế toán sử dụng Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán để phản ánh tổng số tiền doanh nghiệp phải thanh toán cho nhà cung cấp. Tài khoản này được theo dõi chi tiết theo từng người bán, từng hợp đồng hoặc từng lần phát sinh nhằm phục vụ công tác quản lý công nợ.

1.3.2.3. Theo dõi và quản lý công nợ phải trả

Sau khi ghi nhận, kế toán mở sổ chi tiết công nợ phải trả cho từng nhà cung cấp. Nội dung theo dõi bao gồm số phát sinh tăng, số phát sinh giảm và số dư công nợ tại từng thời điểm. Đồng thời, công nợ được phân loại theo thời hạn thanh toán như công nợ chưa đến hạn, công nợ đến hạn và công nợ quá hạn.

Việc theo dõi và quản lý công nợ giúp doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch thanh toán hợp lý, kiểm soát dòng tiền và hạn chế rủi ro tài chính phát sinh do chậm thanh toán.

1.3.2.4. Thanh toán công nợ phải trả

Khi đến hạn thanh toán, kế toán căn cứ vào các chứng từ thanh toán như phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ của ngân hàng và biên bản đối chiếu công nợ để thực hiện thanh toán cho người bán. Sau khi thanh toán, kế toán ghi giảm công nợ phải trả tương ứng trên Tài khoản 331.

Việc thanh toán công nợ được thực hiện đúng đối tượng, đúng số tiền và đúng thời hạn, góp phần đảm bảo uy tín và mối quan hệ hợp tác lâu dài với nhà cung cấp.

1.3.2.5. Đối chiếu và xác nhận công nợ

Định kỳ theo tháng, quý hoặc năm, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu công nợ phải trả với nhà cung cấp. Trên cơ sở kết quả đối chiếu, kế toán lập biên bản xác nhận công nợ nhằm đảm bảo số liệu ghi nhận trên sổ sách kế toán phù hợp với số liệu của đối tác.

Trường hợp phát sinh chênh lệch, kế toán cần xác định nguyên nhân và thực hiện điều chỉnh kịp thời theo đúng quy định, đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin kế toán.

1.3.2.6. Lập báo cáo công nợ phải trả

Cuối kỳ kế toán, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết và sổ tổng hợp công nợ để lập báo cáo công nợ phải trả. Báo cáo này là cơ sở để lập báo cáo tài chính, đồng thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản trị nội bộ, đánh giá khả năng thanh toán và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.3.3. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán công nợ phải trả

Kế toán công nợ phải trả có vai trò then chốt trong việc quản lý chính xác các khoản nợ phải trả nhà cung cấp, góp phần đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì uy tín tín dụng và tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp.

1.3.3.1. Vai trò

- Trung tâm thông tin: Cung cấp số liệu chính xác, kịp thời về công nợ phải trả, phục vụ công tác báo cáo tài chính và ra quyết định quản trị.
- Bộ phận kiểm soát: Giám sát việc phát sinh và thanh toán công nợ, đảm bảo tuân thủ hợp đồng, chính sách tài chính và các quy định nội bộ.
- Nhà quản lý dòng tiền: Hoạch định và điều phối kế hoạch thanh toán, tận dụng tối đa kỳ hạn tín dụng và các ưu đãi, tránh chi phí trả chậm.
- Cầu nối đối ngoại: Là đầu mối liên hệ chính về tài chính với nhà cung cấp, góp phần duy trì và phát triển mối quan hệ đối tác tin cậy.

1.3.3.2. Nhiệm vụ

- Hạch toán và ghi sổ: Kiểm tra chứng từ, định khoản và ghi nhận chính xác các khoản nợ phải trả vào sổ sách kế toán.
- Theo dõi và quản lý: Giám sát chi tiết công nợ theo từng nhà cung cấp, cảnh báo các khoản đến hạn và quá hạn để chủ động xử lý.
- Tổ chức thanh toán: Lập kế hoạch, đề xuất và thực hiện thanh toán đúng hạn, đúng đối tượng.
- Đối chiếu và xác nhận: Chủ động đối chiếu số liệu công nợ với nhà cung cấp định kỳ để phát hiện và xử lý kịp thời mọi sai lệch.
- Báo cáo và tư vấn: Lập báo cáo phân tích tình hình công nợ, cung cấp thông tin hỗ trợ ban lãnh đạo trong việc hoạch định tài chính và đánh giá đối tác.

1.4. Các hình thức ghi sổ chủ yếu

Việc lựa chọn hình thức ghi sổ kế toán phù hợp là một quyết định quan trọng, mang tính cá thể hóa cao ở mỗi doanh nghiệp. Sự lựa chọn này phụ

thuộc vào nhiều yếu tố như quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, khả năng kiểm soát thông tin và cả trình độ chuyên môn của đội ngũ kế toán. Trong thực tiễn, ba hình thức ghi sổ được áp dụng phổ biến và linh hoạt nhất bao gồm:

- Hình thức Nhật ký chung.
- Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Kế toán trên máy vi tính.

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung

1.4.1.1. Đặc trưng

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung của nghiệp vụ đó. Sau đó, tất cả các số liệu trên sổ Nhật ký chung được kế toán ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

1.4.1.2. Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau

- Sổ Nhật ký chung (Mẫu số S04a-DN)
- Sổ Nhật ký đặc biệt (Mẫu số S04b-DN)
- Sổ Cái (Mẫu số S03a-DN)
- Các sổ (thẻ) kế toán chi tiết
- Sổ chi tiết tài khoản (Mẫu số S38-DN)
- Sổ chi tiết công nợ phải trả (Mẫu số S11-DN)
- Thẻ kho (Mẫu số S20-DN)

1.4.1.3. Trình tự ghi sổ

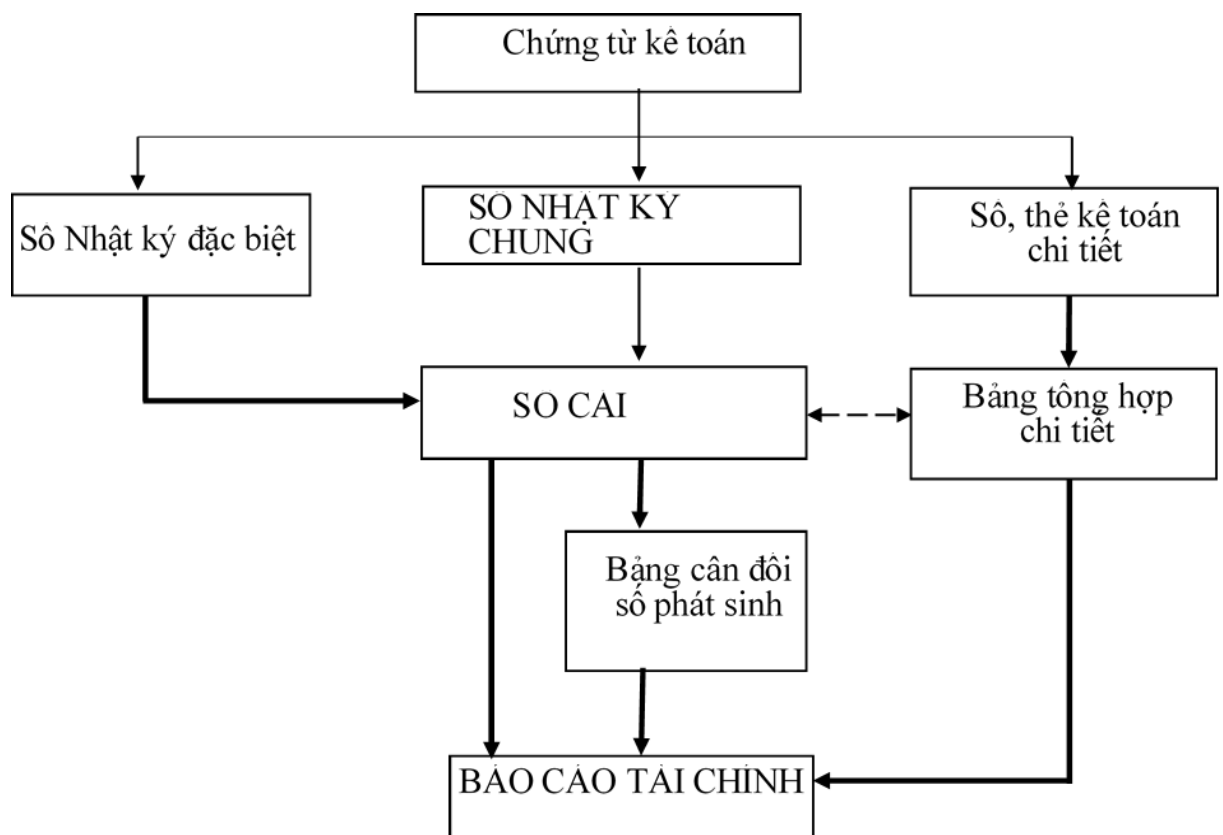
Dựa trên các chứng từ kế toán đã được kiểm tra, quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung được thực hiện theo các bước có hệ thống như sau:

Đầu tiên, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi nhận trình tự theo thời gian vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó, từ số liệu trong sổ này, kế toán tiến hành ghi sổ (posting) vào Sổ Cái của các tài khoản kế toán có liên quan.

Song song với quá trình trên, nếu doanh nghiệp có mở sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết (cho hàng tồn kho, công nợ...), các nghiệp vụ cũng sẽ được ghi đồng thời vào các sổ chi tiết tương ứng.

Trong trường hợp doanh nghiệp sử dụng thêm các sổ Nhật ký đặc biệt (như Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền...), kế toán sẽ căn cứ trực tiếp vào chứng từ để ghi vào các sổ đặc biệt này trước khi tổng hợp số liệu chuyển vào Sổ Cái.

Vào cuối kỳ kế toán, sau khi đã cộng số liệu trên Sổ Cái và lập Bảng cân đối số phát sinh, một bước đối chiếu quan trọng được thực hiện: Tổng số phát sinh Nợ và Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải hoàn toàn khớp với tổng số phát sinh Nợ và Có đã ghi trên Sổ Nhật ký chung. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu và đảm bảo tính chính xác giữa Sổ Cái với các Bảng tổng hợp chi tiết (lập từ sổ thẻ chi tiết), số liệu này mới chính thức được sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cuối kỳ.



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

← — — → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

- Ưu điểm: Hình thức này tạo ra một hệ thống ghi chép có tính lịch sử và minh bạch cao. Việc phản ánh mọi nghiệp vụ theo trình tự thời gian trên Sổ Nhật ký chung giúp dễ dàng truy xuất nguồn gốc, kiểm tra và đối chiếu từng giao dịch một cách có hệ thống, hỗ trợ tối đa cho công tác kiểm toán và giám sát nội bộ.

- Nhược điểm: Một hạn chế cần lưu ý là khả năng ghi chép trùng lặp. Cùng một nghiệp vụ có thể phải ghi nhiều lần vào các tài khoản Sổ Cái khác nhau, làm tăng khối lượng công việc và tiềm ẩn rủi ro sai sót. Do đó, hình thức này đòi hỏi quy trình kiểm soát và đối chiếu chặt chẽ trước khi chuyển số liệu từ Nhật ký chung vào Sổ Cái để đảm bảo tính chính xác tuyệt đối.

1.4.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ

1.4.2.1. Đặc trưng

Chứng từ ghi sổ được quản lý một cách hệ thống thông qua việc đánh số hiệu liên tục theo từng tháng hoặc cả năm, dựa trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Mỗi chứng từ ghi sổ bắt buộc phải kèm theo chứng từ kế toán gốc đầy đủ và chỉ được phép ghi vào sổ sách kế toán sau khi đã có sự phê duyệt của kế toán trưởng, đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp và độ tin cậy của thông tin trước khi hạch toán.

1.4.2.2. Hình thức chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau

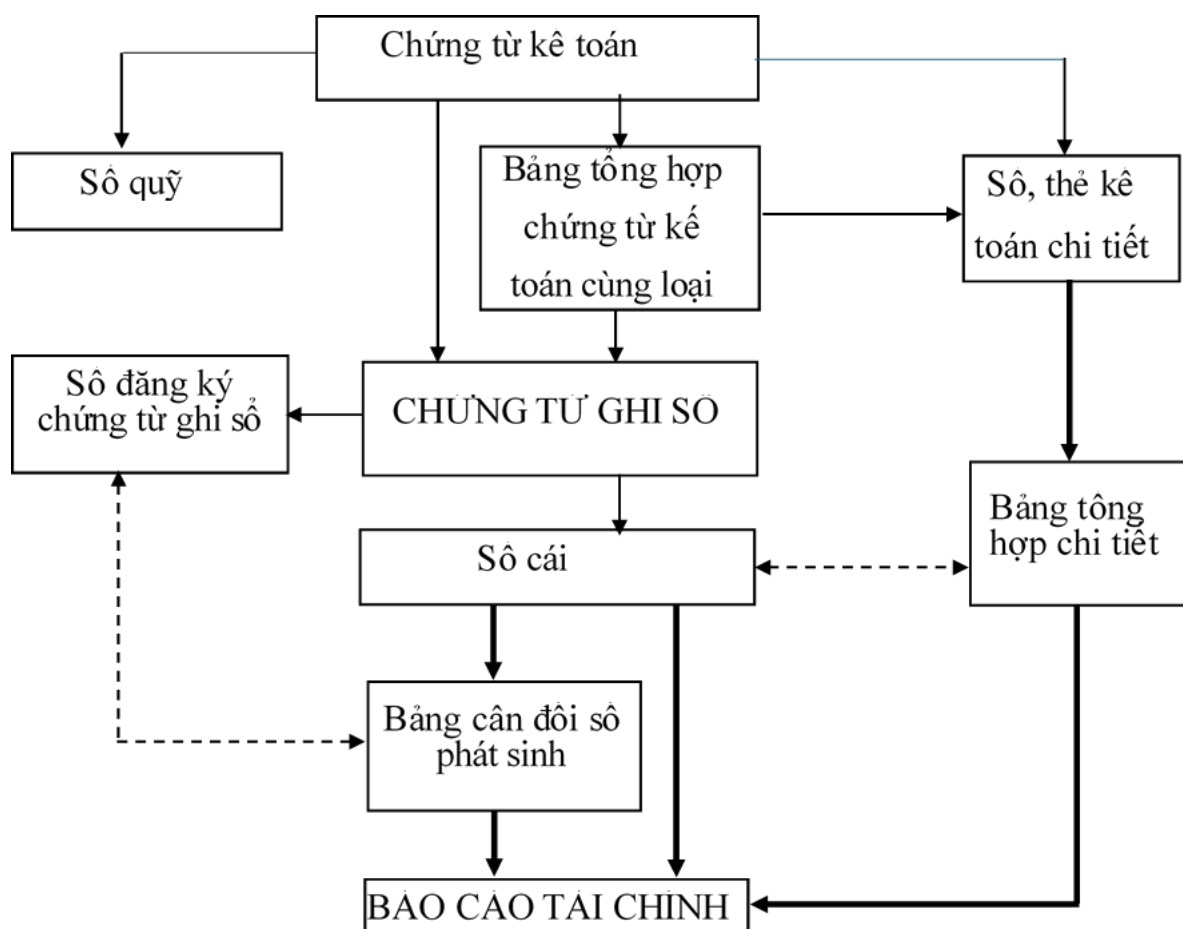
- Chứng từ ghi sổ (Mẫu số S02a-DN)
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu số S02b-DN)
- Sổ cái (Mẫu số S03b-DN)
- Các sổ (thẻ) kế toán chi tiết

1.4.2.3. Trình tự ghi sổ

Hình thức Chứng từ ghi sổ là một quy trình kế toán hệ thống và chặt chẽ. Toàn bộ nghiệp vụ bắt đầu từ việc lập Chứng từ ghi sổ dựa trên chứng từ gốc hoặc Bảng tổng hợp chứng từ đã kiểm tra. Chứng từ này được đăng ký số hiệu liên tục vào Sổ Đăng ký, tạo thành một danh mục kiểm soát.

Sau đó, việc ghi sổ được thực hiện song song: Chứng từ ghi sổ dùng để ghi trực tiếp vào Sổ Cái, trong khi chứng từ gốc được dùng để ghi chi tiết vào các Sổ (Thẻ) kế toán chi tiết.

Vào cuối kỳ, kế toán khóa sổ, tổng hợp số liệu từ Sổ Đăng ký và Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Một nguyên tắc bắt buộc là tổng số dư Nợ và Có trên Bảng này phải bằng nhau. Trước khi lập báo cáo, số dư từng tài khoản trên Bảng cân đối phải được đối chiếu và khớp chính xác với số liệu chi tiết từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết. Cơ chế kiểm tra chéo xuyên suốt này đảm bảo tính chính xác cao và tăng cường kiểm soát nội bộ, làm cơ sở vững chắc để lập Báo cáo tài chính tin cậy.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ← — — → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

- Ưu điểm:

- + Đơn giản, dễ ghi chép
- + Phân công lao động kế toán thuận lợi

- Nhược điểm:

- + Khối lượng công việc kế toán lớn do: Số lượng ghi chép nhiều, có hiện tượng trùng lặp
- + Không có sự kiểm tra đối chiếu thường xuyên
- + Việc cung cấp thông tin khi có nhu cầu thường bị chậm

1.4.3. Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.4.3.1. Đặc trưng

Toàn bộ công tác kế toán, từ việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh đến việc tổng hợp và lập báo cáo, đều được tự động hóa thông qua một phần mềm kế toán chuyên dụng trên máy vi tính. Mọi bút toán, sổ sách và báo cáo đều được phần mềm xử lý, lưu trữ và truy xuất một cách có hệ thống, nhanh chóng và chính xác, dựa trên dữ liệu đầu vào từ các chứng từ gốc.

1.4.3.2. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định

- Hình thức nhật ký chung
- Hình thức nhật ký sổ cái
- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức nhật ký chứng từ

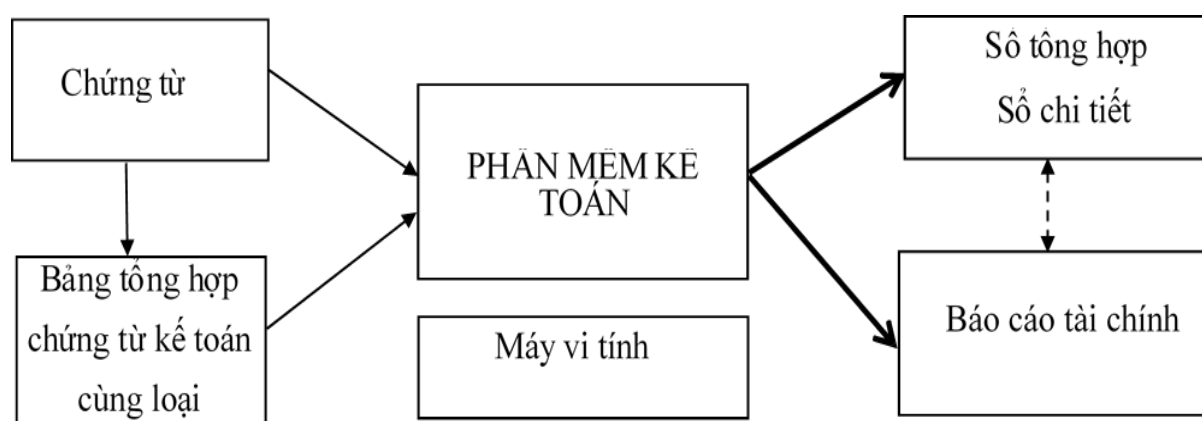
Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức ghi sổ nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng thủ công

1.4.3.3. Trình tự ghi sổ

Quy trình ghi sổ kế toán trên máy vi tính được vận hành một cách hệ thống và tận dụng tối đa khả năng tự động hóa của phần mềm chuyên dụng. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hoặc Bảng tổng hợp chứng từ đã được kiểm tra để xác định tài khoản ghi Nợ, Có và nhập dữ liệu vào các biểu mẫu được thiết kế sẵn. Ngay lập tức, hệ thống sẽ tự động hạch toán và ghi nhận thông tin đồng thời vào cả sổ kế toán tổng hợp (như Sổ Cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Đến cuối kỳ tháng, quý hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào kế toán tiến hành thao tác khóa sổ. Phần mềm sẽ tự động tổng hợp số liệu và hỗ trợ lập các Báo cáo tài chính. Nhờ đó, kế toán có thể dễ dàng kiểm tra, đối chiếu tính chính xác giữa số liệu trên sổ sách điện tử và các báo cáo đã được xuất ra.

Sau khi hoàn tất việc đối chiếu, kế toán thực hiện in các Báo cáo tài chính theo quy định. Định kỳ cuối tháng và cuối năm, toàn bộ sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển, ký xác nhận và thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý như đối với sổ kế toán ghi tay, nhằm đảm bảo tính hợp thức trong công tác lưu trữ và báo cáo.



Ghi chú:

————→ Nhập số liệu hằng ngày

————→ In số, báo cáo cuối tháng, cuối năm

←---→ Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 1.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

- *Ưu điểm:*

+ Tốc độ xử lý và khả năng truy xuất thông tin vượt trội:

Dữ liệu được nhập và xử lý ổn định, nhanh chóng hơn hẳn so với ghi sổ thủ công.

Thông tin có thể được tra cứu tức thời và dễ dàng chia sẻ đồng thời cho nhiều người dùng, nâng cao hiệu quả công việc.

+ Hỗ trợ mạnh mẽ công tác quản trị và dự báo:

Các tính năng tự động như dự báo dòng tiền, lập báo cáo và cảnh báo thông minh giúp doanh nghiệp sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn.

Góp phần cải thiện quản lý công nợ, kiểm soát hàng tồn kho và tối ưu hóa dòng tiền.

+ Tiết kiệm thời gian và giảm chi phí kiểm toán:

Tự động hóa giúp giảm đáng kể thời gian thực hiện nghiệp vụ thủ công.

Hệ thống hồ sơ điện tử gọn gàng, chính xác và minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí cho công tác kiểm toán.

- *Nhược điểm:*

+ Yêu cầu cao về trình độ nhân sự:

Đòi hỏi kế toán viên không chỉ vững kiến thức chuyên môn mà còn phải thành thạo phần mềm và có khả năng xử lý các sự cố kỹ thuật cơ bản.

+ Chi phí đầu tư và vận hành lớn:

Ngoài chi phí mua bản quyền ban đầu, doanh nghiệp phải liên tục chi trả cho các khoản bảo trì, nâng cấp và cập nhật phiên bản định kỳ.

+ Tính linh hoạt và khả năng tùy chỉnh có hạn:

Mỗi ngành nghề, doanh nghiệp có đặc thù riêng, đôi khi phần mềm tổng quan không đáp ứng được hết nhu cầu.

Việc phát triển thêm tính năng tùy chỉnh thường phức tạp, tốn kém thời gian và ngân sách.

Chương 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

2.1.1.1. Thông tin chung

Tên công ty: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Tên viết tắt: VK

Loại hình hoạt động: Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài Nhà nước

Mã số thuế: 2700947537

Trụ sở chính: Thôn Kiến Phong, Xã Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Người đại diện pháp luật: Trần Văn Thao

Số điện thoại: 0389.134.839

Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng.

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Vũ Khoa là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp cùng pháp luật Việt Nam. Công ty có hệ thống kế toán độc lập, sử dụng tài khoản ngân hàng riêng biệt và con dấu pháp nhân theo đúng quy định.

Với thế mạnh là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực cung ứng vật liệu xây dựng (đá, cát các loại) tại địa bàn tỉnh Ninh Bình và vùng phụ cận, công ty đã tích lũy được kinh nghiệm sâu rộng trong việc khai thác thị trường, xây dựng mạng lưới khách hàng bền vững bao gồm các nhà thầu, đại lý và dự án lớn. Để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, công ty luôn chú trọng đầu tư, hiện đại hóa quy trình quản lý kho bãi, logistics và phát triển trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Nhờ định hướng chiến lược đúng đắn, kết hợp với các giải pháp kinh doanh linh hoạt (đa dạng hóa phương thức bán hàng, chính sách thanh toán và quản lý công nợ chặt chẽ), công ty đã từng bước khẳng định vị thế và tăng trưởng ổn định trong môi trường cạnh tranh của ngành vật liệu xây dựng. Sự phát triển bền vững không chỉ thể hiện qua doanh thu, lợi nhuận mà còn qua những đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước và sự tin tưởng của đối tác, khách hàng.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

2.1.2.1. Chức năng, ngành nghề kinh doanh

Là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại vật liệu xây dựng, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa xác định chức năng cốt lõi của mình là làm cầu nối tin cậy giữa các nguồn nguyên liệu thô với mọi công trình xây dựng. Chúng tôi không chỉ đơn thuần là nhà phân phối, mà còn là đối tác chiến lược, cung cấp giải pháp tổng thể về nguồn cung vật liệu nền móng, đảm bảo tính ổn định, đồng đều về chất lượng và khả năng cung ứng đúng tiến độ.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty tập trung vào việc thương mại và phân phối chuyên sâu các loại vật liệu xây dựng cơ bản, trọng yếu. Các mặt hàng này chủ yếu thuộc nhóm vật liệu thô có khối lượng lớn, đóng vai trò là thành phần nền tảng không thể thiếu trong hầu hết các hạng mục xây dựng và phát triển hạ tầng. Hoạt động của Công ty bao trùm toàn bộ chuỗi giá trị: từ nghiên cứu thị trường, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các nguồn cung cấp uy tín, thực hiện kiểm soát chất lượng đầu vào, quản lý kho bãi trung chuyển, đến phân phối hiệu quả tới tận các công trường xây dựng.

2.1.2.2. Nhiệm vụ

Với sứ mệnh trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu về cung ứng vật liệu xây dựng cơ bản tại khu vực, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa xác định các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Nhiệm vụ đối với thị trường và khách hàng: Không ngừng mở rộng và đa dạng hóa danh mục nguồn hàng, đảm bảo cung ứng ổn định, kịp thời với chất lượng đồng đều và giá cả cạnh tranh. Công ty cam kết đồng hành cùng khách hàng – các chủ đầu tư, nhà thầu, đại lý – bằng việc tư vấn chuyên môn về việc lựa chọn và sử dụng vật liệu tối ưu cho từng dự án, góp phần đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.

- Nhiệm vụ đối với sự phát triển của doanh nghiệp: Hoàn thiện và tối ưu hóa bộ máy tổ chức, quy trình nghiệp vụ từ thu mua, quản lý kho bãi đến phân phối. Đầu tư nâng cao năng lực hậu cần và hệ thống quản lý chất lượng nội bộ. Hoạt động kinh doanh phải linh hoạt, thích ứng với biến động thị trường, nhằm bảo toàn và phát triển vốn, từ đó mở rộng thị phần và phạm vi hoạt động một cách bền vững.

- Nhiệm vụ đối với pháp luật và xã hội: Tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về kinh doanh, thuế, an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Công ty ý thức rõ trách nhiệm xã hội trong việc cung cấp vật liệu đạt chuẩn, góp phần kiến tạo những công trình an toàn, chất lượng cho cộng đồng.

- Nhiệm vụ đối với người lao động: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn, văn minh và công bằng. Tạo điều kiện để mỗi cán bộ, nhân viên có cơ hội phát triển năng lực, đảm bảo thu nhập xứng đáng, và có niềm tự hào khi được đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

2.1.2.3. Tôn chỉ hoạt động

Các nguyên tắc hoạt động xuyên suốt và là kim chỉ nam cho mọi quyết định của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa:

- Chất Lượng Là Nền Tảng: Mọi hoạt động đều hướng tới việc cung cấp sản phẩm đạt và vượt tiêu chuẩn kỹ thuật. Chúng tôi kiên định với việc lựa chọn nguồn nguyên liệu đầu vào từ các nhà cung cấp uy tín và thực hiện kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt ở mọi khâu.

- Uy Tín Là Giá Trị Cốt Lõi: Xây dựng và bảo vệ chữ tín thông qua sự trung thực trong giao dịch, minh bạch trong hợp đồng, và tôn trọng mọi cam

kết với đối tác, khách hàng. Mỗi lô hàng giao đi là một lời khẳng định cho sự tin cậy.

- Khách Hàng Là Trung Tâm Phát Triển: Lắng nghe và thấu hiểu nhu cầu của khách hàng để cung cấp sản phẩm và dịch vụ phù hợp nhất. Chúng tôi không ngừng cải tiến để mang đến sự hài lòng tối đa, xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài, cùng phát triển.

- Tuân Thủ Pháp Luật Và Trách Nhiệm Xã Hội: Hoạt động kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật, đề cao ý thức bảo vệ môi trường trong khâu lưu trữ và vận chuyển. Công ty phấn đấu trở thành một doanh nghiệp có trách nhiệm, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.1.3. Đặc điểm về hàng hóa và quy trình kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

2.1.3.1. Đặc điểm về hàng hóa

Hàng hóa là hạt nhân của mọi hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa. Công ty chuyên kinh doanh các loại vật liệu xây dựng cơ bản, đóng vai trò là thành phần nền tảng, thiết yếu cho mọi công trình xây dựng và phát triển hạ tầng. Các mặt hàng này có đặc điểm chung là khối lượng lớn, giá trị đơn vị thấp nhưng tổng giá trị giao dịch cao, và yêu cầu khắt khe về chất lượng, chủng loại phù hợp với từng hạng mục kỹ thuật cụ thể.

Đặc trưng nổi bật của hàng hóa tại công ty thể hiện ở sự ổn định và đồng đều về chất lượng. Vì là nguyên liệu đầu vào quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến độ bền vững và an toàn của công trình, mỗi lô hàng đều được tuyển chọn từ những nguồn cung ứng uy tín, đảm bảo các thông số kỹ thuật về kích cỡ hạt, thành phần, độ cứng và độ sạch. Công ty luôn ý thức rõ trách nhiệm của mình trong việc cung cấp "nguyên liệu thô chất lượng cao", góp phần kiến tạo nên những công trình vững chãi.

Các mặt hàng chủ lực bao gồm hai nhóm chính:

- Nhóm đá các loại: Như đá base, đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá hộc, đá dăm, được sử dụng cho các hạng mục từ gia cố nền móng, san lấp đến sản xuất bê tông và xây dựng các công trình thủy lợi.

- Nhóm cát các loại: Như cát xây, cát vàng, cát bê tông, cát san lấp, đáp ứng nhu cầu cho các công đoạn xây trát, đổ bê tông và hoàn thiện.

2.1.3.2. Quy trình kinh doanh

Quy trình kinh doanh của Công ty được xây dựng xoay quanh việc quản lý hiệu quả dòng chảy của hàng hóa từ nguồn cung đến tay khách hàng, đảm bảo yếu tố then chốt: Đúng hàng – Đủ số lượng – Đảm bảo chất lượng – Giao hàng đúng hạn.

Quy trình được vận hành theo một chu trình khép kín và chặt chẽ:

- Nghiên cứu & Lập kế hoạch: Bộ phận kinh doanh liên tục nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu của các công trình, dự án lớn nhỏ và phân tích tình hình tồn kho. Từ đó, xây dựng kế hoạch nhập hàng dài hạn và ngắn hạn, xác định chủng loại, khối lượng cần thiết để đáp ứng đơn đặt hàng và dự trữ an toàn.

- Đặt hàng & Thu mua: Dựa trên kế hoạch đã được Ban Giám đốc phê duyệt, bộ phận thu mua tiến hành làm việc với các đối tác cung cấp (các mỏ, nhà phân phối uy tín) để đàm phán giá cả, điều kiện giao hàng và ký kết hợp đồng. Công ty ưu tiên các nhà cung cấp có giấy tờ pháp lý đầy đủ, quy trình khai thác rõ ràng và cam kết chất lượng ổn định.

- Tiếp nhận & Kiểm soát chất lượng: Đây là khâu then chốt. Khi hàng hóa được vận chuyển về kho bãi của Công ty, bộ phận kho vận phối hợp với kỹ thuật tiến hành nghiệm thu số lượng và kiểm tra chất lượng. Quy trình kiểm tra có thể bao gồm kiểm tra trực quan, lấy mẫu thử nghiệm để đảm bảo hàng hóa đạt đúng tiêu chuẩn đã thỏa thuận trước khi nhập kho chính thức.

- Lưu kho & Quản lý tồn kho: Hàng hóa được sắp xếp, phân loại và lưu trữ tại các kho bãi được quy hoạch phù hợp. Công ty áp dụng các biện pháp

quản lý khoa học để giảm thiểu hao hụt, đổ vỡ và đảm bảo an toàn. Hệ thống phần mềm quản lý giúp cập nhật tình hình nhập - xuất - tồn theo thời gian thực.

- Bán hàng & Phân phối: Đội ngũ kinh doanh chủ động tiếp cận, tư vấn và chào bán hàng hóa phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng (nhà thầu, chủ đầu tư, đại lý). Sau khi xác nhận đơn hàng, bộ phận điều phối sẽ lên kế hoạch giao hàng, đảm bảo vận chuyển đúng số lượng, chủng loại đến địa điểm và thời gian yêu cầu.

- Dịch vụ sau bán hàng & Phản hồi khách hàng: Công ty duy trì liên lạc sau khi giao hàng để thu thập phản hồi, hỗ trợ giải quyết mọi vấn đề phát sinh (nếu có) và củng cố mối quan hệ. Thông tin phản hồi từ khách hàng là cơ sở quan trọng để cải tiến chất lượng dịch vụ và điều chỉnh chiến lược kinh doanh.

Toàn bộ quy trình được vận hành nhịp nhàng nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, với mục tiêu tối thượng là biến nguồn nguyên liệu thô chất lượng thành giá trị gia tăng vững chắc cho mọi công trình của khách hàng.

2.1.4. Đặc điểm và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

Để phù hợp với quy mô doanh nghiệp vừa và nhỏ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa áp dụng mô hình tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt. Bộ máy quản lý được thiết kế theo mô hình trực tuyến đơn giản, giúp tối ưu nguồn lực, rút ngắn đường đi của thông tin và quyết định, từ đó nâng cao hiệu quả điều hành và phản ứng nhanh với thị trường.



(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

Giám Đốc: Lãnh đạo cao nhất, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty. Hoạch định chiến lược, quyết định các vấn đề quan trọng về kinh doanh, tài chính và nhân sự.

Phòng Kinh Doanh: Đảm nhiệm toàn bộ hoạt động thương mại, bao gồm tìm kiếm khách hàng, tư vấn, đàm phán và ký kết hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải.

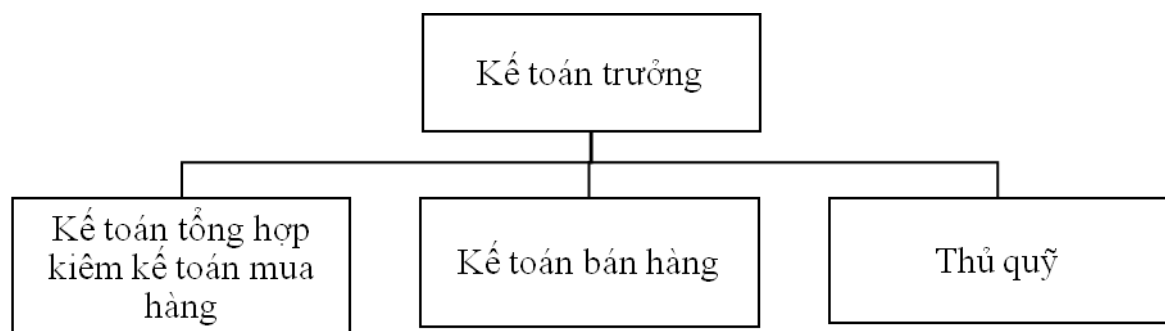
Phòng Vận Hành - Kho Bãi: Chịu trách nhiệm điều phối phương tiện (xe tải, tàu/sà lan), quản lý kho bãi, tổ chức bốc xếp và giám sát thực thi các hợp đồng vận chuyển để đảm bảo tiến độ, an toàn.

Phòng Kế Toán - Tài Chính: Thực hiện toàn bộ công tác kế toán, quản lý dòng tiền, lập báo cáo tài chính - thuế và tham mưu tài chính cho Ban Giám đốc.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán, từ ghi chép ban đầu đến tổng hợp báo cáo, đều do phòng Kế toán - Tài chính tại trụ sở chính thực hiện. Hình thức này phù hợp với quy mô và mô hình quản lý tập trung của Công ty, giúp luân chuyển chứng từ nhanh chóng, thống nhất trong việc áp dụng chính sách kế toán, kiểm soát tài chính chặt chẽ và tối ưu hóa nguồn nhân lực.



(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

- **Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành và giám sát mọi hoạt động kế toán, tài chính của Công ty. Nhiệm vụ bao gồm: chỉ đạo việc lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định; tham mưu cho Ban Giám đốc về tình hình tài chính, kế hoạch dòng tiền và các biện pháp quản lý chi phí; kiểm tra, phê duyệt các chứng từ, hợp đồng kinh tế; làm việc trực tiếp với cơ quan thuế, kiểm toán và các đối tác tài chính.

- **Kế toán tổng hợp kiêm kế toán mua hàng:** Chịu trách nhiệm theo dõi, tập hợp số liệu từ các phần hành để lên sổ sách tổng hợp. Đồng thời, phụ trách các nghiệp vụ liên quan đến mua hàng hóa (vật liệu xây dựng), nhiên liệu, phụ tùng và dịch vụ mua ngoài: kiểm tra chứng từ, hạch toán, theo dõi công nợ phải trả nhà cung cấp và lập kế hoạch thanh toán.

- **Kế toán bán hàng:** Theo dõi, ghi nhận doanh thu bán hàng, lập hóa đơn bán hàng, kiểm tra đối chiếu số liệu bán hàng, theo dõi công nợ khách hàng

- **Thủ quỹ:** Trực tiếp quản lý quỹ tiền mặt, thực hiện các nghiệp vụ thu, chi theo đúng chứng từ đã được phê duyệt. Có nhiệm vụ ghi chép sổ quỹ, đối chiếu số liệu hàng ngày với kế toán và báo cáo kịp thời tình hình tồn quỹ.

- Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

+ Chế độ kế toán: Áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC (hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa) ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

+ Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

+ Đơn vị tiền tệ ghi sổ: Đồng Việt Nam (Ký hiệu: VNĐ).

+ Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

2.1.5.2. Phương pháp kế toán hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận: Theo giá gốc.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ

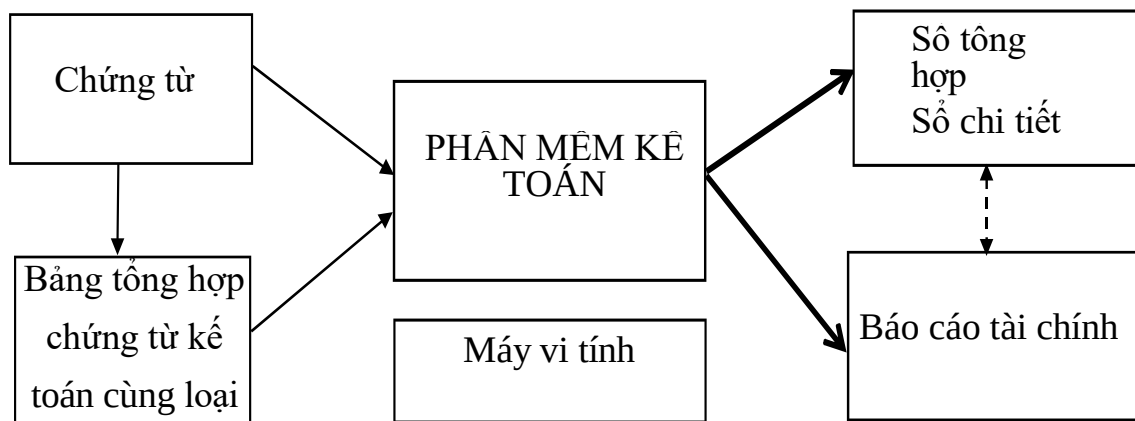
2.1.5.3. Hệ thống tài khoản kế toán

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa áp dụng Hệ thống tài khoản kế toán theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC. Các tài khoản được sử dụng chủ yếu trong hoạt động kinh doanh bao gồm:

- TK 156 - Hàng hóa: Theo dõi giá trị các loại vật liệu xây dựng (đá, cát...).
- TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: Phản ánh chi phí vận tải trực tiếp phát sinh trong kỳ cho các hợp đồng chưa hoàn thành.
- TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Trong đó:
 - + TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa: Doanh thu bán vật liệu xây dựng.
 - + TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu từ dịch vụ vận tải đường bộ, đường thủy.
- TK 131 - Phải thu của khách hàng.
- TK 331 - Phải trả cho người bán.
- TK 111 - Tiền mặt.
- TK 112 - Tiền gửi ngân hàng.
- TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

2.1.5.4. Hình thức ghi sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính (phần mềm kế toán). Toàn bộ quy trình từ khâu nhập chứng từ, ghi sổ đến lập báo cáo đều được thực hiện trên phần mềm. Sổ sách và báo cáo được in ra định kỳ từ phần mềm để lưu trữ và đối chiếu. Hình thức này đảm bảo tính chính xác, kịp thời, giảm thiểu sai sót và nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính.



(Nguồn: Phòng kế toán)

Chú thích

————> Nhập số liệu hằng ngày

————> In số, báo cáo cuối tháng, cuối năm

← - - - > Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

2.1.6. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây

Bảng 2.1. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty qua 3 năm gần nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch tuyệt đối		Chênh lệch tương đối	
				2024-2023	2025-2024	2024-2023	2025-2024
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	9.119.880	9.163.641	9.850.000	+43.761	+686.359	+0,48%	+7,49%
2. Tài sản cố định	7.558.134	2.324.290	3.000.000	-5.233.844	+675.710	- 69,25%	+29,07%
3. Doanh thu thuần	36.606.314	32.107.627	38.000.000	-4.498.687	+5.892.373	-12,29%	+18,35%
4. Lợi nhuận sau thuế	119.880	163.640	201.545	+43.760	+37.905	+36,51%	+23,16%
5. Số lao động	25	28	32	+3	+4	+12,0%	+14,3%
6.TNBQ/ người/ tháng	7.200.000	7.800.000	8.500.000	+600.000	+700.000	+8,33%	+8,97%

(Nguồn: Phòng kế toán)

*** Nhận xét:**

Qua bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa trong giai đoạn 2023 - 2024 và dự báo cho năm 2025, có thể thấy Công ty đã trải qua một giai đoạn tái cấu trúc mạnh mẽ và đang trên đà phục hồi, hướng tới tăng trưởng ổn định. Tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh thể hiện sự linh hoạt và chủ động trong quản lý, cụ thể:

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty duy trì ổn định ở mức trên 9,1 tỷ đồng và có xu hướng tăng nhẹ, dự kiến đạt 9.850 triệu đồng vào năm 2025. Mức tăng trưởng tuy không lớn (+0,48% năm 2024 và +7,49% năm 2025) nhưng phản ánh sự bền vững về nền tảng tài chính nội tại, chủ yếu dựa vào lợi nhuận tích lũy, tạo cơ sở an toàn cho các kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Tài sản cố định có sự biến động đáng kể: giảm mạnh 69,25% (tương đương 5.233 triệu đồng) từ năm 2023 sang 2024, cho thấy Công ty đã chủ động thanh lý, tối ưu hóa cơ cấu tài sản để thu hồi vốn và giảm chi phí. Tuy nhiên, năm 2025 dự kiến sẽ tăng trở lại 29,07%, phản ánh chiến lược đầu tư mới có chọn lọc nhằm nâng cao năng lực phục vụ kinh doanh sau giai đoạn củng cố.

- Doanh thu thuần năm 2024 giảm 12,29% so với năm 2023, một phần do tác động của việc thu hẹp quy mô tài sản và điều chỉnh hoạt động. Tuy nhiên, dự báo năm 2025 cho thấy sự phục hồi rõ rệt với mức tăng 18,35%, đạt 38 tỷ đồng, chứng tỏ các điều chỉnh chiến lược bước đầu mang lại hiệu quả và Công ty đang mở rộng lại thị phần.

- Lợi nhuận sau thuế là điểm sáng với mức tăng trưởng rất cao: tăng 36,51% năm 2024 và dự kiến tăng tiếp 23,16% năm 2025. Điều đáng chú ý là lợi nhuận vẫn tăng mạnh ngay cả khi doanh thu năm 2024 giảm, cho thấy hiệu quả vượt trội trong quản trị chi phí và kiểm soát nội bộ. Biên lợi nhuận được cải thiện liên tục.

- Số lượng lao động tăng đều từ 25 lên 28 người (2024) và dự kiến đạt 32 người (2025), với tốc độ tăng lần lượt 12,0% và 14,3%, phản ánh nhu cầu

mở rộng hoạt động thực tế và chiến lược phát triển nguồn nhân lực song hành với kế hoạch kinh doanh.

- Thu nhập bình quân đầu người được cải thiện qua các năm, từ 7,2 triệu đồng/tháng (2023) lên 7,8 triệu đồng/tháng (2024) và dự kiến đạt 8,5 triệu đồng/tháng (2025), tăng lần lượt 8,33% và 8,97%. Điều này thể hiện chính sách đãi ngộ hợp lý, góp phần nâng cao đời sống người lao động và giữ chân nhân tài trong bối cảnh thị trường cạnh tranh.

Qua phân tích số liệu, có thể nhận thấy Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa đã có một lộ trình quản trị linh hoạt và hiệu quả, với những điểm nổi bật sau:

- Tài chính an toàn và hiệu quả kinh doanh được ưu tiên: Công ty chấp nhận điều chỉnh giảm quy mô tài sản và doanh thu ngắn hạn để tập trung vào cải thiện lợi nhuận và sức khỏe tài chính. Việc lợi nhuận tăng cao bất chấp doanh thu giảm là minh chứng cho năng lực quản lý chi phí xuất sắc.

- Định hướng phát triển bền vững: Sau giai đoạn tái cấu trúc, các chỉ số dự báo cho năm 2025 đều hướng đến sự phục hồi và tăng trưởng cân bằng trên cả phương diện tài sản, doanh thu, lợi nhuận và phúc lợi người lao động.

- Tiềm năng phát triển tốt: Với nền tảng vốn chủ sở hữu ổn định, đội ngũ nhân sự được củng cố và kế hoạch tăng trưởng rõ ràng, Công ty có tiềm năng tốt để nắm bắt cơ hội thị trường trong lĩnh vực thương mại và vận tải.

2.2. Đặc điểm hàng hóa và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

2.2.1. Đặc điểm hàng hóa

2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại hàng hóa

*** Đặc điểm**

Hàng hóa và dịch vụ là hai trụ cột chính trong mô hình kinh doanh kép của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa. Khác với các doanh nghiệp sản xuất, Công ty hoạt động theo mô hình thương mại và cung ứng

dịch vụ. Công ty không trực tiếp khai thác hoặc sản xuất mà đóng vai trò là trung gian kết nối, cung cấp giải pháp tổng thể từ nguồn hàng đến giao nhận.

Về hàng hóa vật liệu xây dựng (chủ yếu là các loại đá, cát), Công ty nhập trực tiếp từ các mỏ, các nhà cung cấp uy tín trong nước. Đây là các mặt hàng có khối lượng lớn, giá trị đơn vị thấp nhưng tổng giá trị hợp đồng cao. Việc đảm bảo nguồn cung ổn định về số lượng, chất lượng đồng đều và giá cả cạnh tranh là yếu tố then chốt. Quy trình mua hàng được thực hiện dựa trên kế hoạch kinh doanh, nhu cầu của các công trình và hợp đồng đã ký kết, đòi hỏi sự đánh giá kỹ lưỡng và đàm phán với nhà cung cấp để tối ưu chi phí đầu vào.

Song song đó, dịch vụ vận tải là yếu tố tạo nên lợi thế khác biệt và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động thương mại. Công ty không chỉ bán vật liệu mà còn cung cấp giải pháp vận chuyển trọn gói tới chân công trình. Dịch vụ này dựa trên hệ thống phương tiện vận tải đường bộ và đường thủy, được tổ chức linh hoạt, giúp tối ưu hóa chi phí logistics cho cả Công ty và khách hàng.

Quy trình quản lý đồng bộ từ khâu lựa chọn nguồn hàng, nhập kho/bãi, bảo quản, đến phân phối và vận chuyển là then chốt. Việc này giúp Công ty kiểm soát chất lượng, giảm thiểu hao hụt, đảm bảo tiến độ giao hàng, từ đó củng cố uy tín, nâng cao sức cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường xây dựng.

*** Phân loại**

Để quản lý hiệu quả và đáp ứng đa dạng nhu cầu thị trường, hàng hóa và dịch vụ của Công ty được phân thành hai nhóm chính:

Vật liệu xây dựng: Là nhóm hàng hóa hữu hình, kinh doanh chủ lực, đóng góp trực tiếp vào doanh thu.

+ Nhóm đá các loại: Bao gồm đá base (loại A, loại B), đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x10, đá hộc, đá dăm. Đây là các mặt hàng có khối lượng riêng lớn, chủ yếu dùng cho nền móng, san lấp và bê tông.

+ Nhóm cát các loại: Bao gồm cát xây, cát vàng, cát đen, cát bê tông, cát mịn. Tùy theo đặc tính hạt và thành phần mà được sử dụng cho các hạng mục khác nhau như xây trát, đổ bê tông hoặc san lấp.

2.2.1.2. Tính giá hàng hóa

*** Tính giá thực tế của hàng hóa nhập kho**

Giá thực tế của hàng hóa (vật liệu xây dựng) nhập kho tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa được xác định dựa trên giá mua thực tế từ nhà cung cấp và các chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trực tiếp liên quan đến việc đưa hàng hóa về đến kho của Công ty. Các chi phí này có thể bao gồm: chi phí vận chuyển (nếu theo điều kiện giao hàng, Công ty phải chịu), chi phí bốc xếp, vận chuyển đầu vào và các chi phí khác.

Tùy theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán với từng nhà cung cấp (thường là các mỏ đá, mỏ cát hoặc đại lý phân phối), điều kiện giao hàng có thể thay đổi. Trong nhiều trường hợp, Công ty tận dụng lợi thế về đội vận tải nội bộ để tự tổ chức vận chuyển hàng từ nơi mua về kho, khi đó chi phí vận chuyển được hạch toán riêng vào chi phí vận chuyển hoặc phân bổ vào giá gốc hàng nhập kho. Cũng có những hợp đồng mà giá mua đã bao gồm luôn chi phí vận chuyển đến kho của Công ty (giá CIF - kho người mua).

Như vậy, giá thực tế nhập kho của hàng hóa chủ yếu được xác định bằng giá mua ghi trên hóa đơn (chưa bao gồm thuế GTGT được khấu trừ) cộng (+) các chi phí thu mua, vận chuyển, bốc dỡ... (nếu có và do Công ty chịu) phát sinh trước khi hàng hóa được nhập kho.

2.2.2. Đặc điểm công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

Công nợ phải trả là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu nguồn vốn và quản trị tài chính của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa. Các khoản công nợ này chủ yếu phát sinh từ hoạt động mua hàng hóa (vật liệu xây dựng như đá, cát) và dịch vụ (thuê phương tiện vận tải bổ sung, dịch vụ bốc xếp, sửa chữa). Việc thanh toán được thực hiện theo các điều khoản đã thỏa

thuận trong hợp đồng với nhà cung cấp, bao gồm cả hình thức thanh toán ngay và có kỳ hạn.

Để quản lý hiệu quả, Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận chi tiết từng nhà cung cấp (thông tin, hợp đồng) và từng chứng từ phát sinh (hóa đơn, phiếu nhập kho). Phần mềm tự động tổng hợp, cập nhật số dư công nợ vào Sổ chi tiết thanh toán cho người bán và Sổ cái tài khoản 331, giúp kế toán dễ dàng theo dõi, đối chiếu và lập kế hoạch thanh toán định kỳ, đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

Việc quản lý chặt chẽ công nợ phải trả đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa bộ phận kế toán, bộ phận kinh doanh (đề xuất mua hàng) và bộ phận kho vận (xác nhận số lượng, chất lượng hàng nhập). Mục tiêu là vừa đảm bảo thanh toán đúng hạn, duy trì uy tín và mối quan hệ tốt với đối tác cung cấp, vừa tận dụng hợp lý các điều kiện thanh toán chậm để tối ưu hóa vòng quay vốn và dòng tiền hoạt động. Các báo cáo công nợ phải trả từ phần mềm kế toán là công cụ đắc lực, cung cấp thông tin tài chính trực quan, hỗ trợ Ban lãnh đạo trong việc ra quyết định tài chính và hoạch định chiến lược kinh doanh hiệu quả.

2.3. Thực trạng kế toán mua hàng tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

*** Chứng từ và sổ sách kế toán**

Tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa, khi phát sinh nghiệp vụ mua hàng hóa (vật liệu xây dựng) và dịch vụ liên quan, kế toán sử dụng các chứng từ chủ yếu sau:

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT do nhà cung cấp lập
- Biên bản giao nhận hàng hóa
- Phiếu nhập kho (đối với vật liệu)

- Phiếu thu, phiếu chi, Ủy nhiệm chi (khi thanh toán)

Ngoài ra, tùy theo tính chất từng lô hàng có thể sử dụng thêm các chứng từ khác như: Biên bản nghiệm thu khối lượng, Giấy chứng nhận xuất xứ, Hóa đơn vận chuyển...

Công ty sử dụng hệ thống sổ sách kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính, phù hợp với quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC. Các sổ sách được sử dụng bao gồm:

- **Sổ Nhật ký chung:** Ghi nhận toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian, làm cơ sở để ghi vào các sổ cái và sổ chi tiết liên quan.

- **Sổ Cái TK 156, TK 331:** Phản ánh số phát sinh và số dư cuối kỳ của từng tài khoản, phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính.

- **Sổ chi tiết hàng hóa (Thẻ kho):** Được mở cho từng mã hàng như đá Base B, cát xây dựng, đá xô bồ, phản ánh tình hình nhập – xuất – tồn kho chi tiết.

- **Sổ chi tiết công nợ phải trả:** Mở riêng cho từng nhà cung cấp /theo dõi chi tiết từng khoản nợ phát sinh, đã thanh toán và số dư cuối kỳ.

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 156 – Hàng hóa: Phản ánh giá trị thực tế của vật liệu xây dựng (đá, cát các loại) nhập, xuất, tồn kho. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng loại hàng hóa.

- TK 331 – Phải trả cho người bán: Theo dõi công nợ phải trả cho các nhà cung cấp vật liệu. Được mở chi tiết theo từng nhà cung cấp.

- TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ: Phản ánh số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào.

- TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (hoặc TK 623, 627...): Được sử dụng để tập hợp các chi phí trực tiếp phát sinh cho dịch vụ vận tải trước khi kết chuyển tính giá vốn (nếu hạch toán riêng).

- Các tài khoản tiền: TK 111 (Tiền mặt), TK 112 (Tiền gửi ngân hàng).

- Chi phí mua hàng: Để đơn giản hóa công tác kế toán và tránh việc phân bổ phức tạp các chi phí phát sinh sau khi nhập kho, Công ty nên thống nhất với nhà cung cấp về việc tính gộp toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc xếp vào đơn giá của từng sản phẩm (hình thức giao hàng CIF – giá đã bao gồm cước vận chuyển về kho). Cách làm này mang lại nhiều lợi ích thiết thực:

+ Đối với nhà cung cấp: Họ chỉ cần xuất một hóa đơn GTGT duy nhất với đơn giá đã bao gồm mọi chi phí, không phải theo dõi riêng cước vận tải hay bốc dỡ, giảm bớt thủ tục hành chính.

+ Đối với Công ty: Giá trị hàng nhập kho được xác định ngay khi nhận hóa đơn, không cần thực hiện các bút toán phân bổ chi phí thu mua (TK 1562) sau này. Kế toán chỉ việc hạch toán Nợ TK 156, Nợ TK 133, Có TK 331 với tổng số tiền duy nhất, giúp giá vốn hàng bán được tính chính xác và kịp thời.

+ Trong quản lý: Việc theo dõi tồn kho và công nợ trở nên minh bạch, tránh sai lệch do phải phân bổ thủ công. Đồng thời, khi đối chiếu với nhà cung cấp, cả hai bên chỉ cần dựa trên một bộ chứng từ thống nhất, không phải đối soát thêm chi phí vận chuyển riêng lẻ.

2.3.2. Kế toán chi tiết

Trên thực tế, Công ty thực hiện kế toán chi tiết hàng hóa và theo dõi chi phí dịch vụ chủ yếu thông qua phần mềm kế toán MISA. Phần mềm hỗ trợ theo dõi toàn diện, chính xác số lượng, chủng loại, giá trị của từng mặt hàng vật liệu nhập xuất tồn, đồng thời giúp quản lý và tập hợp chi phí cho từng hợp đồng dịch vụ vận tải.

Công tác hạch toán được thực hiện dựa trên sự phối hợp giữa bộ phận kho, bộ phận vận hành và phòng kế toán. Thông tin được phân quyền nhập liệu và truy cập rõ ràng trên phần mềm, đảm bảo tính chính xác và bảo mật. Cụ thể:

+ Mỗi loại vật liệu (VD: Đá 1x2, Cát vàng) được khai báo một mã hàng hóa riêng trong danh mục của phần mềm.

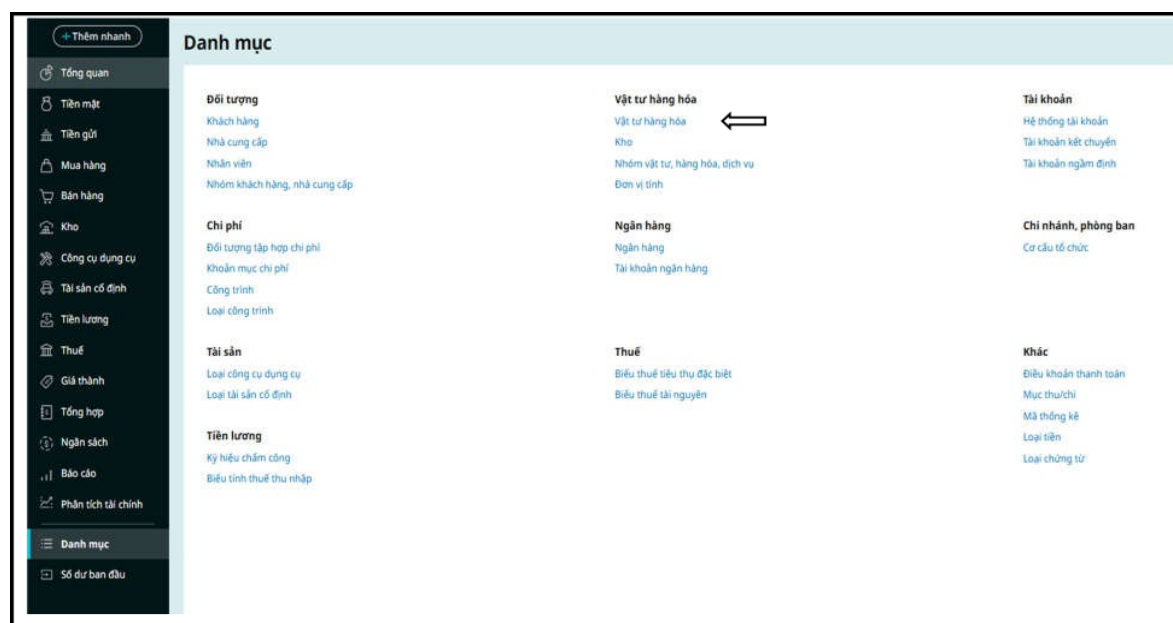
+ Khi nhập liệu, kế toán hoặc thủ kho khai báo đầy đủ thông tin: Tên hàng, mã hàng, đơn vị tính (m³, khối,..), nhóm hàng, kho mặc định, thuế suất...

+ Phần mềm tự động cập nhật tình hình nhập - xuất - tồn theo từng mã hàng. Phương pháp tính giá xuất kho được thiết lập sẵn (ví dụ: Bình quân gia quyền cuối kỳ).

Quy trình quản lý chi tiết này giúp Công ty kiểm soát chặt chẽ lượng tồn kho vật liệu, quản lý hiệu quả chi phí vận hành, cung cấp số liệu chính xác cho việc tính giá vốn hàng bán, lập báo cáo tài chính và ra các quyết định kinh doanh hiệu quả

Đối với khách hàng mới phát sinh lần đầu, kế toán tiến hành khai báo thông tin trên phần mềm MISA. Cụ thể, kế toán truy cập phân hệ “Danh mục”, chọn “Vật tư hàng hóa”, nhấn “Thêm”. Tại đây, kế toán nhập đầy đủ các thông tin cần thiết như: tên hàng hóa, mã hàng hóa, thông tin ngân hàng và các thông tin liên quan khác. Việc khai báo chính xác ngay từ đầu giúp quản lý và theo dõi từng mặt hàng được thuận lợi, chính xác.

Hình 2.1. Hệ thống danh mục hàng hóa



(Nguồn: Phòng kế toán)

Vì danh mục hàng hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa khá đa dạng với nhiều chủng loại vật liệu xây dựng khác nhau, trong

phạm vi bài khóa luận này, em tập trung tìm hiểu một nhóm sản phẩm tiêu biểu trong danh mục hàng hóa của đơn vị, đó là các loại vật liệu xây dựng cơ bản. Cụ thể, khóa luận sẽ đi sâu phân tích ba mặt hàng chính: "Đá Base B", "Cát xây dựng" và "Đá xô bờ". Đây là những mặt hàng có tần suất tiêu thụ cao, ổn định, đóng góp tỷ trọng doanh thu đáng kể trong cơ cấu hàng hóa của Công ty. Đồng thời, việc nghiên cứu ba mặt hàng này cũng phản ánh rõ nét đặc điểm kinh doanh, quy trình luân chuyển hàng hóa cũng như thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa.

Hình 2.2. Thông tin vật tư, hàng hóa

?

X

Thông tin vật tư, hàng hóa, dịch vụ

Hàng hóa

Thay đổi tính chất

Tên *

Đá base B

Mã *

N0100001

Nhóm VTHH

+

▼

Đơn vị tính chính

m3

+

▼

Giảm thuế theo quy định

Chưa xác định

▼

Tra cứu giảm thuế

Thời hạn bảo hành

▼

Số lượng tồn tối thiểu

0,000

Nguồn gốc

Mô tả

Diễn giải khi mua

Đá base B

Diễn giải khi bán

Đá base B

Loại hàng hóa đặc trưng ?

▼

▼ Thông tin ngầm định

Trợ lý số MISA AVA đã có thể gợi ý Thuế suất GTGT

Kho ngầm định

HH

+

▼

TK giảm giá

5111

▼

Đơn giá mua cố định

0,00

...

Thuế suất GTGT (%)

10

▼

Tài khoản kho

156

▼

TK trả lại

5111

▼

Đơn giá mua gần nhất

255.000,21

...

Thuế suất thuế NK (%)

0,00

TK doanh thu

5111

▼

TK Chi phí

632

▼

Đơn giá bán

167.699,00

...

Thuế suất thuế XK (%)

0,00

TK chiết khấu

5111

▼

Tỷ lệ CKMH (%)

0,00

Nhóm HHDV chịu thuế TTĐB

▼

► Chiết khấu bán hàng

► Đơn vị chuyển đổi

► Công thức tính số lượng

► Thông tin bổ sung

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa được thực hiện theo một trình tự chặt chẽ, khoa học, đảm bảo tính chính xác và minh bạch từ khi hàng hóa được giao nhận cho đến khi số liệu được phản ánh đầy đủ vào hệ thống sổ sách kế toán. Quy trình này là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các thao tác nghiệp vụ thực tế và việc ứng dụng phần mềm kế toán MISA hiện đại.

Quy trình khởi đầu ngay khi lô hàng từ nhà cung cấp được vận chuyển về kho của Công ty. Bộ phận Kinh doanh (đóng vai trò là bộ phận mua hàng) phối hợp trực tiếp với Thủ kho tiến hành công tác tiếp nhận. Nhiệm vụ trọng tâm là đối chiếu, kiểm đếm số lượng, chủng loại và tình trạng hàng hóa thực tế so với các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng và đơn đặt hàng.

Điều kiện tiên quyết để hoàn tất thủ tục nhập hàng là bộ chứng từ gốc phải hợp lệ, hợp lý. Bộ chứng từ bắt buộc bao gồm: Hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT) hợp lệ do nhà cung cấp phát hành và Biên bản giao nhận hàng hóa đã được đại diện có thẩm quyền của cả hai bên (bên bán và bên mua) ký xác nhận đầy đủ. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng cho mọi nghiệp vụ kế toán tiếp theo.

Sau khi bộ chứng từ gốc được bàn giao từ bộ phận mua hàng, kế toán viên phụ trách mảng mua hàng tiến hành số hóa và ghi nhận nghiệp vụ lên hệ thống phần mềm kế toán MISA theo một quy trình chuẩn:

- Kế toán lập Chứng từ mua hàng căn cứ vào thông tin trên hợp đồng mua bán hoặc đơn đặt hàng. Tại phân hệ “Mua hàng”, trên tab “Hóa đơn mua hàng” chọn “Thêm”, sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Tích chọn loại chứng từ “Mua hàng trong nước nhập kho” để hệ thống tự động sinh phiếu nhập kho.

- Khai báo thông tin chung: nhà cung cấp, ngày chứng từ, số hóa đơn, kho nhập hàng.

- + Tại tab Phiếu nhập, nhập chi tiết hàng hóa (mã hàng, số lượng, đơn giá) tương ứng với thực tế nhập kho.

- + Tại tab Hóa đơn, nhập thông tin hóa đơn GTGT (thuế suất, tổng tiền) do nhà cung cấp xuất.

Sau khi kiểm tra đầy đủ và chính xác, nhấn “Cất” để lưu chứng từ. Phần mềm MISA sẽ tự động sinh ra Phiếu nhập kho điện tử tương ứng. Phiếu này được in thành 02 bản: một bản lưu tại phòng Kế toán để làm căn cứ hạch toán, bản còn lại được chuyển xuống cho Thủ kho để làm thủ tục nhập kho vật chất.

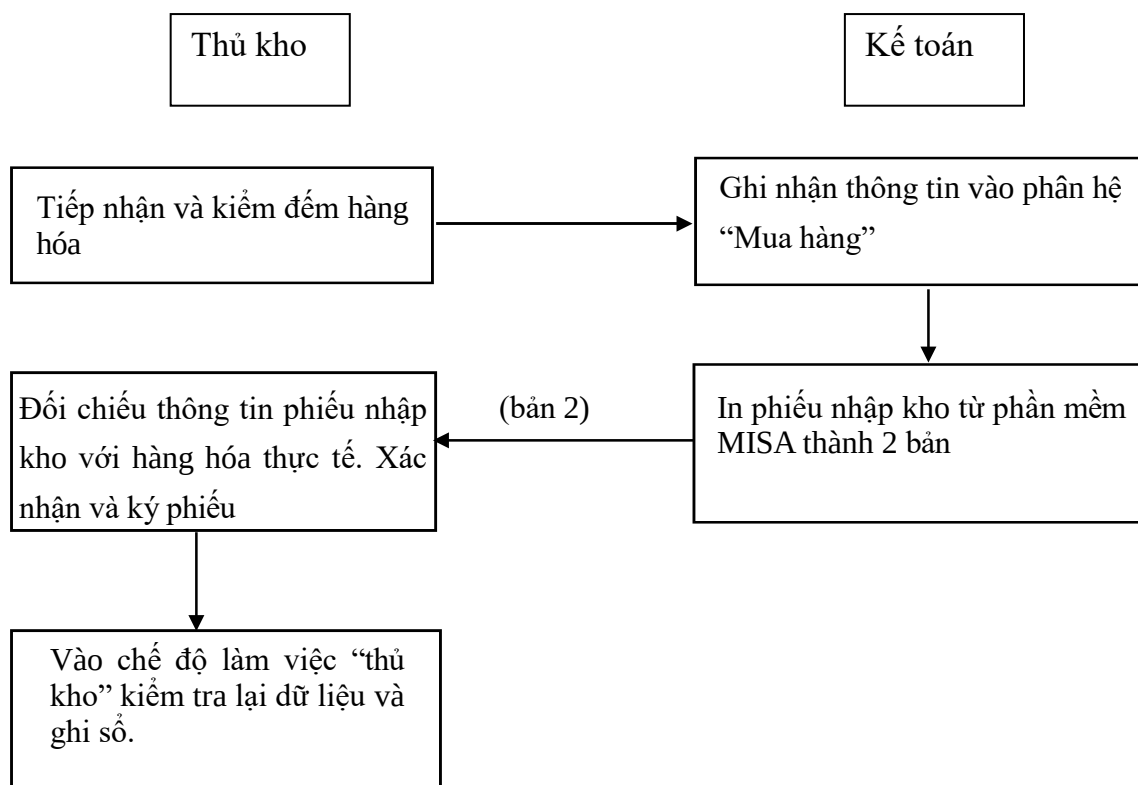
Thủ kho, khi nhận được Phiếu nhập kho đã in, tiến hành đối chiếu toàn bộ thông tin ghi trên phiếu (tên hàng, mã hàng, số lượng, đơn vị tính) với lô hàng thực tế hiện có tại kho. Nếu mọi chi tiết trùng khớp và không phát sinh sai lệch, Thủ kho tiến hành:

- Xác nhận vật chất: Ký xác nhận trực tiếp lên Phiếu nhập kho giấy.
- Xác nhận trên hệ thống: Đăng nhập vào tài khoản "Thủ kho" trên phần mềm MISA, kiểm tra lại dữ liệu phiếu nhập đã được kế toán chuyển sang, sau đó thực hiện thao tác "Ghi sổ". Hành động này có ý nghĩa xác nhận hàng đã nhập kho thành công trên hệ thống. Phần mềm ngay lập tức tự động cập nhật số liệu lên Thẻ kho của từng mặt hàng và các Báo cáo tồn kho liên quan, giúp loại bỏ hoàn toàn sai sót do ghi chép thủ công.

Để đảm bảo sự nhất quán tuyệt đối giữa sổ sách kế toán và thực tế tồn kho, công tác đối chiếu được thực hiện định kỳ (cuối tháng, cuối quý).

- In ấn và đối chiếu: Bộ phận kế toán in các Sổ chi tiết hàng hóa và Báo cáo tổng hợp tồn kho từ hệ thống. Thủ kho cũng in Thẻ kho và Báo cáo tồn kho từ góc độ quản lý vật chất.

- Xử lý sai lệch: Hai bộ phận tiến hành đối chiếu số liệu với nhau. Trong trường hợp hiếm hoi phát sinh sai lệch giữa sổ sách và thực tế, kế toán sẽ chủ trì phối hợp với thủ kho kiểm tra lại toàn bộ nguyên nhân (có thể do nhầm lẫn trong khâu nhập liệu, ghi nhận số lượng, hoặc hao hụt ngoài kiểm soát). Dựa trên kết quả xác minh, kế toán sẽ thực hiện các bút toán điều chỉnh cần thiết trên phần mềm MISA để số liệu cuối cùng phản ánh chính xác nhất tình hình thực tế, làm cơ sở tin cậy cho việc lập Báo cáo tài chính và ra quyết định quản trị.



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình nhập kho hàng hóa tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

Trích dẫn: Ngày 06 tháng 01 năm 2026, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa mua của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Sơn 426,03 m³ Đá Base B, giá mua ghi trên hóa đơn (chưa có thuế GTGT) là 79.667.610 đồng, thuế GTGT 10%. Công ty chưa thanh toán tiền và hàng hóa đã được nhập kho theo các chứng từ giao dịch liên quan.

Quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho: Ngày 06/01/2026, khi lô hàng Đá Base B được vận chuyển về kho của Công ty, bộ phận mua hàng (phòng Kinh doanh) đã tiến hành tiếp nhận và kiểm tra thực tế số lượng, chủng loại, chất lượng hàng hóa, đối chiếu với Hợp đồng mua bán và Hóa đơn GTGT số 4 ngày 06/01/2026 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Sơn. Sau khi xác nhận hàng hóa đáp ứng đầy đủ yêu cầu, bộ phận này lập Biên bản giao nhận hàng hóa và Phiếu nhập kho (đơn vị tính m³). Toàn bộ bộ chứng từ gốc bao gồm Hợp đồng, Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận và Phiếu nhập kho được chuyển giao cho bộ phận Kế toán để kiểm tra tính hợp lệ, hợp lý và tiến hành hạch toán nghiệp vụ nhập kho trên phần mềm kế toán MISA

Biểu 2.1. Hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 01.01/HĐMB/NS-VK

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 đã được nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 07 ngày 14 tháng 06 năm 2005 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Căn cứ vào khả năng thực hiện của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026 tại văn phòng Công ty TNHH Nam Sơn, chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN

(Gọi tắt là bên A)

Đại diện: Ông **Hoàng Duy Phương**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Mã số thuế: 5400454102

Số tài khoản: 3008201002465 – Tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Yên Thủy

BÊN MUA: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

(Gọi tắt là bên B)

Đại diện: Ông **Trần Văn Thao**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700947537

Tài khoản: 2235356868 - Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Ninh Bình

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng với những điều khoản và điều kiện sau:

Điều 1: Tên hàng, khối lượng, giá cả và chất lượng

Bên B đồng ý mua, bên A đồng ý bán các nội dung cụ thể như sau :

STT	Tên quy cách sản phẩm	ĐVT
1	Đá các loại...	M3

- Đơn giá: Theo từng thời điểm khi bên B đặt hàng.

- Khối lượng: Theo thỏa thuận giữa 2 bên, thực tế giao nhận được 2 bên nghiệm thu đo đạc và ký xác nhận theo từng chuyến giao hàng.

- Chất lượng, chủng loại theo thỏa thuận của hai bên.

Điều 2 : Thời gian, tiến độ, địa điểm và phương thức giao hàng

. Thời gian, tiến độ giao hàng

- Thời gian giao hàng theo nội dung của đơn đặt hàng hoặc theo thỏa thuận bằng điện thoại của 2 bên. Trong trường hợp do yếu tố khách quan bất khả kháng như thiên tai, bão lũ ... làm chậm tiến độ giao hàng thì hai bên sẽ thống nhất lại thời điểm giao hàng. Khi đó được hiểu là hai bên không vi phạm về điều khoản thời gian giao nhận hàng.

. Địa điểm giao nhận hàng và phương thức giao hàng

a) Địa điểm giao hàng và phương thức giao nhận

- *Địa điểm giao nhận* : Theo yêu cầu của bên B

- *Phương thức giao nhận* : Hai bên cử cán bộ kỹ thuật kiểm tra chất lượng, theo dõi và đo khối lượng giao nhận hàng trên phương tiện vận chuyển của bên bán.

b) Đối chiếu và xác nhận khối lượng giá trị tiền hàng giao nhận

- Khối lượng giao nhận được đại diện hai bên ký xác nhận trong phiếu

trên từng chuyến hàng trong kỳ.

- Căn cứ vào phiếu giao nhận từng lần vào ngày cuối cùng của tháng hoặc tại một thời điểm hai bên làm biên bản tổng hợp đối chiếu khối lượng và giá trị tiền hàng đã lấy. Căn cứ vào biên bản tổng hợp này bên bán xuất hoá đơn GTGT cho bên mua.

- Thời gian đối chiếu xác nhận tổng hợp khối lượng và giá trị tiền hàng được quy định là 5 ngày làm việc không tính ngày nghỉ kể từ ngày bên bán chuyển hồ sơ đối chiếu sang cho bên mua (ngày chuyển được căn cứ qua Email hoặc bản cứng có xác nhận qua bưu điện). Quá thời hạn trên mà bên mua không phản hồi thì số liệu được coi là đúng, bên bán sẽ căn cứ vào số liệu này để xác định công nợ và nghĩa vụ thanh toán đối với bên mua.

Điều 3: Phương thức thanh toán

3.1. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

3.2. Thời gian thanh toán:

Căn cứ vào khối lượng tạm tính của đơn đặt hàng (hoặc theo từng chuyến hàng giao nhận), bên B chuyển ứng trước tiền hàng trước khi nhận hàng cho bên A (thống nhất theo thoả thuận của hai bên).

Sau khi hai bên đã hoàn thành xong việc giao nhận hàng thì Bên B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị tiền hàng còn lại của chuyến hàng đã giao nhận.

3.3. Chứng từ

- Biên bản xác nhận khối lượng và giá trị giữa hai bên
- Hóa đơn tài chính hợp lệ (HĐ GTGT)
- Biên bản bàn giao hàng hoá

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

4.1. Bên mua

- Người nhận hàng phải có giấy ủy quyền hoặc giấy giới thiệu của bên

mua hàng chuyển cho bên A trước khi có kế hoạch lấy hàng (người được uỷ quyền phải có chữ ký mẫu và bản photo chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước).

- Thông báo kế hoạch mua hàng trong tháng cho bên A.

- Có trách nhiệm chuẩn bị phương tiện bốc dỡ hàng cho bên A theo đúng tiến độ- Cử cán bộ theo dõi nhận hàng và ký xác nhận cụ thể khối lượng cho bên A.

- Phối hợp cùng bên A giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Thanh toán cho bên A theo đúng cam kết tại điều 3 của hợp đồng này.

- Trong trường hợp bên A không thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

4.2. Bên bán

- Bên A đảm bảo cung cấp hàng theo đúng chất lượng hai bên thỏa thuận

- Phối hợp cùng bên B giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ cho bên B.

- Trong trường hợp bên B không thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và yêu cầu bên B đền bù thiệt hại nếu bên B vi phạm điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

Điều 5: Điều khoản chung

Trường hợp một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên B phải có trách nhiệm thanh toán hết số tiền hàng còn nợ của bên A trước khi chấm dứt hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nếu có gì vướng mắc xảy ra hai bên sẽ cố gắng giải quyết bằng thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không thành thì hai bên đồng ý đưa ra cơ quan pháp luật có thẩm quyền tại Việt Nam (gần trụ sở của bên A) để giải quyết. Phán quyết của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam là phán xét cuối cùng, buộc hai bên có trách nhiệm thực hiện. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến khiếu kiện do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

Hợp đồng có giá trị từ ngày ký đến khi hai bên không còn vướng mắc gì và Bên B đã thanh toán xong cho bên A thì hợp đồng này coi như đã được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Hình 2.3. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG							Ký hiệu: 1C26TTT
Ngày 06 tháng 01 năm 2026							Số: 00000004
Mã CQT: 00C2E28076CFED433496F31FFC3E1ECED0							
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN							
Mã số thuế: 5400454102							
Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.							
Điện thoại: 0919121950							
Số tài khoản: 3008201002465 - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Yên Thủy							
Họ tên người mua hàng:							
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA							
MST/CCCD: 2700947537							
MSĐVCQHVS:							
Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam							
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản							Số tài khoản:
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Đá báy B	m3	426,03	187.000,0	79.667.610	10%	7.966.761
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Thuế suất 8%:							
Thuế suất 10%:		79.667.610		7.966.761		87.634.371	
Tổng cộng:		79.667.610		7.966.761		87.634.371	
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi một đồng chẵn.							
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có))				Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)			
Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN Ký ngày: 06/01/2026							

Biểu 2.2. Biên bản giao nhận hàng

**CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN NAM**

SON

Số: 06.01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 06 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày 06 tháng 01 năm 2026 chúng tôi gồm:

BÊN GIAO (BÊN A): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN

Đại diện: Ông **Hoàng Duy Phương**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Mã số thuế: 5400454102

BÊN NHẬN (BÊN B): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Đại diện: Ông **Trần Văn Thao**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700947537

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá được giao tại: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1	Đá bẫy B	M3	426,03
	Tổng cộng		426,03

Bên B xác nhận Bên A đã giao cho Bên B đúng chủng loại và đủ số lượng hàng như trên.

Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Biểu 2.3. Biên bản xác nhận giá trị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ

Hôm nay, ngày 06 tháng 01 năm 2026

BÊN GIAO (BÊN A): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN

Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Mã số thuế: 5400454102

Do Ông: **Hoàng Duy Phương**

* Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN NHẬN (BÊN B): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700947537

Do Ông: **Trần Văn Thao**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau tiến hành xác nhận khối lượng hàng hóa đã giao nhận như sau:

TT	Ngày cấp	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	06/01/2026	Đá bẫy B	M3	426.03	187,000	79,667,610
Cộng						9,667,610
Thuế VAT 10%						7,966,761
Tổng cộng						87,634,371

(Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn ba trăm bảy mươi một đồng).

Bên A đã giao vật tư hàng hóa cho bên B theo đúng chủng loại, số lượng chất lượng như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Bên B đã nhận đủ số lượng hàng hóa theo đúng chủng loại, số lượng, chất lượng như đã thỏa thuận

Hai bên cùng nhau ký biên bản giao nhận vật tư hàng hóa, biên bản được thành lập 02 bản có giá trị

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa, quy trình hạch toán mua hàng nhập kho được thực hiện bài bản trên phần mềm MISA. Sau khi tiếp nhận Hóa đơn GTGT và Biên bản giao nhận hàng, kế toán đăng nhập vào phân hệ “Mua hàng”, chọn “Hóa đơn mua hàng” và nhấn “Thêm”. Tại đây, chọn loại chứng từ “Mua hàng trong nước nhập kho”. Sau đó, khai báo các thông tin chung: mã nhà cung cấp (chọn từ danh mục), ngày hạch toán, ngày chứng từ, số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, kho nhập hàng, hình thức thanh toán (chuyển khoản hoặc tiền mặt). Các trường tài khoản nợ (156) và tài khoản có (331) được hệ thống tự động mặc định.

Hình 2.4. Lập chứng từ mua hàng

KẾ TOÁN CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA Dữ liệu kế toán 2024

Tìm kiếm thông minh AI Hướng dẫn

Quy trình Biểu đồ Đơn mua hàng Hợp đồng mua hàng **Mua hàng** Trả lại hàng mua Xử lý hóa đơn đầu vào Giảm giá hàng mua Đối chiếu công nợ Báo cáo Khác

Thực hiện hàng loạt Lọc Tháng 1 Xóa điều kiện lọc

Thêm Thêm bằng AI

	Ngày hạch toán	Số chứng từ	Số hóa đơn	Nhà cung cấp	Tổng tiền thanh toán	Chi phí mua hàng	Giá trị nhập kho	TT nhận hóa đơn	TT thanh toán	Chức năng
☐	31/01/2026	NK00922	2046	CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ NINH BÌNH	161.549.470	0	149.582.843	Đã nhận HĐ	Chưa thanh toán	Trả tiền
☐	30/01/2026	NK00921	00006749	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỒNG HOA HB	4.900.000	0	4.537.037	Đã nhận HĐ	Chưa thanh toán	Trả tiền
☐	29/01/2026	NK00920	00006622	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỒNG HOA HB	4.001.270	0	3.704.880	Đã nhận HĐ	Chưa thanh toán	Trả tiền
☐	28/01/2026	NK00919	27	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẮM AN NB	75.708.000	0	70.100.000	Đã nhận HĐ	Chưa thanh toán	Trả tiền
☐	28/01/2026	NK00918	51	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỒNG HOA HB	178.350.000	0	165.138.889	Đã nhận HĐ	Chưa thanh toán	Trả tiền
☐	27/01/2026	NK00917	00000390	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI LVS	195.163.900	0	177.421.727	Đã nhận HĐ	Chưa thanh toán	Trả tiền
☐	26/01/2026	NK00916	1714	CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ NINH BÌNH	77.826.900	0	72.061.944	Đã nhận HĐ	Chưa thanh toán	Trả tiền
☐	26/01/2026	NK00915	00000384	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI LVS	257.912.200	0	234.465.636	Đã nhận HĐ	Chưa thanh toán	Trả tiền
☐	25/01/2026	NK00914	00000367	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI LVS	375.513.000	0	341.375.455	Đã nhận HĐ	Chưa thanh toán	Trả tiền
Tổng					7.729.544.474	0	7.041.821.106			

Tổng số: 60 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 2 3 Sau

Chi tiết

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT
1	VT00001	Dầu Diesel 0,055 Mức 2	VL	152	331	Lít	8.891,000	16.824,07	149.582.843	8	11.966.626
Tổng							8.891,000		149.582.843		11.966.626

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

PHẦN HỆ

HAY DỪNG

Thêm nhanh

Tổng quan

Tiền mặt

Tiền gửi

Mua hàng

Bán hàng

Quản lý hóa đơn

Kho

Công cụ dụng cụ

Tài sản cố định

Tiền lương

Thuế

Giá thành

Tổng hợp

Kết nối bảo hiểm

Báo cáo

Phân tích tài chính

Danh mục

Thu gọn

(Nguồn: Phòng kế toán)

Kế toán chuyển sang tab “Phiếu nhập” (hoặc “Chi tiết hàng hóa”) để nhập chi tiết từng mặt hàng thực tế nhập kho. Cần chọn mã hàng từ danh mục, hệ thống tự động hiển thị tên hàng và đơn vị tính. Kế toán nhập số lượng thực nhận (sau khi đã trừ hao hụt vượt định mức, nếu có) và đơn giá chưa thuế theo hóa đơn. Thành tiền sẽ tự động tính bằng số lượng nhân đơn giá.

Hình 2.5. Chứng từ mua hàng NK00874

Chứng từ mua hàng NK00874

Mua hàng trong nước nhập kho

Nhập số hợp đồng mua ...

Hướng dẫn sử dụng

☒ Chưa thanh toán
☐ Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập

Hóa đơn

Mã nhà cung cấp

5400454102

Tên nhà cung cấp

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN

Ngày hạch toán

06/01/2026 10:15:58

Người giao hàng

Địa chỉ

Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Ngày chứng từ

06/01/2026

Nhân viên mua hàng

Diễn giải

Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004

Số phiếu nhập

NK00874

Kèm theo

Số lượng

Chứng từ gốc

Tham chiếu

00000004

Điều khoản thanh toán

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

Tổng tiền thanh toán

87.634.371

Hàng tiên

Chi phí

Trợ lý AI

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền t
1	VT00017	Đá bẫy B	HH	156	331	m3	426,030	187.000,00	79.667.610	10	
							426,030		79.667.610		

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Tổng tiền hàng

79.667.610

Thuế GTGT

7.966.761

Tổng tiền thanh toán

87.634.371

Chi phí mua hàng

0

Giá trị nhập kho

79.667.610

Lập phiếu xuất thẳng

In

Tiện ích

Hiện thị tài khoản

Sửa nhanh

Bỏ ghi

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tại tab “Hóa đơn”, kế toán nhập tổng giá trị hàng hóa chưa thuế theo hóa đơn, chọn thuế suất GTGT (thường 10%), hệ thống tự tính tiền thuế và tổng tiền thanh toán. Kế toán kiểm tra để đảm bảo tổng tiền thanh toán khớp với hóa đơn GTGT của nhà cung cấp.

Hình 2.6. Chứng từ mua hàng NK00874

Chứng từ mua hàng NK00874

Mua hàng trong nước nhập kho

Nhập số hợp đồng mua ...

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thanh toán

Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập

Hóa đơn

Mã nhà cung cấp

5400454102

\$

Mã số thuế

5400454102

Tham chiếu

00000004 ...

Tên nhà cung cấp

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SON

Địa chỉ

Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Mẫu số hóa đơn

1

Ký hiệu hóa đơn

C26TTT

Số hóa đơn

00000004

Ngày hóa đơn

06/01/2026

Tổng tiền thanh toán

87.634.371

Điều khoản thanh toán

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

Hàng tiện

Chi phí

#

Mã hàng

Tên hàng

Kho

TK Kho

TK Công nợ

ĐVT

Số lượng

Đơn giá

Thành tiền

% Thuế GTGT

Tiền t

1

VT00017

Đá bẫy B

HH

156

331

m3

426,030

187.000,00

79.667.610

10

426,030

79.667.610

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Tổng tiền hàng

Thuế GTGT

Tổng tiền thanh toán

Chi phí mua hàng

Giá trị nhập kho

79.667.610

7.966.761

87.634.371

0

79.667.610

Lập phiếu xuất thẳng

In

Tiện ích

Hiện thị tài khoản

Sửa nhanh

Bỏ ghi

(Nguồn: Phòng kế toán)

Ngay sau khi kế toán nhập liệu, phần mềm MISA tự động xuất Phiếu nhập kho (Biểu 2.4) và in 02 bản: 01 bản lưu tại phòng Kế toán để hạch toán, theo dõi công nợ; 01 bản chuyển cho Thủ kho đối chiếu hàng thực tế, hoàn tất thủ tục nhập kho, đảm bảo khớp đúng sổ sách và kiểm soát nội bộ.

Biểu 2.4. Phiếu nhập kho

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA				Mẫu số: 01 - VT			
Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)			
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 06 tháng 01 năm 2026				Nợ: 156			
Số: NK00874				Có: 331			
- Họ và tên người giao: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN - Theo hóa đơn số 00000004 Ngày 06 tháng 01 năm 2026 của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN - Nhập tại kho: HÀNG HÓA							
				Địa điểm:			
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá bẫy B	VT00017	m3	426,030		187.000,00	79.667.610
Cộng							79.667.610
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): <i>Bảy mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm mười đồng.</i> - Số chứng từ gốc kèm theo:							
Người lập biểu (Ký, họ tên)		Người giao hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)		Ngày 06 tháng 01 năm 2026 Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trích dẫn 2: Ngày 13 tháng 01 năm 2026, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa mua của Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Lực Cường Thịnh 1.239 m³ Cát xây dựng, giá mua ghi trên hóa đơn (chưa có thuế GTGT) là 428.018.182 đồng, thuế GTGT 10%. Công ty chưa thanh toán tiền và hàng hóa đã được nhập kho theo các chứng từ giao dịch liên quan.

Quy trình luân chuyển phiếu nhập kho Trích dẫn 2 tương tự Trích dẫn 1

Hợp đồng mua bán số 01/2026 tương tự hợp đồng mua bán số 11/2026 (Biểu số 2.1)

Hình 2.7. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 13 tháng 01 năm 2026

Mã CQT cấp: 00491822D8B46B40F48BB03D8BED70E7B4

Mẫu số: 1

Ký hiệu: **C26TVB**

Số hóa đơn: 8

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH

Mã số thuế: 2700949855

Địa chỉ: Thôn Trần Phú, Xã Gia Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0974435111

Tên người mua: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Ho tên người mua hàng:

Mã số thuế: 2700947537

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Hình thức thanh toán: TM/CK

Đơn vị tiền tệ: VND

Tỷ giá: 1

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa trừ chiết khấu	Chiết khấu	Thuế suất
1	Hàng hóa, dịch vụ	Cát xây dựng	M3	1.239	345.454,545	428.018.182		10%
Tổng hợp			Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Thuế suất 10%			428.018.182		42.801.818		470.820.000	
Thuế suất 8%								
Thuế suất 5%								
Thuế suất 0%								
Không chịu thuế GTGT								
Không kê khai nộp thuế GTGT								
Thuế suất khác								
			Tổng tiền chưa thuế (Đã trừ chiết khấu)				428.018.182	
			Tổng tiền thuế				42.801.818	
			Tổng tiền phí					
			Tổng tiền chiết khấu thương mại				0	
			Tổng tiền thanh toán bằng số				470.820.000	
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ:		Bốn trăm bảy mươi triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng			

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số nếu có)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

**Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
VÀ VẬN TẢI LỢC CƯỜNG THỊNH**
Ngày ký: 13/01/2026

Biểu 2.5. Biên bản giao nhận hàng hóa

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG
MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC
CƯỜNG THỊNH**

Số: 13.01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 13 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2026 chúng tôi gồm:

**BÊN GIAO (BÊN A): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI
LỰC CƯỜNG THỊNH**

Đại diện: Ông **Trần Văn Lực**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Thôn Trần Phú, Xã Gia Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700949855

BÊN NHẬN (BÊN B): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Đại diện: Ông **Trần Văn Thao**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700947537

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá được giao tại: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1	Cát xây dựng	M3	1.239
	Tổng cộng		1.239

Bên B xác nhận Bên A đã giao cho Bên B đúng chủng loại và đủ số lượng hàng như trên.

Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Biểu 2.6. Biên bản xác nhận giá trị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2026

BÊN GIAO (BÊN A): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH

Địa chỉ: Thôn Trần Phú, Xã Gia Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700949855

Do Ông: **Trần Văn Lực**

* Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN NHẬN (BÊN B): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700947537

Do Ông: **Trần Văn Thao**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau tiến hành xác nhận khối lượng hàng hóa đã giao nhận như sau:

TT	Ngày cấp	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	13/01/2026	Cát xây dựng	M3	1,239.00	345,454.545	428,018,182
Cộng						428,018,182
Thuế VAT 10%						42,801,818
Tổng cộng						470,820,000

(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Bên A đã giao vật tư hàng hóa cho bên B theo đúng chủng loại, số lượng chất lượng như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Bên B đã nhận đủ số lượng hàng hóa theo đúng chủng loại, số lượng, chất lượng như đã thỏa thuận

Hai bên cùng nhau ký biên bản giao nhận vật tư hàng hóa, biên bản được thành lập 02 bản có giá trị

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Ở tab phiếu nhập (Hình 2.8) và ở tab hóa đơn (Hình 2.9)

Hình 2.8. Chứng từ mua hàng NK00888

Chứng từ mua hàng NK00888

Mua hàng trong nước nhập kho

Nhập số hợp đồng mua ...

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thanh toán

Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhậpHóa đơn

Mã nhà cung cấp

2700949855

+▼

\$

Tên nhà cung cấp

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH

Người giao hàng

Địa chỉ

Thôn Trần Phú, Xã Gia Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Nhân viên mua hàng

+▼

Diễn giải

Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8

Ngày hạch toán

13/01/2026 10:33:29

Ngày chứng từ

13/01/2026

Số phiếu nhập

NK00888

Tổng tiền thanh toán

470.820.000

Kèm theo

Số lượng

Chứng từ gốc

Tham chiếu

8 ...

Điều khoản thanh toán

+▼

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

Hàng tiênChi phí

Trợ lý AITrợ lý AI

Chiết khấuKhông chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền t
1	VT00037	Cát xây dựng	HH	156	331	m3	1.239,000	345.454,55	428.018.182	10	
								1.239,000	428.018.182		

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Vấn đề khi thêm vào Album hoặc không thêm vào Album

Lập phiếu xuất thẳng

In

Tiện ích

Hiện thị tài khoản

Sửa nhanh

Bỏ ghi

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.9. Chứng từ mua hàng NK00888

🔄

Chứng từ mua hàng NK00888

Mua hàng trong nước nhập kho

⚙️

Nhập số hợp đồng mua ... 🔍

☒ Chưa thanh toán

☐ Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập

Hóa đơn

Mã nhà cung cấp

2700949855

+

🇺🇸

Tên nhà cung cấp

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH

Mã số thuế

2700949855

Địa chỉ

Thôn Trần Phú, Xã Gia Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Tham chiếu

8

...

Mẫu số hóa đơn

1

▼

Ký hiệu hóa đơn

C26TVB

Số hóa đơn

8

Ngày hóa đơn

13/01/2026

📅

Tổng tiền thanh toán

470.820.000

▼ Điều khoản thanh toán

+

▼

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

📅

Hàng tiền

Chi phí

🗣️ Trợ lý AI

Chiết khấu

Không chiết khấu

▼

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền t
1	VT00037	Cát xây dựng	HH	156	331	m3	1.239,000	345.454,55	428.018.182	10	
									1.239,000	428.018.182	

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

▼

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

📎 Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Tổng tiền hàng

428.018.182

Thuế GTGT

42.801.818

Tổng tiền thanh toán

470.820.000

Chi phí mua hàng

0

Giá trị nhập kho

428.018.182

🖨️ In

📄

🔔 Tiện ích

🔘

Hiện thị tài khoản

Lập phiếu xuất thẳng

Sửa nhanh

Bỏ qua

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.7. Phiếu nhập kho

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA				Mẫu số: 01 - VT			
Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)			
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 13 tháng 01 năm 2026				Nợ: 156			
Số: NK00888				Có: 331			
- Họ và tên người giao: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH - Theo hóa đơn số 8 Ngày 13 tháng 01 năm 2026 của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG - Nhập tại kho: HÀNG HÓA							
Địa điểm:							
ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cát xây dựng	VT00037	m3	1.239,000		345.454,55	428.018.182
Cộng							428.018.182
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn trăm hai mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai - Số chứng từ gốc kèm theo:							
Người lập biểu (Ký, họ tên)		Người giao hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)		Ngày 13 tháng 01 năm 2026 Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trích dẫn 3: Ngày 18 tháng 01 năm 2026, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa mua của Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hoàng Dương 449,48 m³ Đá đã xử lý, giá mua ghi trên hóa đơn (chưa có thuế GTGT) là 46.296.440 đồng, thuế GTGT 10%. Công ty chưa thanh toán tiền và hàng hóa đã được nhập kho theo các chứng từ giao dịch liên quan.

Quy trình luân chuyển phiếu nhập kho Trích dẫn 3 tương tự Trích dẫn 1 và 2

Hợp đồng mua bán số 01/2026 tương tự hợp đồng mua bán số 28/2026
(Biểu số 2.1)

Hình 2.10. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GTGT
 Ngày 18 tháng 01 năm 2026
 Mã CQT cấp: 0051CCC2D1EA264CB093711C149F541BB7

Mẫu số: 1
 Ký hiệu: C26TDH
 Số hóa đơn: 11

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG

Mã số thuế: 5400556048
 Địa chỉ: Xóm Đội 2, Xã Lạc Lương, Tỉnh Phú Thọ
 Điện thoại: 0388681333

Tên người mua: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA
 Họ tên người mua hàng:
 Mã số thuế: 2700947537
 CCCD người mua: Số hộ chiếu:
 Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
 Hình thức thanh toán: CK
 Đơn vị tiền tệ: VND Tỷ giá: 1

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa trừ chiết khấu	Chiết khấu	Thuế suất
1	Hàng hóa, dịch vụ	Đá xô bồ	m3	449,48	103.000	46.296.440		10%
Tổng hợp			Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Thuế suất 10%			46.296.440		4.629.644		50.926.084	
Thuế suất 8%								
Thuế suất 5%								
Thuế suất 0%								
Không chịu thuế GTGT								
Không kê khai nộp thuế GTGT								
Thuế suất khác								
Tổng tiền chưa thuế (Đã trừ chiết khấu)						46.296.440		
Tổng tiền thuế						4.629.644		
Tổng tiền phí								
Tổng tiền chiết khấu thương mại						0		
Tổng tiền thanh toán bằng số						50.926.084		
Tổng tiền thanh toán bằng chữ: Năm mươi triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi bốn đồng								

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số nếu có)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Ký bởi: "CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG"
 Ngày ký: 18/01/2026

Biểu 2.8. Biên bản giao nhận hàng hóa

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18.01

Ngày 18 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày 18 tháng 01 năm 2026 chúng tôi gồm:

**BÊN GIAO (BÊN A): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG**

Đại diện: Bà **Viên Thị Phương**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Xóm Đội 2, Xã Lạc Lương, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Mã số thuế: 0388681333

BÊN NHẬN (BÊN B): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Đại diện: Ông **Trần Văn Thao**

* Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700947537

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá được giao tại: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1	Đá xô bồ	M3	449,48
	Tổng cộng		449,48

Bên B xác nhận Bên A đã giao cho Bên B đúng chủng loại và đủ số lượng hàng như trên.

Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Biểu 2.9. Biên bản xác nhận giá trị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc BIÊN BẢN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ <i>Hôm nay, ngày 18 tháng 01 năm 2026</i> BÊN GIAO (BÊN A): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI HOÀNG DƯƠNG Địa chỉ: Xóm Đội 2, Xã Lạc Lương, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam Mã số thuế: 0388681333 Do Bà: Viên Thị Phương * Chức vụ: Giám đốc BÊN NHẬN (BÊN B): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam Mã số thuế: 2700947537 Do Ông: Trần Văn Thao * Chức vụ: Giám đốc Hai bên cùng nhau tiến hành xác nhận khối lượng hàng hóa đã giao nhận như sau:						
TT	Ngày cấp	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	18/01/2026	Đá xô bồ	M3	449.48	103,000	46,296,440
Cộng						46,296,440
Thuế VAT 10%						4,629,644
Tổng cộng						50,926,084
<i>(Bằng chữ: Năm mươi triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn không trăm tám mươi tư đồng).</i> Bên A đã giao vật tư hàng hóa cho bên B theo đúng chủng loại, số lượng chất lượng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bên B đã nhận đủ số lượng hàng hóa theo đúng chủng loại, số lượng, chất lượng như đã thỏa thuận Hai bên cùng nhau ký biên bản giao nhận vật tư hàng hóa, biên bản được thành lập 02 bản có giá trị ĐẠI DIỆN BÊN GIAO ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN						

Ở tab phiếu nhập (Hình 2.11) và ở tab hóa đơn (Hình 2.12)

Hình 2.11. Chứng từ mua hàng NK00901

Chứng từ mua hàng NK00901

Mua hàng trong nước nhập kho

Nhập số hợp đồng mua ...

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thanh toán

Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhậpHóa đơn

Mã nhà cung cấp

5400556048

+ -

\$

Người giao hàng

Nhân viên mua hàng

+ -

Kèm theo

Số lượng

Chứng từ gốc

Tham chiếu

11

...

Điều khoản thanh toán

+ -

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

Tên nhà cung cấp

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI HOÀNG DƯƠNG

Địa chỉ

Xóm Đội 2, Xã Lạc Lương, Tỉnh Phú Thọ

Diễn giải

Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11

Ngày hạch toán

18/01/2026 15:08:18

Ngày chứng từ

18/01/2026

Số phiếu nhập

NK00901

Tổng tiền thanh toán

50.926.084

Hàng tiênChi phí

Trợ lý AITrợ lý AI

Chiết khấuKhông chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền t
1	VT00080	Đá xô bồ	HH	156	331	Tấn	764,120	60.587,92	46.296.440	10	
							764,120		46.296.440		

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòngThêm ghi chúXóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐTĐường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèmDung lượng tối đa 5MB

Tổng tiền hàng46.296.440

Thuế GTGT4.629.644

Tổng tiền thanh toán50.926.084

Chi phí mua hàng0

Giá trị nhập kho46.296.440

Lập phiếu xuất thẳngInTiện íchHiện thị tài khoảnSửa nhanhBỏ ghi

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.12. Chứng từ mua hàng NK00901

Chứng từ mua hàng NK00901

Mua hàng trong nước nhập kho

Nhập số hợp đồng mua ...

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thanh toán

Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập

Hóa đơn

Mã nhà cung cấp

5400556048

Tên nhà cung cấp

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI HOÀNG DƯƠNG

Mã số thuế

5400556048

Địa chỉ

Xóm Đội 2, Xã Lạc Lương, Tỉnh Phú Thọ

Tham chiếu

11

Mẫu số hóa đơn

1

Ký hiệu hóa đơn

C26TDH

Số hóa đơn

11

Ngày hóa đơn

18/01/2026

Tổng tiền thanh toán

50.926.084

Điều khoản thanh toán

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

Hàng tiền

Chi phí

Trợ lý AI

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền t
1	VT00080	Đá xò bồ	HH	156	331	Tấn	764,120	60.587,92	46.296.440	10	
							764,120		46.296.440		

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Tổng tiền hàng

46.296.440

Thuế GTGT

4.629.644

Tổng tiền thanh toán

50.926.084

Chi phí mua hàng

0

Giá trị nhập kho

46.296.440

Lập phiếu xuất thẳng

In

Tiện ích

Hiển thị tài khoản

Sửa nhanh

Bỏ ghi

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.10. Phiếu nhập kho

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.				Mẫu số: 01 - VT <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)</i>			
PHIẾU NHẬP KHO <i>Ngày 18 tháng 01 năm 2026</i> Số: NK00901				Nợ: 156 Có: 331			
- Họ và tên người giao: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG - Theo hóa đơn số 11 Ngày 18 tháng 01 năm 2026 của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG - Nhập tại kho: HÀNG HÓA							
				Địa điểm:			
ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá xô bồ	VT00080	Tấn	764,120		60.587,92	46.296.440
	Cộng						46.296.440
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi đồng. - Số chứng từ gốc kèm theo:							
Người lập biểu <i>(Ký, họ tên)</i>		Người giao hàng <i>(Ký, họ tên)</i>		Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 18 tháng 01 năm 2026</i> Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) <i>(Ký, họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa, đặc thù kinh doanh vật liệu xây dựng như đá các loại (đá base, đá 1x2, đá xô bồ...) và cát xây dựng (cát vàng, cát bê tông, cát san lấp...) đòi hỏi công tác nhập kho phải hết sức linh hoạt và chính xác. Nguyên nhân là bởi các nhà cung cấp – thường là các mỏ khai thác hoặc đại lý cấp một – thường xuất hóa đơn với đơn vị tính khác nhau tùy theo thói quen, quy định địa phương hoặc đặc tính của từng loại vật liệu. Cụ thể, một số nhà cung cấp sử dụng đơn vị tấn để tính khối lượng, trong khi số khác lại dùng mét khối (m³) để ghi nhận giá trị hàng bán. Thậm chí, cùng một loại đá nhưng tùy từng lô hàng, nhà cung cấp có thể luân phiên sử dụng cả hai đơn vị này, gây khó khăn cho việc theo dõi tồn kho nếu không có quy trình quy đổi chuẩn.

Để đảm bảo số liệu nhập kho trên phần mềm kế toán MISA luôn khớp đúng với thực tế hàng hóa nhập về, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất bán và kiểm kê sau này, Công ty đã xây dựng một cơ chế quy đổi linh hoạt dựa trên hệ số quy đổi được thỏa thuận trước với từng nhà cung cấp hoặc căn cứ theo bảng quy đổi tiêu chuẩn của ngành xây dựng. Hệ số này thường được xác định qua nhiều lần giao dịch thực tế, kết hợp với đối chiếu trọng lượng riêng của từng loại vật liệu. Ví dụ, đối với đá base có khối lượng riêng trung bình khoảng $1,6 \text{ tấn/m}^3$, nếu hóa đơn ghi 100 tấn thì khi nhập kho sẽ được quy đổi thành $62,5 \text{ m}^3$ ($100 / 1,6$). Ngược lại, nếu hóa đơn ghi 80 m^3 , số tấn tương ứng sẽ là 128 tấn ($80 \times 1,6$). Tương tự, cát xây dựng có khối lượng riêng dao động từ 1,4 đến $1,6 \text{ tấn/m}^3$ tùy độ ẩm và độ mịn, công ty sẽ áp dụng hệ số phù hợp sau khi kiểm tra thực tế từng lô.

Quy trình thực hiện cụ thể như sau: Khi bộ phận mua hàng nhận được hóa đơn GTGT từ nhà cung cấp, thủ kho và kế toán sẽ cùng kiểm tra đơn vị tính ghi trên hóa đơn. Nếu đơn vị tính đã thống nhất với đơn vị quản lý nội bộ của Công ty (thường là m^3), kế toán tiến hành nhập kho bình thường. Nếu khác, kế toán sẽ tra cứu bảng hệ số quy đổi đã được phê duyệt, tính toán lại số lượng theo đơn vị m^3 (hoặc tấn nếu kho chính sử dụng tấn), sau đó lập phiếu nhập kho với số lượng đã quy đổi. Trong phần ghi chú của phiếu nhập kho, kế toán ghi rõ: “Quy đổi từ ... tấn (theo hóa đơn số ...) sang ... m^3 với hệ số ...”. Điều này đảm bảo tính minh bạch, dễ dàng đối chiếu với chứng từ gốc sau này.

Chi phí mua hàng (vận chuyển, bốc dỡ, bảo hiểm, thuế nhập khẩu...) được tính trực tiếp vào giá gốc hàng tồn kho ngay khi hàng về nhập kho, không phải ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Kế toán sẽ ghi tăng tài khoản hàng tồn kho (152, 153, 156...) đồng thời ghi tăng tài khoản phải trả hoặc giảm tiền. Chỉ khi hàng hóa được bán, phần giá gốc tương ứng (bao gồm cả chi phí mua hàng đã tính vào) mới được kết chuyển vào giá vốn hàng bán. Như vậy, việc tính ngay chi phí mua hàng vào giá gốc đảm bảo nguyên tắc giá phí và nguyên tắc phù hợp trong kế toán.

Biểu 2.11. Phiếu nhập kho quy đổi sang m3

PHIẾU NHẬP KHO QUY ĐỔI SANG TẤN <i>Ngày 18 tháng 01 năm 2026</i> Đơn vị bán: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG Số hóa đơn: 00000011							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sp, hàng hoá	ĐVT	Số lượng			Đơn giá đã quy đổi	Thành tiền
			Số lượng M3	Hệ số quy đổi sang Tấn	Số lượng Tấn		
A	B	D	1		2	3	4
1	Đá xô bờ	Tấn	449,48	1,70	764,120	60.587,92	46.296.440
	Cộng	x	449,48		764,120		46.296.440

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....

- Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Người lập Biểu
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

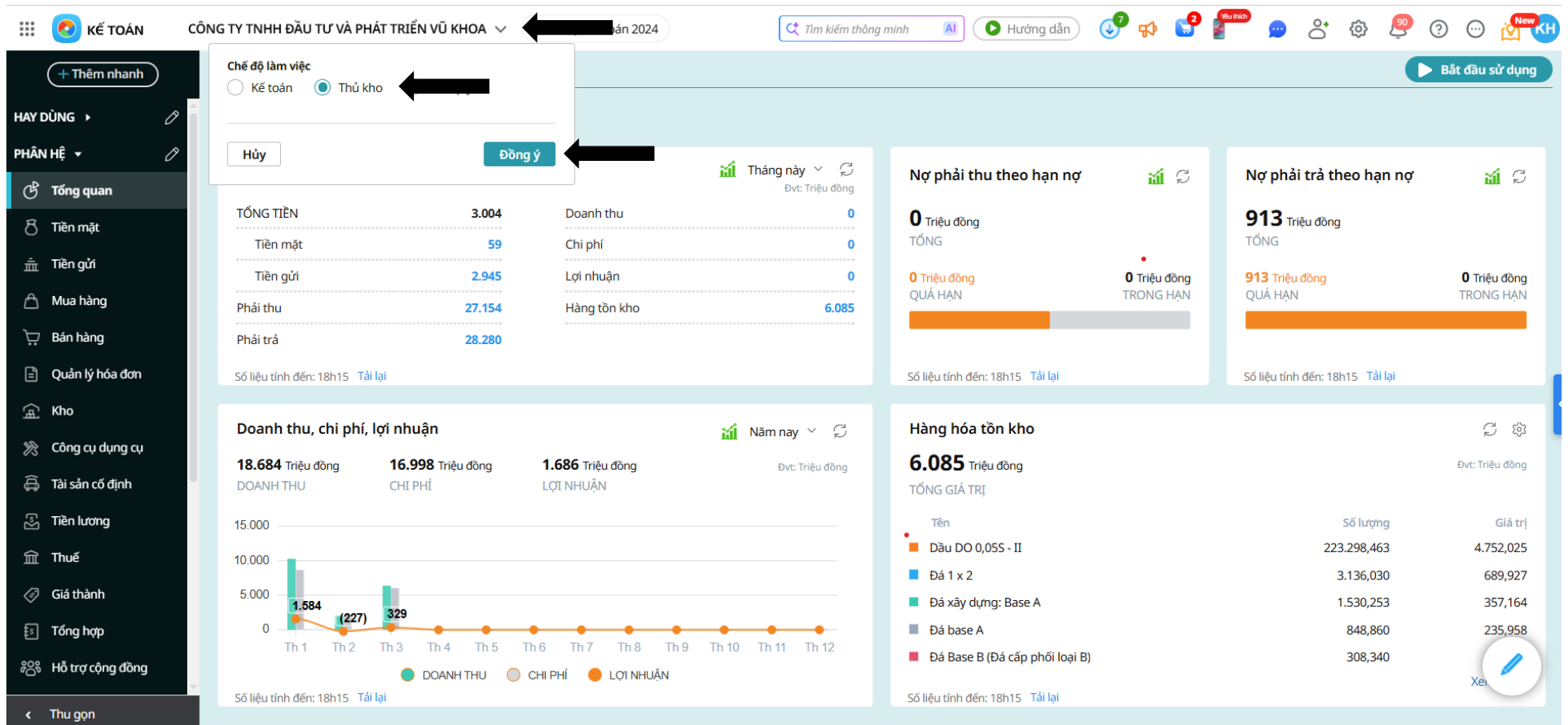
(Nguồn: Phòng kế toán)

Việc áp dụng hệ số quy đổi linh hoạt không chỉ giúp Công ty kiểm soát chính xác lượng hàng tồn kho theo đơn vị quản lý nội bộ, mà còn tránh được tình trạng sai lệch khi xuất bán cho khách hàng (vì khách hàng thường yêu cầu giao hàng theo m³ hoặc theo xe, ít khi theo tấn). Đồng thời, cơ chế này tạo sự hài hòa trong quan hệ với nhà cung cấp, vì Công ty không ép buộc họ thay đổi đơn vị tính trên hóa đơn mà chỉ chủ động quy đổi ở khâu nội bộ. Cuối mỗi tháng, kế toán và thủ kho sẽ rà soát lại toàn bộ các phiếu nhập có phát sinh quy đổi, đối chiếu với hóa đơn gốc và biên bản giao nhận để đảm bảo không có sai sót về hệ số. Nhờ cách làm này, quy trình nhập kho tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa luôn diễn ra thông suốt, chính xác và phù hợp với đặc thù kinh doanh vật liệu.

Trên phần mềm MISA AMIS, kế toán viên chọn vào “mũi tên ở bên cạnh tên công ty”, chọn “Thủ kho”, chọn “Đồng ý”, chọn “Báo cáo”, chọn tiếp “Thẻ kho”. Kế toán viên chọn tham số tương ứng cho từng mặt hàng để xuất thẻ kho.

Cuối mỗi tháng, thủ kho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa tiến hành in Thẻ kho và Báo cáo tổng hợp tồn kho trên phần mềm kế toán MISA. Thẻ kho được lập cho từng mã hàng hóa cụ thể để theo dõi chi tiết tình hình nhập – xuất – tồn kho trong tháng, bao gồm: Thẻ kho Đá Base A (Biểu 2.12), Thẻ kho Cát xây dựng (Biểu 2.13) và Thẻ kho Đá xô bờ (Biểu 2.14). Các báo cáo này giúp đối chiếu giữa sổ sách kế toán và thực tế hàng hóa tồn kho, đảm bảo tính chính xác và kịp thời trong công tác quản lý kho.

Hình 2.13. Xuất thẻ kho



Báo cáo thủ kho

Báo cáo tổng hợp tồn kho	 Thẻ kho (Thủ kho) 	
Tổng hợp tồn kho theo vị trí (Thủ kho)	 Tổng hợp tồn kho theo lô (Thủ kho)	
Tổng hợp tồn kho theo lô và vị trí (Thủ kho)	 Số chi tiết vật tư hàng hóa theo lô	

Biểu 2.12. Thẻ kho đá bẫy B

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA
Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Mẫu số: S08-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Kho: <<Tất cả>>, Mặt hàng: Đá Bẫy B, Tháng 1 năm 2026

STT	Tên hàng	Ngày ghi sổ kho	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
Mã hàng: VT00017									452,67
1	Đá Bẫy B	06/01/2026	06/01/2026	NK00874	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004	m3	426,03	0	878,70
Cộng nhóm: VT00017							426,03	0	878,70
Tổng cộng							426,03	0	878,70

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.13. Thẻ kho cát xây dựng

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA
Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S08-DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của
Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Mặt hàng: Cát xây dựng, Tháng 1 năm 2026

Tên hàng	Ngày ghi số kho	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
Mã hàng: VT00037								551,52
Cát xây dựng	05/01/2026	05/01/2026	XK00517	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PLC VIỆT NAM theo hóa đơn số 000000009	m3		35,00	516,52
Cát xây dựng	08/01/2026	08/01/2026	XK00522	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH BE TÔNG VIỆT NHẬT HÒA BÌNH theo hóa đơn số 000000014	m3		436,34	80,18
Cát xây dựng	13/01/2026	13/01/2026	NK00888	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8	m3	1.239,00		1.319,18
....								
Cộng nhóm: VT00037						1.239,00	1.763,34	27,18
Tổng cộng						1.239,00	1.763,34	28,18

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.14. Thẻ kho đá xô bồ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Mẫu số: S08-DNN

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của
Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Kho: <<Tất cả>>, Mặt hàng: Đá xô bồ, Tháng 1 năm 2026

Tên hàng	Ngày ghi sổ kho	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
Mã hàng: VT00080								
Đá xô bồ	03/01/2026	03/01/2026	NK00848	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 1	Tấn	1.419,12		1.419,12
Đá xô bồ	04/01/2026	04/01/2026	XK00507	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000004	Tấn		995,24	423,88
Đá xô bồ	18/01/2026	18/01/2026	NK00901	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11	Tấn	764,12		1.188,00
....								
Cộng nhóm: VT00080						13.149,18	13.149,18	
Tổng cộng						13.149,18	13.149,18	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.15. Báo cáo tổng hợp tồn kho

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TỔNG HỢP TỒN KHO

Kho: HÀNG HÓA, Tháng 1 năm 2026

Tên kho	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng đầu kỳ	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
HÀNG HÓA	VT00017	Đá Bê B	m3	452,67	426,03		878,70
HÀNG HÓA	VT00037	Cát xây dựng	m3	551,52	1.239,00	1.763,34	27,18
HÀNG HÓA	VT00080	Đá xô bồ	Tấn		13.149,18	13.149,18	
.....							
Tổng cộng				9.745,31	33.750,75	37.759,63	5.736,43

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Cuối tháng, bộ phận kế toán sẽ tiến hành in các sổ chi tiết hàng hóa và tổng hợp tồn kho. Mỗi sổ chi tiết hàng hóa được mở riêng cho từng mã hàng như đá Base B (Biểu 2.16), cát xây dựng (Biểu 2.17), đá xô bờ (Biểu 2.18) phục vụ việc đối chiếu và lập báo cáo tài chính.

Sổ chi tiết hàng hóa được xuất tại phần mềm. Kế toán viên vào mục “Báo cáo” chọn “Kho” chọn “Báo cáo chi tiết kho” chọn “Sổ chi tiết vật tư hàng hóa”. Kế toán viên chọn tham số tương ứng về mặt hàng.

Hình 2.14. Xuất sổ chi tiết vật tư hàng hóa

The screenshot displays the AMIS Kế toán software interface. The top navigation bar includes the company name 'CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA', the year 'Dữ liệu kế toán 2024', and various utility icons. The left sidebar contains a menu with categories like 'HAY DÙNG', 'PHẦN HỖ TRỢ', and a list of accounting functions. The 'Kho' (Warehouse) function is selected in the sidebar. The main content area shows a search bar and a list of reports under the 'Kho' section. A black arrow points to the 'Số chi tiết vật tư hàng hóa' report, which is the target for the 'Xuất sổ chi tiết vật tư hàng hóa' (Export warehouse item detail ledger) operation. Another black arrow points to the 'Kho' menu item in the sidebar.

Biểu 2.16. Sổ chi tiết hàng hóa

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Mẫu số: S06-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA

Kho: <<Tất cả>>, Mặt hàng: Đá Bẫy B, Tháng 1 năm 2026

Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: HH													
Mã hàng: VT00017													
HÀNG HÓA	Đá Bẫy B				Số dư đầu kỳ	m3	187.000,00					452,67	84.649.290
HÀNG HÓA	Đá Bẫy B	06/01/2026	06/01/2026	NK00874	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004	m3	187.000,00	426,03	79.667.610			878,70	164.316.900
Cộng nhóm: VT00017								426,03	79.667.610			878,70	164.316.900
Cộng nhóm: HH								426,03	79.667.610			878,70	164.316.900
Tổng cộng								426,03	79.667.610			878,70	164.316.900

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.17. Sổ chi tiết hàng hóa

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA
Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Mẫu số: S06-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA

Kho: <<Tất cả>>, Mặt hàng: Cát xây dựng, Tháng 1 năm 2026

Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								Số lượng	Giá trị	Số	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: HH													
Mã hàng: VT00037													
HÀNG HÓA	Cát xây dựng				Số dư đầu kỳ	m3	347.746,89					551,52	191.789.364
HÀNG HÓA	Cát xây dựng	05/01/2026	05/01/2026	XK00517	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PLC VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000009	m3	346.160,64			35,00	12.115.622	516,52	179.673.742
HÀNG HÓA	Cát xây dựng	08/01/2026	08/01/2026	XK00522	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG VIỆT NHẬT HÒA BÌNH theo hóa đơn số 00000014	m3	346.160,64			436,34	151.043.734	80,18	28.630.008
HÀNG HÓA	Cát xây dựng	13/01/2026	13/01/2026	NK00888	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CUỖNG THỊNH theo hóa đơn số 8	m3	345.454,55	1.239,00	428.018.182			1.319,18	456.648.190
....													
Cộng nhóm: VT00037								1.239,00	428.018.182	1.763,34	610.398.903	27,18	9.408.643
Cộng nhóm: HH								1.239,00	428.018.182	1.763,34	610.398.903	27,18	9.408.643
Tổng cộng								1.239,00	428.018.182	1.763,34	610.398.903	27,18	9.408.643

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.18. Sổ chi tiết hàng hóa

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA
Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Mẫu số: S06-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA
Kho: <<Tất cả>>, Mặt hàng: Đá xô bồ, Tháng 1 năm 2026

Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: HH													
Mã hàng: VT00080													
HÀNG HÓA	Đá xô bồ	03/01/2026	03/01/2026	NK00848	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 1	Tấn	58.522,86	1.419,12	83.050.960			1.419,12	83.050.960
HÀNG HÓA	Đá xô bồ	04/01/2026	04/01/2026	XK00507	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000004	Tấn	59.657,01			995,24	59.373.043	1.965,63	116.543.747
HÀNG HÓA	Đá xô bồ	18/01/2026	18/01/2026	NK00901	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11	Tấn	60.587,92	764,12	46.296.440			815,47	49.816.459
....													
Cộng nhóm: VT00080								13.149,18	784.440.790	13.149,18	784.440.790	0,00	0,00
Cộng nhóm: HH								13.149,18	784.440.790	13.149,18	784.440.790	0,00	0,00
Tổng cộng								13.149,18	784.440.790	13.149,18	784.440.790	0,00	0,00

- Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 03
- Ngày mở sổ:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.19. Tổng hợp tồn kho

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

TỔNG HỢP TỒN KHO

Kho: HÀNG HÓA, Tháng 1 năm 2026

Tên kho	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Đầu kỳ			Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
				Số lượng	Giá trị	Đơn giá đầu kỳ	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
HÀNG HÓA	VT00017	Đá Bê B	m3	452,67	84.649.290	187.000	426,03	79.667.610			878,70	164.316.900
HÀNG HÓA	VT00037	Cát xây dựng	m3	551,52	191.789.425	347.747	1.239,00	428.018.182	1.763,34	610.398.903	27,18	9.408.643
HÀNG HÓA	VT00080	Đá xô bờ	Tấn				13.149,18	784.440.790	13.149,18	784.440.790		
.....												
Tổng cộng				9.745,31	2.352.667.841		33.750,75	6.218.883.946	37.759,63	7.174.407.993	5.736,43	1.397.143.794

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.3.3. Kế toán tổng hợp

Hiện nay, Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA để hỗ trợ nhập liệu và ghi nhận số liệu một cách tự động, chính xác và kịp thời. Khi phát sinh các nghiệp vụ nhập kho hoặc xuất kho hàng hóa (đá, cát các loại), kế toán thực hiện ghi nhận giao dịch trên phần mềm. Phần mềm sẽ tự động tạo các bút toán liên quan, cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung và Sổ cái tài khoản 156 – Hàng hóa.

Vào cuối mỗi kỳ kế toán (tháng, quý), kế toán tiến hành đối chiếu, kiểm tra giữa Sổ cái TK 156 và Báo cáo tồn kho do thủ kho lập từ hệ thống. Việc đối chiếu này nhằm đảm bảo số liệu tồn kho thực tế khớp đúng với số liệu kế toán ghi nhận, giúp phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót hoặc chênh lệch giữa sổ sách và thực tế (nếu có). Sau khi hoàn tất đối chiếu, kế toán thực hiện kết chuyển giá vốn hàng bán, lập báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan đến hàng hóa, đồng thời chuẩn bị hồ sơ sổ sách để lưu trữ, phục vụ cho công tác kiểm tra và quyết toán thuế.

*** Phương pháp hạch toán**

Căn cứ vào chứng từ mua hàng thực tế, kế toán ghi nhận các bút toán sau:

- Khi mua hàng hóa nhập kho (chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp):

Nợ TK 156 – Hàng hóa (giá mua chưa bao gồm thuế GTGT)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (số thuế GTGT đầu vào)

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán)

- Khi thanh toán tiền cho nhà cung cấp:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán

Có TK 111, 112 – Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (hoặc TK 341 – Vay và nợ thuê tài chính nếu thanh toán bằng vốn vay)

*** Với trích dẫn 1**

- Hạch toán khi mua hàng nhập kho (căn cứ vào Hóa đơn GTGT và Phiếu nhập kho):

Nợ TK 156: 142.942.182

Nợ TK 133: 14.294.218

Có TK 331: 157.236.400

- Khi thanh toán tiền cho nhà cung cấp (giả sử Công ty thanh toán bằng chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng):

Nợ TK 331: 157.236.400

Có TK 112: 157.236.400

Quy trình hạch toán này được thực hiện thống nhất trên phần mềm MISA, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và tuân thủ đúng chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Sổ Nhật ký chung được xuất tại phần mềm. Kế toán viên vào mục “Báo cáo” chọn “Tổng hợp” chọn “Sổ sách kế toán” chọn “Sổ Nhật ký chung” chọn “Tham số tương ứng”. Sổ Cái cũng được tiến hành tương tự Sổ Nhật ký chung.

Hình 2.15. Xuất sổ Nhật ký chung

The screenshot shows the AMIS Kế toán software interface. The top navigation bar includes the company name 'CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA' and a search bar. The sidebar menu on the left lists various accounting functions, with 'Tổng hợp' (Summary) highlighted. The main content area displays a list of accounting reports under the 'Tổng hợp' category. A black arrow points to the 'Sổ nhật ký chung' (General Journal) entry in the list.

Sổ sách kế toán	
Sổ chi tiết các tài khoản	S03b-DN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)
Sổ chi tiết phát sinh tài khoản (Chỉ lấy phát sinh)	Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại (Ghi Có TK)
Sổ nhật ký chung	Báo cáo phát sinh theo từng cặp định khoản
Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại (Ghi Nợ TK)	

Báo cáo tổng hợp theo tài khoản	
Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản	Báo cáo tổng hợp theo mã thống kê

Báo cáo chi phí, lãi lỗ	
-------------------------	--

Báo cáo công nợ	
Tổng hợp công nợ nhân viên	Sổ chi tiết tài khoản theo đối tượng
Tổng hợp công nợ nhân viên theo hợp đồng	Chi tiết công nợ nhân viên theo hợp đồng
Tổng hợp công nợ theo đối tượng	Tình hình quyết toán tạm ứng nhân viên chi tiết theo từng chứng từ

Hình 2.16. Xuất Sổ Cái

The screenshot displays the AMIS Kế toán software interface. The top header shows the company name 'CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA' and the year 'Dữ liệu kế toán 2024'. The sidebar on the left contains various navigation options, including 'TỔNG QUAN', 'TIỀN MẶT', 'TIỀN GỬI', 'MUA HÀNG', 'BÁN HÀNG', 'QUẢN LÝ HÓA ĐƠN', 'KHO', 'CÔNG CỤ DỤNG CỤ', 'TÀI SẢN CỐ ĐỊNH', 'TIỀN LƯƠNG', 'THUẾ', 'GIÁ THÀNH', 'TỔNG HỢP', 'KẾT NỐI BẢO HIỂM', 'BÁO CÁO', 'PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH', 'DANH MỤC', and 'THU GỌN'. The main content area is titled 'Tổng hợp' (Summary) and lists several reports. A black arrow points to the 'Sổ cái' (Ledger) report, which is highlighted in the list. The report details include 'Sổ chi tiết các tài khoản' (Detailed ledger of accounts), 'Sổ chi tiết phát sinh tài khoản (Chỉ lấy phát sinh)' (Detailed ledger of accounts (Only take the generated)), 'Sổ nhật ký chung' (General journal), and 'Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại (Ghi Nợ TK)' (Summary table of original documents of the same type (Debit Account)).

Biểu 2.20. Sổ Nhật ký chung (Trích)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 1 năm 2026

Ngày hạch	Ngày chứng	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
03/01/2026	03/01/2026	BH00546	Bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THĂNG LONG theo hóa đơn số 00000002	131	5111	317.557.800	
03/01/2026	03/01/2026	BH00546	Bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THĂNG LONG theo hóa đơn số 00000002	5111	131		317.557.800
03/01/2026	03/01/2026	BH00546	Bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THĂNG LONG theo hóa đơn số 00000002	131	33311	31.755.780	
03/01/2026	03/01/2026	BH00546	Bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THĂNG LONG theo hóa đơn số 00000002	33311	131		31.755.780
03/01/2026	03/01/2026	XK00505	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THĂNG LONG theo hóa đơn số 00000002	632	156	297.049.506	
03/01/2026	03/01/2026	XK00506	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THĂNG LONG theo hóa đơn số 00000002	156	632		297.049.506
04/01/2026	04/01/2026	BH00548	Bán hàng CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000004	131	5111	235.238.549	
04/01/2026	04/01/2026	BH00548	Bán hàng CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000004	5111	131		235.238.549

04/01/2026	04/01/2026	BH00548	Bán hàng CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000004	131	33311	23.523.855	
04/01/2026	04/01/2026	BH00548	Bán hàng CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000004	33311	131		23.523.855
04/01/2026	04/01/2026	XK00507	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000004	632	156	59.373.043	
04/01/2026	04/01/2026	XK00507	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000004	156	632		59.373.043
05/01/2026	05/01/2026	BH00553	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PLC VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000009	131	5111	13.300.000	
05/01/2026	05/01/2026	BH00553	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PLC VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000009	5111	131		13.300.000
05/01/2026	05/01/2026	BH00553	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PLC VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000009	131	33311	1.330.000	
05/01/2026	05/01/2026	BH00553	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PLC VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000009	33311	131		1.330.000
05/01/2026	05/01/2026	XK00517	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PLC VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000009	632	156	12.115.622	
05/01/2026	05/01/2026	XK00517	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PLC VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000009	156	632		12.115.622
06/01/2026	06/01/2026	NK00874	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004	156	331	79.667.610	
06/01/2026	06/01/2026	NK00874	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004	331	156		79.667.610

06/01/2026	06/01/2026	NK00874	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004	1331	331	7.966.761	
06/01/2026	06/01/2026	NK00874	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004	331	1331		7.966.761
07/01/2026	07/01/2026	UNC03371	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Nam Sơn	1121	331	87.634.371	
07/01/2026	07/01/2026	UNC03371	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Nam Sơn	331	1121		87.634.371
13/01/2026	13/01/2026	NK00888	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CUỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8	156	331	428.018.182	
13/01/2026	13/01/2026	NK00888	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CUỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8	331	156		428.018.182
13/01/2026	13/01/2026	NK00888	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CUỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8	1331	331	42.801.818	
13/01/2026	13/01/2026	NK00888	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CUỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8	331	1331		42.801.818
16/01/2026	16/01/2026	NTTK002654	Công ty TNHH Thăng Long thanh toán HĐ000000002	1121	131	349.313.580	
16/01/2026	16/01/2026	NTTK002654	Công ty TNHH Thăng Long thanh toán HĐ000000002	131	1121		349.313.580
18/01/2026	18/01/2026	NK00901	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11	156	331	46.296.440	
18/01/2026	18/01/2026	NK00901	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11	331	156		46.296.440
18/01/2026	18/01/2026	NK00901	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11	1331	331	4.629.644	
18/01/2026	18/01/2026	NK00901	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11	331	1331		4.629.644

20/01/2026	20/01/2026	BGG00001	Giảm giá CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000044	5111	131	7.200.000	
20/01/2026	20/01/2026	BGG00001	Giảm giá CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000044	131	5111		7.200.000
20/01/2026	20/01/2026	BGG00001	Giảm giá CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000044	33311	131	720.000	
20/01/2026	20/01/2026	BGG00001	Giảm giá CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NINH PHONG theo hóa đơn số 00000044	131	33311		720.000
....							
Tổng cộng						28.416.220.445	28.416.220.445

- Sổ này có 49 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 49

- Ngày mở sổ:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.21. Sổ Cái TK 156 (Trích)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA
Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Tháng 01 năm 2026

Tài khoản: 156 - Hàng hóa

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				2.352.667.841	
			- Số phát sinh trong kỳ					
06/01/2026	NK00874	06/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004			331	79.667.610	
13/01/2026	NK00888	13/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8			331	428.018.182	
18/01/2026	NK00901	18/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11			331	46.296.440	
....								
			- Cộng số phát sinh				6.218.883.946	7.174.407.993
			- Số dư cuối kỳ				1.397.143.794	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				6.218.883.946	7.174.407.993

- Sổ này có 08 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 08

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 01 năm 2026

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.4. Thực trạng về kế toán công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

2.4.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa thường xuyên phát sinh các khoản công nợ phải trả cho nhà cung cấp. Đây là các khoản nợ phát sinh từ việc mua hàng hóa như đá các loại, cát xây dựng... nhưng chưa thanh toán ngay cho bên bán. Việc tổ chức kế toán công nợ phải trả một cách khoa học, chặt chẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc quản lý dòng tiền, duy trì uy tín với đối tác và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

2.4.1.1. Chứng từ sử dụng

Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến công nợ phải trả, kế toán công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo đúng quy định của Bộ Tài chính, bao gồm:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Biên bản giao nhận hàng hóa
- Phiếu nhập kho
- Các chứng từ thanh toán như: Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng (khi thanh toán qua ngân hàng), phiếu chi (khi thanh toán bằng tiền mặt)
- Biên bản đối chiếu công nợ định kỳ (thường được lập vào cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm)
- Các chứng từ khác có liên quan như: giấy đề nghị thanh toán, biên bản xử lý chênh lệch (nếu có)

Toàn bộ chứng từ được luân chuyển theo một quy trình thống nhất: Sau khi hàng về nhập kho, bộ phận mua hàng chuyển bộ chứng từ gốc cho kế toán. Kế toán kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ, sau đó tiến hành nhập liệu và lưu trữ theo đúng quy định .

2.4.1.2. Tài khoản sử dụng

Căn cứ vào chế độ kế toán hiện hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, Công ty sử dụng các tài khoản sau để hạch toán công nợ phải trả:

- TK 331 - Phải trả cho người bán: Đây là tài khoản sử dụng chủ yếu để theo dõi các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật liệu xây dựng. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng nhà cung cấp cụ thể như: Công ty TNHH Nam Sơn, Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Lực Cường Thịnh, Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hoàng Dương... Việc theo dõi chi tiết theo từng đối tượng giúp kế toán quản lý chặt chẽ công nợ và thời hạn thanh toán.

Theo quy định tại Thông tư 133, TK 331 phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ. Công ty có trách nhiệm theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả để phục vụ công tác quản lý và lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác:

- TK 111 - Tiền mặt
- TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
- TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 341 - Vay và nợ thuê tài chính

Biểu 2.22. Danh sách nhà cung cấp

Danh sách nhà cung cấp					
STT	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Mã số thuế/CCCD chủ hộ	Điện thoại
1	2700949855	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH	Thôn Trần Phú, Xã Gia Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	2700949855	
2	5400454102	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN	Khu phố Tân Bình, Thị trấn Hàng Trạm, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	5400454102	
3	5400556048	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG	Xóm Đới 2, Xã Lạc Lương, tỉnh Phú Thọ	5400556048	
....					
	Tổng	x	x	x	

(Nguồn: Phòng kế toán)

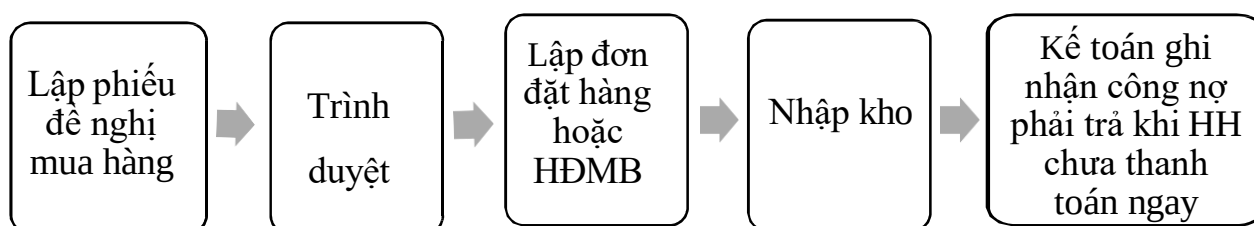
2.4.2. Kế toán công nợ phải trả

* Kế toán tăng công nợ phải trả

Tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa, các khoản công nợ phải trả thường phát sinh từ hoạt động mua vật liệu xây dựng như đá Base A, đá Base B, cát xây dựng... từ các nhà cung cấp như Công ty LVS, Công ty Nam Sơn, Công ty Lực Cường Thịnh nhưng chưa thanh toán ngay. Do đặc thù giao dịch có giá trị lớn, việc mua chịu theo kỳ hạn giúp Công ty chủ động quản lý dòng tiền và vốn lưu động. Hầu hết hàng hóa mua vào đều được nhập kho đầy đủ trước khi phân phối cho khách hàng.

* Quy trình

Dựa trên nhu cầu kinh doanh, phòng kinh doanh lập Phiếu yêu cầu nhập hàng, trình kế toán trưởng và giám đốc phê duyệt. Sau khi được thông qua, bộ phận kinh doanh lập đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua bán tùy theo quy định và hình thức giao dịch với từng nhà cung cấp. Khi hàng về, phòng kinh doanh phối hợp với kế toán và thủ kho thực hiện thủ tục nhập kho. Trường hợp hàng hóa chưa thanh toán ngay, kế toán ghi nhận công nợ phải trả cho nhà cung cấp, phần mềm tự động cập nhật vào Sổ chi tiết công nợ phải trả và Sổ cái TK 331



Sơ đồ 2.5. Quy trình mua hàng tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

=> *Trình tự luân chuyển chứng từ của các Nghiệp vụ sẽ tương tự nhau*

Căn cứ nhu cầu thị trường, tình hình tồn kho và đơn đặt hàng, phòng Kinh doanh lập Phiếu đề nghị mua hàng (Biểu 2.19). Phiếu được trình Kế toán trưởng thẩm định phương án tài chính, sau đó chuyển Giám đốc phê duyệt. Việc phê duyệt là cơ sở để các bộ phận triển khai đàm phán, ký hợp

đồng và tổ chức nhập kho, đảm bảo quy trình mua hàng diễn ra thông suốt và hiệu quả.

Biểu 2.23. Phiếu đề nghị mua hàng

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA Thôn Kiến Phong, xã Gia Tường, tỉnh Ninh Bình MST: 2700947537 PHIẾU ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG <i>Số: PĐN/... /...</i> <i>Ngày 01 tháng 01 năm 2026</i> Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Bộ phận đề xuất: Phòng Kinh doanh Người đề xuất:							
I. LÝ DO ĐỀ NGHỊ Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế và nhu cầu của khách hàng, phòng Kinh doanh đề nghị Ban Giám đốc xem xét phê duyệt mua các loại hàng hóa sau: Đáp ứng đơn đặt hàng của khách hàng theo Hợp đồng số ngày Bổ sung lượng hàng tồn kho đang xuống thấp, không đủ phục vụ nhu cầu kinh doanh Dự báo nhu cầu thị trường tăng cao trong thời gian tới							
II. DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ MUA							
STT	Mã hàng	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
	VT00017	Đá Base B	m ³	400	187.000	74.800.000	Nhập từ Nam Sơn

	VT00037	Cát xây dựng	m ³	1.200	350.000	420.000.000	Nhập từ Lực Cường Thịnh
	VT00080	Đá xô bò	Tấn	800	100.000	80.000.000	Nhập từ Hoàng Đương
	Tổng cộng					574.800.000	

Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

III. NHÀ CUNG CẤP ĐỀ XUẤT

Công ty TNHH Nam Sơn – Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Tỉnh Phú Thọ

Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Lực Cường Thịnh – Địa chỉ: Thôn Trần Phú, Xã Gia Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hoàng Đương – Địa chỉ: Xóm Đội 2, Xã Lạc Lương, Tỉnh Phú Thọ

IV. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN DỰ KIẾN

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Thời hạn thanh toán: 30 ngày kể từ ngày nhận hàng

Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN NHẬP HÀNG

Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

VI. Ý KIẾN CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN

Kế toán trưởng:

VII. Ý KIẾN GIÁM ĐỐC

.....

Ngày 01 tháng 01 năm 2026

Người đề xuất	Trưởng phòng Kinh doanh	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Sau khi hợp đồng mua bán được ký kết và hàng hóa được nhà cung cấp vận chuyển về kho, Thủ kho tiến hành kiểm đếm số lượng, chủng loại, chất lượng thực tế đối chiếu với hợp đồng và hóa đơn GTGT. Sau đó, Thủ kho chuyển bộ chứng từ gốc bao gồm Hóa đơn GTGT (Hình 2.3), Biên bản giao nhận hàng hóa (Biểu 2.2), Biên bản xác nhận giá trị (Biểu 2.3) lên Phòng Kế toán để làm căn cứ hạch toán.

Đối với nhà cung cấp mới phát sinh lần đầu, kế toán tiến hành khai báo thông tin trên phần mềm MISA. Cụ thể, kế toán truy cập phân hệ “Danh mục”, chọn “Nhà cung cấp”, nhấn “Thêm”. Tại đây, kế toán nhập đầy đủ các thông tin cần thiết như: “mã số thuế”, “mã nhà cung cấp” thường lấy luôn mã số thuế, “tên nhà cung cấp”, “địa chỉ”, “số điện thoại”, “tài khoản ngân hàng” và các thông tin liên quan khác. Việc khai báo chính xác ngay từ đầu giúp quản lý công nợ và theo dõi giao dịch với từng nhà cung cấp được thuận lợi, chính xác trong suốt quá trình hợp tác.

Hình 2.17. Danh mục

Danh mục		
Đối tượng Khách hàng Nhà cung cấp ← Nhân viên Nhóm khách hàng, nhà cung cấp	Vật tư hàng hóa Vật tư hàng hóa Kho Nhóm vật tư, hàng hóa, dịch vụ Đơn vị tính	Tài khoản Hệ thống tài khoản Tài khoản kết chuyển Tài khoản ngân định
Chi phí Đối tượng tập hợp chi phí Khoản mục chi phí Công trình Loại công trình	Ngân hàng Ngân hàng Tài khoản ngân hàng	Chi nhánh, phòng ban Cơ cấu tổ chức
Tài sản Loại công cụ dụng cụ Loại tài sản cố định	Thuế Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt Biểu thuế tài nguyên	Khác Điều khoản thanh toán Mức thuế chi Mã thống kê Loại tiền Loại chứng từ
Tiền lương Ký hiệu chấm công Biểu tính thuế thu nhập		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sau khi vào chứng từ mua hàng (Hình 2.11), do chưa thanh toán phần tổng giá thanh toán sẽ được phần mềm tự động cập nhật vào Sổ chi tiết công nợ phải trả của Công ty. Các thông tin liên quan của nhà cung cấp sẽ được tự động đưa vào khi chọn nhà cung cấp.

Bộ phận kinh doanh lập đơn đặt hàng theo quy định (Biểu 2.22)

Biểu 2.24. Đơn đặt hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số: 0005

Kính gửi: Công ty TNHH Nam Sơn

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa có nhu cầu đặt hàng tại Quý công ty theo mẫu yêu cầu.

CHI TIẾT ĐƠN HÀNG:

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đá bẫy B		426,03	187.000	79.667.610

TỔNG CỘNG:

Tổng tiền hàng: 79.667.610

Thuế VAT (nếu có): 7.966.761

Tổng tiền thanh toán: 87.634.371

Thời gian giao hàng: 06/01/2026

Địa điểm giao hàng: Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

- ☐ Chuyển khoản ngân hàng
- ☐ Thanh toán khi nhận hàng (COD)
- ☐ Thanh toán qua thẻ tín dụng
- Thanh toán sau khi nhận hàng

GHI CHÚ KHÁC

.....

Ninh Bình, ngày 06 tháng 01 năm 2026

BÊN BÁN

(Ký ghi rõ họ tên)

BÊN MUA

(Ký ghi rõ họ tên)

*** Kế toán giảm công nợ phải trả**

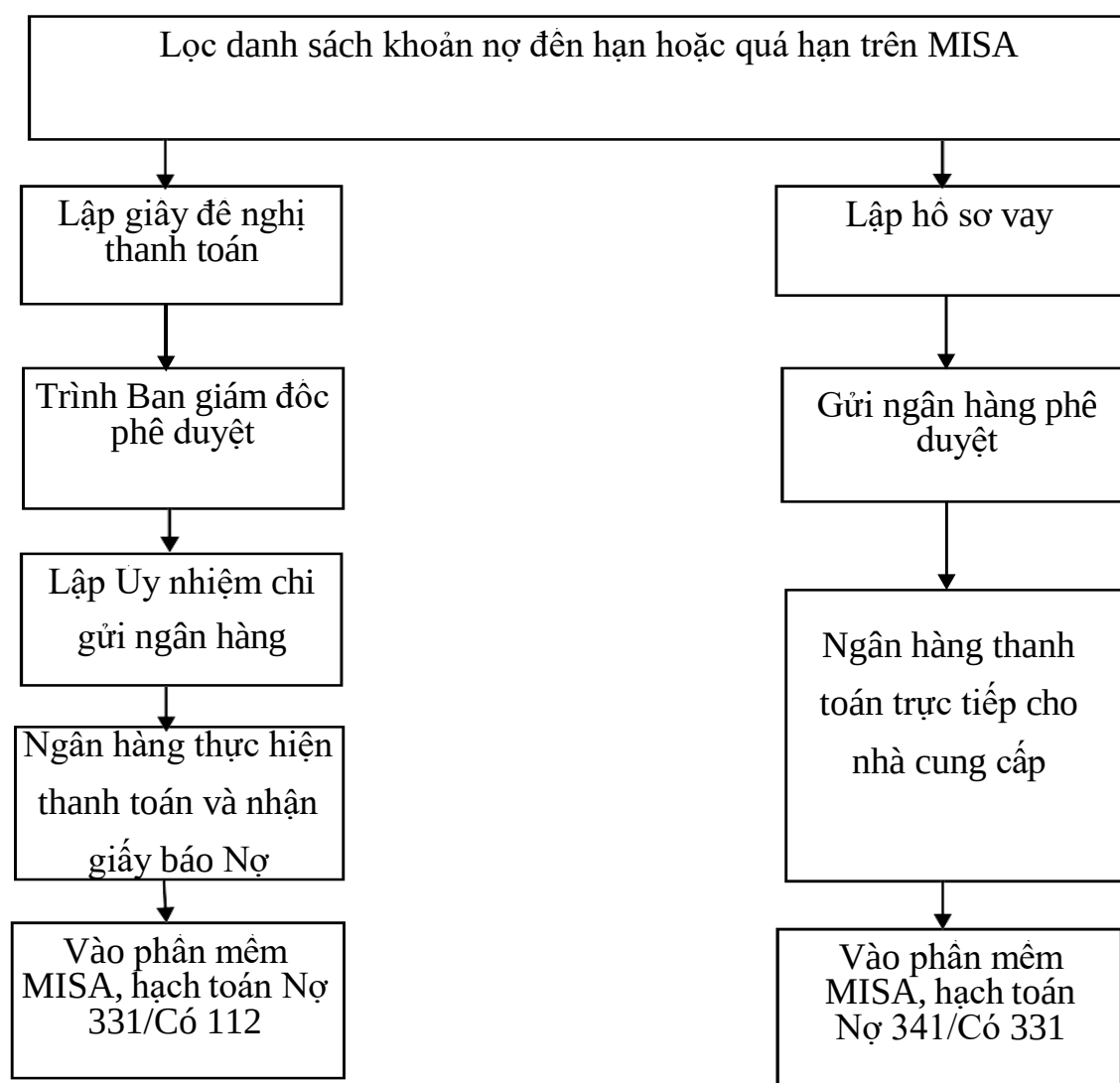
Tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa, các khoản công nợ phải trả phát sinh giảm chủ yếu khi Công ty thực hiện thanh toán tiền cho nhà cung cấp các loại vật liệu xây dựng như đá Base A, đá Base B, cát xây dựng, đá xô bồ... Do đặc thù hàng hóa có giá trị giao dịch lớn và khối lượng mua hàng thường xuyên, Công ty chủ yếu thực hiện thanh toán qua hình thức chuyển khoản ngân hàng để đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc quản lý dòng tiền và đối chiếu chứng từ. Trong một số trường hợp cần huy động vốn lớn để thanh toán, Công ty có thể sử dụng hình thức vay ngân hàng.

*** Quy trình:**

Hàng tháng, kế toán truy cập phân hệ “mua hàng” trên phần mềm MISA, chọn mục “báo cáo công nợ nhà cung cấp” để lọc danh sách các khoản nợ đến hạn hoặc quá hạn. Sau khi kiểm tra, nếu cần, kế toán xuất Biên bản đối chiếu công nợ và gửi cho nhà cung cấp để xác nhận. Kế toán chuẩn bị Giấy đề nghị thanh toán, kèm theo các chứng từ liên quan như Hóa đơn GTGT, hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ. Hồ sơ sau đó được in ra và trình lên kế toán trưởng để kiểm tra và phê duyệt trước khi tiến hành các bước tiếp theo. Sau khi được phê duyệt, kế toán lập Ủy nhiệm chi theo mẫu của ngân hàng, ghi rõ số tiền, tài khoản nhận và lý do thanh toán. Ủy nhiệm chi được Ban giám đốc ký duyệt và chuyển cho ngân hàng để thực hiện. Khi nhận Giấy báo nợ, kế toán thực hiện vào phần mềm MISA, ghi nhận giảm công nợ phải trả nhà cung cấp

Trong trường hợp Công ty có nhu cầu huy động vốn vay ngân hàng để thanh toán cho nhà cung cấp, kế toán phối hợp với bộ phận liên quan chuẩn bị đầy đủ hồ sơ vay vốn theo quy định của ngân hàng. Hồ sơ bao gồm: báo cáo tài chính, biên bản đối chiếu công nợ, hồ sơ pháp lý của Công ty (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, điều lệ...), hồ sơ tài chính, hóa đơn GTGT của lô hàng cần thanh toán, phương án sử dụng vốn, tài sản đảm bảo và các giấy tờ liên quan khác theo yêu cầu của ngân hàng. Sau khi hồ sơ được ngân hàng

thẩm định và phê duyệt, kế toán tiến hành ghi nhận khoản vay và nghiệp vụ thanh toán trên phần mềm MISA. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và chứng từ giải ngân, kế toán thực hiện hạch toán: Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (hoặc Nợ TK 331 nếu ngân hàng chuyển thẳng cho nhà cung cấp), Có TK 341 - Vay và nợ thuê tài chính. Hệ thống tự động cập nhật số liệu vào Sổ chi tiết công nợ phải trả và Sổ cái TK 331. Định kỳ, kế toán theo dõi lịch thanh toán các khoản vay (gốc và lãi) để đảm bảo thực hiện đúng hạn, duy trì uy tín tín dụng và tránh các rủi ro tài chính phát sinh từ nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa phát sinh trường hợp phải vay ngân hàng để thanh toán công nợ cho nhà cung cấp.



Sơ đồ 2.6. Sơ đồ quy trình giảm công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

Trích dẫn 6: Ngày 07/01/2026, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa thanh toán tiền mua Đá bầy B cho Công ty TNHH Nam Sơn theo Hóa đơn GTGT số 00000004 ngày 06/01/2026, tổng số tiền 87.634.371 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng, số Ủy nhiệm chi UNC

*** Quy trình luân chuyển chứng từ Trích dẫn 6**

Kế toán lập Giấy đề nghị thanh toán (*Biểu 2.23*), nêu đầy đủ số tiền, hình thức thanh toán kèm theo các chứng từ liên quan như hóa đơn GTGT, hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ và trình lên Ban giám đốc kiểm tra và phê duyệt

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Người đề nghị: Nguyễn Thị Thảo

Bộ phận: Kế toán

Đề nghị thanh toán tiền phụ tùng tháng 01 năm 2026 cho:

Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH NAM SƠN

Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Số tài khoản: 3008201002465

Tại Ngân Hàng: Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Yên Thủy

Số tiền: 87.634.371 đồng

Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn ba trăm bảy mươi một đồng.

Ninh Bình, ngày 07 tháng 01 năm 2026

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc dịch vụ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.25. Giấy đề nghị thanh toán

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sau khi kế toán nhập chứng từ mua hàng (Hình 2.5, Hình 2.8, Hình 2.11) trên phần mềm kế toán MISA, toàn bộ dữ liệu liên quan đến các nghiệp vụ mua vật liệu xây dựng từ các nhà cung cấp sẽ được hệ thống tự động cập nhật và phản ánh vào “Sổ chi tiết công nợ phải trả” cũng như “Bảng tổng hợp công nợ phải trả”. Các thông tin về số tiền, ngày hạch toán, chứng từ gốc được ghi nhận đầy đủ, chính xác, giúp kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của từng đối tượng. Cụ thể, sổ chi tiết công nợ được mở riêng cho từng nhà cung cấp như (Biểu 2.24), (Biểu 2.25) và (Biểu 2.26). Nhờ đó, việc quản lý công nợ trở nên minh bạch, hỗ trợ đắc lực cho công tác thanh toán và đối chiếu định kỳ với nhà cung cấp.

Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp được xuất trên phần mềm. Kế toán viên vào mục “Báo cáo” chọn “Mua hàng” chọn “Báo cáo công nợ nhà cung cấp” chọn “Chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp”. Kế toán viên chọn từng nhà cung cấp.

Kế toán vào phân hệ “Tiền gửi” trên phần mềm kế toán MISA, chọn “Chi tiền”, bấm chọn “Chi khác” và hạch toán giảm công nợ phải trả nhà cung cấp (Nợ 331/Có 112) theo giao diện màn hình nhập liệu (Hình 2.18) dưới đây

Hình 2.18. Ủy nhiệm chi

Ủy nhiệm chi UNC03371

9. Chi khác

Phương thức thanh toán Ủy nhiệm chi

Hướng dẫn sử dụng

Tài khoản chi

2235356868

Ngân hàng TMCP Quân đội

Mã đối tượng

5400454102

Tên đối tượng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN

Địa chỉ

Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Phú Thọ

Tài khoản nhận

Nhân viên

Nội dung thanh toán

Chi tiền cho CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN

Tham chiếu

Ngày hạch toán

06/01/2026

Ngày chứng từ

06/01/2026

Số chứng từ

UNC03371

Tổng tiền

87.634.371

Hạch toán

Trợ lý AI

Loại tiền VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Tên đối tượng
1	Chi tiền cho CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN	331	112	87.634.371	5400454102	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN
				87.634.371		

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước 1 Sau

Thêm dòng

Xóa hết dòng

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Activate Windows

Go to Settings to activate Windows.

Sửa nhanh

Bỏ ghi

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.19. Xuất sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)

The screenshot displays the AMIS Kế toán software interface. The top navigation bar includes the company name 'CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA', the year 'Dữ liệu kế toán 2024', and a search bar. The left sidebar contains a menu with various accounting categories, with 'Mua hàng' (Purchases) highlighted. The main content area shows a list of reports under the 'Mua hàng' section. Two black arrows point to 'Mua hàng' in the sidebar and 'Chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp' in the report list.

Mua hàng			
Báo cáo mua hàng theo nhà cung cấp, mặt hàng			
Sổ chi tiết mua hàng	📄	★	Tổng hợp mua hàng theo mặt hàng
Tổng hợp mua hàng theo mặt hàng và nhà cung cấp	📄	☆	Tổng hợp mua hàng theo nhà cung cấp
Sổ nhật ký mua hàng	📄	☆	
Báo cáo công nợ nhà cung cấp			
Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp	📄	★	Chi tiết công nợ phải trả theo mặt hàng
Chi tiết công nợ phải trả theo hóa đơn	📄	☆	Chi tiết công nợ phải trả theo mặt hàng (tính)
Chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp	📄	★	Phân tích công nợ phải trả theo tuổi nợ
Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ phải trả	📄	☆	Chi tiết công nợ phải trả theo tuổi nợ
Thông báo công nợ với nhà cung cấp	📄	☆	
Báo cáo theo nhân viên mua hàng			
Báo cáo đơn mua hàng			
Báo cáo hợp đồng mua			
Báo cáo theo công trình			
Báo cáo đối chiếu			

Biểu 2.26. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

Tài khoản: 331, Nhà cung cấp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN, Tháng 1 năm 2026

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK công nợ	TK đối ứng	Phát sinh		Số dư	
						Nợ	Có	Nợ	Có
Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN									
			Số dư đầu kỳ	331					356.214.303
06/01/2026	06/01/2026	NK00874	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004	331	156		79.667.610		435.881.913
06/01/2026	06/01/2026	NK00874	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004	331	1331		7.966.761		443.848.674
07/01/2026	07/01/2026	UNC03371	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Nam Sơn	331	1121	87.634.371			356.214.303
			Cộng	331		87.634.371	87.634.371		
Tổng cộng						87.634.371	87.634.371		356.214.303

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.27. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

Tài khoản: 331, Nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CUỜNG THỊNH, Tháng 1 năm 2026

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK công nợ	TK đối	Phát sinh		Số dư	
						Nợ	Có	Nợ	Có
Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH									
			Số dư đầu kỳ	331					353.970.000
10/01/2026	10/01/2026	NVK00491	Cước vận chuyển đường thủy Đá xô bồ Từ Bến Đế, thôn Kiến Phong, xã Gia Tường, tỉnh Ninh Bình về Nhà máy xi măng Xuân Thành, thôn Bồng Lạng, Xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình - PTVC tàu NB6825	331	6421		71.840.741		425.810.741
10/01/2026	10/01/2026	NVK00491	Thuế GTGT - Cước vận chuyển đường thủy Đá xô bồ Từ Bến Đế, thôn Kiến Phong, xã Gia Tường, tỉnh Ninh Bình về Nhà máy xi măng Xuân Thành, thôn Bồng Lạng, Xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình - PTVC tàu NB6825	331	1331		5.747.259		431.558.000
11/01/2026	11/01/2026	UNC03379	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Lực Cường Thịnh	331	1121	77.588.000			353.970.000
13/01/2026	13/01/2026	NK00888	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8	331	156		428.018.182		781.988.182
13/01/2026	13/01/2026	NK00888	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8	331	1331		42.801.818		824.790.000
....									
			Cộng	331		672.450.000	629.462.000		310.982.000
Tổng cộng							672.450.000	629.462.000	310.982.000

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.28. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

Tài khoản: 331, Nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG, Tháng 1 năm 2026

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK công nợ	TK đối ứng	Phát sinh		Số dư	
						Nợ	Có	Nợ	Có
Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG									
			Số dư đầu kỳ	331					57.044.284
03/01/2026	03/01/2026	NK00848	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 1	331	156		83.050.960		140.095.244
03/01/2026	03/01/2026	NK00848	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 1	331	1331		8.305.096		148.400.340
06/01/2026	06/01/2026	UNC03360	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Xây Dựng, Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Hoàng Dương	331	1121	91.356.056			
15/01/2026	15/01/2026	NK00893	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 8	331	156		43.864.610		667.889.286
15/01/2026	15/01/2026	NK00893	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 8	331	1331		4.386.461		672.275.747

18/01/2026	18/01/2026	NK00901	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11	331	156		46.296.440		771.197.771
18/01/2026	18/01/2026	NK00901	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11	331	1331		4.629.644		775.827.415
18/01/2026	18/01/2026	UNC03390	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Xây Dựng, Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Hoàng Dương	331	1121	100.000.000			
....									
Tổng cộng				331		874.000.000	862.884.869		45.929.153
						874.000.000	862.884.869		45.929.153

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp được xuất trên phần mềm. Kế toán viên vào mục “Báo cáo” chọn “Mua hàng” chọn “Báo cáo công nợ nhà cung cấp” chọn “Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp”. Kế toán viên chọn “Tham số tương ứng” để lên bảng tổng hợp.

Hình 2.20. Xuất bảng tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)

The screenshot displays the AMIS Kế toán software interface. On the left sidebar, the 'Báo cáo' (Reports) menu item is highlighted. The main content area shows the 'Mua hàng' (Purchases) section. Under this section, the 'Báo cáo công nợ nhà cung cấp' (Accounts Payable by Supplier) report is selected. A table of summary data is visible, including 'Tổng hợp mua hàng theo nhà cung cấp, mặt hàng' and 'Báo cáo công nợ phải trả nhà cung cấp'. Arrows point to the 'Mua hàng' menu item and the 'Báo cáo công nợ phải trả nhà cung cấp' report.

Báo cáo công nợ phải trả nhà cung cấp			
Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp	★	Chi tiết công nợ phải trả theo mặt hàng	☆
Chi tiết công nợ phải trả theo hóa đơn	☆	Chi tiết công nợ phải trả theo mặt hàng (tính)	☆
Chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp	★	Phân tích công nợ phải trả theo tuổi nợ	☆
Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ phải trả	☆	Chi tiết công nợ phải trả theo tuổi nợ	☆
Thông báo công nợ với nhà cung cấp	☆		

Biểu 2.29. Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

Tài khoản: 331, Tháng 1 năm 2026

Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	TK Công nợ	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
2700949855	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH	331		353.970.000	672.450.000	629.462.000		310.982.000
5400454102	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN	331		356.214.303	87.634.371	87.634.371		356.214.303
5400556048	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG	331		57.044.284	874.000.000	862.884.869		45.929.153
....								
Tổng cộng			458.774.716	3.844.387.850	9.896.571.000	9.930.926.466	458.774.716	3.878.743.316

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Đồng thời, các nghiệp vụ phát sinh được phần mềm cập nhật vào Sổ nhật ký chung và sổ cái TK 331 đảm bảo theo dõi toàn bộ phát sinh công nợ phải trả theo thời gian và đối tượng cụ thể. Sổ nhật ký chung đã được trích ở (Biểu 2.18) và dưới đây là trích Sổ cái TK 331 (Biểu 2.28) trong tháng 01/2026

Biểu 2.30. Sổ cái TK 331 (Trích)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA
Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Tháng 01 năm 2026

Tài khoản: 331 - Phải trả cho người bán

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					3.385.613.134
			- Số phát sinh trong kỳ					
03/01/2026	NK00848	03/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 1			156		83.050.960
03/01/2026	NK00848	03/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 1			1331		8.305.096
06/01/2026	UNC03360	06/01/2026	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Xây Dựng, Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Hoàng Dương			1121	91.356.056	
06/01/2026	NK00874	06/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004			1331		7.966.761
06/01/2026	NK00874	06/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN theo hóa đơn số 00000004			156		79.667.610
07/01/2026	UNC03371	07/01/2026	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Nam Sơn			1121	87.634.371	
10/01/2026	NVK00491	10/01/2026	Thuê GTGT - Cước vận chuyển đường thủy Đá xô bỏ Từ Bến Đẽ, thôn Kiến Phong, xã Gia Tường, tỉnh Ninh Bình về Nhà máy xi măng Xuân Thành, thôn Bồng Lạng, Xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình - PTVC tàu NB6825			6421		71.840.741

10/01/2026	NVK00491	10/01/2026	Cước vận chuyển đường thủy Đá xô bồ Từ Bến Để, thôn Kiến Phong, xã Gia Tường, tỉnh Ninh Bình về Nhà máy xi măng Xuân Thành, thôn Bồng Lạng, Xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình - PTVC tàu NB6826			1331		5.747.259
11/01/2026	UNC03379	11/01/2026	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Lực Cường Thịnh			1121	77.588.000	
13/01/2026	NK00888	13/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8			156		428.018.182
13/01/2026	NK00888	13/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH theo hóa đơn số 8			1331		42.801.818
15/01/2026	NK00893	15/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 8			156		43.864.610
15/01/2026	NK00893	15/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 8			1331		4.386.461
18/01/2026	NK00901	18/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11			1331		4.629.644
18/01/2026	NK00901	18/01/2026	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG theo hóa đơn số 11			156		46.296.440
18/01/2026	UNC03390	18/01/2026	Trả tiền nhà cung cấp Công ty TNHH Xây Dựng, Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Hoàng Dương			1121	100.000.000	
....								
			- Cộng số phát sinh				9.896.571.000	9.930.926.466
			- Số dư cuối kỳ					3.419.968.600
			- Cộng lũy kế từ đầu năm					3.419.968.600

- Sổ này có 16 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 16
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 01 năm 2026

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn: Phòng kế toán)

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

3.1. Đánh giá chung về kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

Qua quá trình tìm hiểu thực tế, có thể nhận thấy công tác kế toán mua hàng và quản lý công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa đã được tổ chức tương đối bài bản, phù hợp với quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời tuân thủ khá nghiêm túc các quy định theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Bên cạnh những mặt tích cực, vẫn còn một số hạn chế nhất định cần được quan tâm cải thiện.

3.1.1. Ưu điểm

Về tổ chức quản lý kinh doanh

- Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, toàn bộ chứng từ, sổ sách đều tập trung về phòng Kế toán dưới sự kiểm tra trực tiếp của Kế toán trưởng, đảm bảo số liệu chính xác, rõ ràng, đúng trình tự và thống nhất trong toàn hệ thống.

- Bộ máy quản lý được phân chia rõ ràng, gọn nhẹ, các phòng ban chịu sự giám sát trực tiếp của Ban Giám đốc, giúp giảm áp lực cho lãnh đạo và nâng cao hiệu quả điều hành.

- Việc phân công công việc theo hướng chuyên môn hóa giúp tăng cường trách nhiệm của từng bộ phận, xử lý công việc nhanh chóng và hiệu quả.

Về tổ chức công tác kế toán

- Đội ngũ nhân viên kế toán trẻ, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật chính sách thuế và chế độ kế toán mới, giúp cán bộ kế toán đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao.

- Tất cả cán bộ kế toán đều có trình độ chuyên môn phù hợp, góp phần tích cực vào hiệu quả kinh doanh chung.

- Công tác kế toán được thực hiện nghiêm túc theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, phù hợp với quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa và đặc thù kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Hệ thống tài khoản kế toán được xây dựng khoa học, bao gồm các tài khoản chủ lực như TK 156, TK 331, TK 133, TK 111, TK 112...; Công ty luôn chủ động cập nhật các thay đổi về chế độ kế toán và văn bản pháp luật.

- Hệ thống chứng từ đầy đủ, đúng quy định (hợp đồng, hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận, phiếu nhập kho, giấy đề nghị thanh toán, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ...), được lưu trữ cẩn thận, sắp xếp khoa học theo trình tự thời gian, dễ tra cứu, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ và minh bạch.

- Ứng dụng phần mềm kế toán MISA với hình thức kế toán trên máy vi tính, tự động hóa quy trình từ ghi nhận nhập kho, theo dõi công nợ đến lập báo cáo tài chính, giảm thiểu sai sót, cho phép tra cứu thông tin nhanh chóng, chính xác.

- Các báo cáo nhập – xuất – tồn, sổ chi tiết công nợ, báo cáo tài chính được xuất ra từ phần mềm đáp ứng tốt yêu cầu quản lý nội bộ và báo cáo cơ quan Nhà nước.

Về công tác quản lý hàng hóa

- Quy trình nhập kho được kiểm soát chặt chẽ, bài bản; hàng hóa (đá Base B, cát xây dựng, đá xô bờ) sau khi tiếp nhận, kiểm tra số lượng, chất lượng, đối chiếu với hợp đồng và hóa đơn, được Thủ kho lập phiếu nhập kho và sắp xếp hợp lý theo từng loại, từng mã hàng, đảm bảo thuận tiện cho xuất bán, kiểm kê và bảo quản.

- Công ty thực hiện kiểm kê định kỳ vào cuối mỗi tháng, giúp đối chiếu số liệu thực tế với sổ sách, phát hiện kịp thời chênh lệch, nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính và tăng cường trách nhiệm của các bộ phận liên quan.

- Việc tổ chức kiểm kê có sự tham gia của nhiều bên (kế toán, thủ kho, phòng kinh doanh) tạo tính khách quan, minh bạch, hạn chế thất thoát hàng hóa.

Về công tác hạch toán

- Bộ phận kế toán thực hiện các thao tác từ kiểm tra, đối chiếu chứng từ đến nhập liệu vào phần mềm MISA một cách nền nếp, kỷ luật, đảm bảo dữ liệu được phản ánh đầy đủ, kịp thời, đúng nghiệp vụ phát sinh.

- Phương pháp kê khai thường xuyên được áp dụng, kết hợp với việc mở chi tiết từng mã hàng trên phần mềm, giúp kế toán dễ dàng kiểm tra, truy xuất dữ liệu nhập – xuất – tồn và công nợ phải trả theo từng nhà cung cấp (Công ty Nam Sơn, LVS, Hoàng Dương).

- Quy trình phối hợp giữa phòng Kế toán, bộ phận mua hàng và Thủ kho diễn ra chặt chẽ, đồng bộ, hạn chế tối đa sai sót trong ghi nhận số liệu, đảm bảo tính nhất quán giữa sổ sách và hàng hóa thực tế.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác kế toán mua hàng và quản lý công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục, cụ thể:

Về quy trình mua hàng

- Thiếu quy trình phê duyệt mua hàng bài bản: Hiện nay, Công ty chưa quy định bắt buộc lập Phiếu đề nghị mua hàng trước khi đặt hàng. Nhiều lô hàng được nhập về dựa trên yêu cầu đột xuất của phòng Kinh doanh mà chưa qua sự phê duyệt của Kế toán trưởng và Giám đốc, dẫn đến tình trạng nhập hàng vượt kế hoạch, tồn kho tăng đột biến, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn.

- Chưa có danh sách nhà cung cấp được đánh giá, xếp hạng định kỳ: Công ty chưa thực hiện việc đánh giá, phân loại nhà cung cấp dựa trên các tiêu chí như chất lượng hàng hóa, giá cả, thời gian giao hàng, uy tín thanh toán. Do đó, việc lựa chọn nhà cung cấp đôi khi còn cảm tính, chưa tối ưu được chi phí và chất lượng đầu vào.

Về chính sách thanh toán và quản lý công nợ phải trả

- Chưa tận dụng chiết khấu từ nhà cung cấp: Mặc dù nhiều nhà cung cấp (như Công ty Nam Sơn, Công ty Hoàng Dương,...) có chính sách chiết khấu thanh toán (ví dụ: 0,5% - 1% nếu thanh toán trong vòng 7 ngày), nhưng Công ty chưa chủ động bố trí dòng tiền để thanh toán sớm, dẫn đến bỏ lỡ cơ hội giảm giá vốn hàng mua.

- Chưa phân loại công nợ phải trả theo tuổi nợ: Công ty mới chỉ theo dõi số dư công nợ tổng hợp và chi tiết theo từng nhà cung cấp, nhưng chưa phân tích chi tiết theo kỳ hạn (nợ trong hạn, nợ quá hạn dưới 30 ngày, 31-60 ngày, trên 60 ngày). Điều này gây khó khăn cho việc lập kế hoạch thanh toán ưu tiên, dễ dẫn đến tình trạng nợ quá hạn không đáng có, ảnh hưởng đến uy tín với nhà cung cấp.

- Chưa trích lập dự phòng phải trả cho các rủi ro: Công ty chưa có chính sách trích lập dự phòng cho các khoản tạm ứng nhà cung cấp hoặc các khoản phải trả có khả năng phát sinh tranh chấp (ví dụ: hàng hóa không đúng chất lượng, nhà cung cấp phá sản...). Điều này làm giảm tính chủ động khi xảy ra rủi ro tài chính.

Về ứng dụng phần mềm kế toán

- Mã hàng hóa chưa được chuẩn hóa: Qua khảo sát dữ liệu trên phần mềm, tại Công ty hiện đang đặt mã hàng hóa theo hai dạng khác nhau: một số hàng có mã dạng N0100001 (ví dụ: Đá base B, Đá base A), số khác lại có mã dạng VT00017, VT00037, VT00080 (ví dụ: Đá Bê B, Cát xây dựng, Đá xô bò). Việc đặt hai kiểu mã hàng hóa không đồng bộ này có thể dẫn đến hệ quả cùng một loại hàng nhưng tồn tại nhiều mã khác nhau trên phần mềm, hoặc dễ phát sinh mã mới cho hàng đã có. Sự thiếu thống nhất gây khó khăn trong quản lý hàng tồn kho, tổng hợp dữ liệu xuất nhập tồn, làm tăng dữ liệu rác, ảnh hưởng đến công tác kiểm kê và đối chiếu hàng hóa.

Tên kho	Mã hàng	Tên hàng
HÀNG HÓA	N0100001	Đá base B
HÀNG HÓA	N0100002	Đá base A
HÀNG HÓA	VT00017	Đá Bê B
HÀNG HÓA	VT00037	Cát xây dựng
HÀNG HÓA	VT00080	Đá xô bò

Hình 3.1. Mã hàng hóa

- Chưa khai thác hết tính năng của MISA trong quản lý công nợ: Mặc dù đã sử dụng MISA, nhưng Công ty chưa tận dụng các tính năng cảnh báo tự động về hạn thanh toán, gửi mail biên bản đối chiếu công nợ cho nhà cung cấp. Việc theo dõi và đối chiếu công nợ vẫn chủ yếu thực hiện thủ công (in giấy, gửi trực tiếp), mất thời gian và tiềm ẩn sai sót.

- Chưa kết nối ngân hàng điện tử với phần mềm kế toán: Công ty chưa thiết lập kết nối giữa MISA và Internet Banking, do đó khi thanh toán cho nhà cung cấp, kế toán phải nhập liệu thủ công ủy nhiệm chi trên web ngân hàng, sau đó nhập lại chứng từ vào MISA, vừa mất thời gian vừa có nguy cơ sai lệch dữ liệu giữa hai hệ thống.

Về công tác đối chiếu và lưu trữ chứng từ

- Đối chiếu công nợ với nhà cung cấp chưa được thực hiện định kỳ: Hiện nay, việc đối chiếu chủ yếu chỉ thực hiện vào cuối năm hoặc khi phát sinh tranh chấp. Không có lịch đối chiếu cố định hàng tháng, dẫn đến có thể xảy ra chênh lệch số dư kéo dài mà không được phát hiện kịp thời.

- Lưu trữ chứng từ chưa khoa học: Hồ sơ mua hàng (hợp đồng, hóa đơn, biên bản giao nhận, phiếu nhập kho, chứng từ thanh toán) được lưu trữ theo niên độ kế toán nhưng chưa được phân loại theo từng nhà cung cấp, gây khó khăn khi tra cứu, đối chiếu nhanh, đặc biệt khi cơ quan thuế hoặc kiểm toán yêu cầu cung cấp hồ sơ theo từng đối tượng cụ thể.

Về công tác kiểm kê và đối chiếu nội bộ

- Xử lý chênh lệch kiểm kê chưa kịp thời: Mặc dù Công ty có kiểm kê cuối tháng, nhưng khi phát sinh chênh lệch giữa thực tế và sổ sách, nguyên nhân thường được xác định chậm và việc xử lý điều chỉnh đôi khi kéo dài sang kỳ sau, làm sai lệch số liệu báo cáo tài chính tạm thời.

- Chưa có quy chế xử lý hao hụt hàng hóa trong quá trình nhập kho: Đối với các mặt hàng vật liệu rời như cát, đá, hao hụt trong quá trình vận chuyển, bốc xếp là khó tránh khỏi, nhưng Công ty chưa có định mức hao hụt cho phép và quy trình xử lý cụ thể, dẫn đến việc hạch toán chênh lệch chưa thống nhất.

3.2. Một số giải pháp đề xuất hoàn thiện kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa

Xuất phát từ những hạn chế đã được phân tích trong công tác kế toán mua hàng và quản lý công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa (như thiếu quy trình phê duyệt mua hàng bài bản, chưa đánh giá nhà cung cấp, không tận dụng chiết khấu, chưa phân loại công nợ theo tuổi nợ, chưa trích lập dự phòng, đối chiếu công nợ không định kỳ, lưu trữ chứng từ chưa khoa học, xử lý hao hụt chưa có quy chuẩn), việc đề xuất các giải pháp khắc phục là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu dòng tiền và giảm thiểu rủi ro tài chính. Trên cơ sở đó, em xin đề xuất một số giải pháp cụ thể tương ứng với từng nhược điểm đã chỉ ra, đồng thời đánh giá khả năng ứng dụng các giải pháp này trên nền tảng phần mềm kế toán MISA AMIS – công cụ mà Công ty đang sử dụng. Các giải pháp được trình bày dưới đây tập trung vào việc hoàn thiện quy trình mua hàng, chính sách thanh toán, quản lý công nợ phải trả và lưu trữ chứng từ, góp phần giúp Công ty vận hành tài chính lành mạnh và bền vững hơn trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh.

3.2.1. Ban hành quy trình phê duyệt mua hàng và đánh giá nhà cung cấp định kỳ

Thứ nhất là xây dựng quy trình phê duyệt mua hàng bắt buộc. Công ty cần ban hành văn bản nội bộ quy định rõ ràng về việc lập Phiếu đề nghị mua hàng (PĐNMH) đối với mọi lô hàng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên. Phiếu đề nghị phải bao gồm các thông tin: bộ phận đề nghị, tên hàng hóa, số lượng, đơn giá dự kiến, thành tiền, nhà cung cấp đề xuất, lý do mua, thời gian cần có hàng. Thẩm quyền phê duyệt được phân cấp theo giá trị lô hàng:

- Dưới 30 triệu đồng: Trưởng phòng Kinh doanh + Kế toán trưởng.
- Từ 30 triệu đồng trở lên: thêm Giám đốc.

Tất cả PĐNMH sau khi được phê duyệt phải được đánh số thứ tự liên tục theo năm, lưu tại phòng Kế toán và phòng Kinh doanh. Cấm nhập kho bất kỳ lô hàng nào không có PĐNMH đã phê duyệt; trường hợp mua đột xuất phải xin phép qua điện thoại và viết bổ sung trong vòng 24 giờ.

Thứ hai là xây dựng bảng đánh giá và xếp hạng nhà cung cấp định kỳ. Công ty cần xác định 5 tiêu chí đánh giá với trọng số: Chất lượng hàng hóa (30%), Giá cả (25%), Giao hàng đúng hạn (20%), Uy tín thanh toán (15%), Hỗ trợ sau bán (10%). Định kỳ 6 tháng một lần (cuối tháng 6 và tháng 12), phòng Kinh doanh tổng hợp số liệu, kế toán cung cấp dữ liệu thanh toán, thủ kho cung cấp dữ liệu chất lượng. Chấm điểm và phân loại: Hạng A (≥ 85 điểm) – hợp tác chiến lược; Hạng B (60-84 điểm) – tiếp tục hợp tác; Hạng C (< 60 điểm) – cảnh báo, xem xét thay thế. Lập danh sách nhà cung cấp xếp hạng, trình Giám đốc phê duyệt, lưu tại phòng Kế toán và phòng Kinh doanh.

3.2.2. Tận dụng chiết khấu thanh toán từ nhà cung cấp

Để tối ưu hóa lợi ích tài chính và cải thiện dòng tiền, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa cần chủ động đề nghị các nhà cung cấp (đặc biệt là các đối tác chiến lược như Công ty Nam Sơn, Công ty LVS, Công ty Hoàng Dương) bổ sung điều khoản chiết khấu thanh toán vào hợp đồng mua bán. Đây là khoản chiết khấu mà bên bán (nhà cung cấp) dành cho bên mua

(Công ty) khi thanh toán trước thời hạn quy định. Việc đưa điều khoản này không chỉ giúp Công ty giảm chi phí mua hàng mà còn khuyến khích Công ty thanh toán sớm, qua đó xây dựng uy tín và mối quan hệ bền vững với nhà cung cấp.

Khi đàm phán ký kết hợp đồng mới hoặc phụ lục bổ sung cho hợp đồng hiện hữu, Công ty nên đề xuất với nhà cung cấp các mức chiết khấu thanh toán như sau:

- Thanh toán trong vòng 7 ngày kể từ ngày giao hàng hoặc ngày lập hóa đơn GTGT: chiết khấu 1% trên tổng giá trị thanh toán (đã bao gồm thuế GTGT).

- Thanh toán trong vòng 15 ngày: chiết khấu 0,5% trên tổng giá trị thanh toán.

- Thanh toán trong vòng 20 ngày: chiết khấu 0,3% trên tổng giá trị thanh toán.

Điều khoản này cần được thể hiện rõ ràng trong Hợp đồng kinh tế hoặc Phụ lục hợp đồng, bao gồm các nội dung chính: thời hạn được hưởng chiết khấu (tính từ mốc thời gian cụ thể, ví dụ “kể từ ngày giao hàng thành công”), tỷ lệ chiết khấu tương ứng, và cách thức xác nhận chiết khấu (trừ trực tiếp vào số tiền thanh toán khi lập ủy nhiệm chi, hoặc lập hóa đơn điều chỉnh giảm sau khi thanh toán). Ngoài ra, để tăng tính pháp lý và thuận tiện cho kế toán, Công ty nên yêu cầu nhà cung cấp ghi chú trực tiếp trên Hóa đơn GTGT dòng “Được hưởng chiết khấu X% nếu thanh toán trong vòng Y ngày”.. Mỗi tháng, kế toán trưởng lập danh sách hóa đơn đủ điều kiện chiết khấu, tính tổng tiền cần thanh toán sớm, đề xuất Giám đốc phê duyệt phương án huy động vốn. Hạch toán chiết khấu thanh toán nhận được: khi thanh toán, kế toán ghi Nợ TK 331 (tổng phải trả), Có TK 111/112 (số thực trả), phần chênh lệch ghi Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Ví dụ: Ngày 06/01/2026, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa mua 426,03 m³ đá Base B của Công ty TNHH Nam Sơn theo Hóa đơn GTGT

số 00000004, tổng giá thanh toán (đã bao gồm 10% VAT) là 87.634.371 đồng. Nếu Công ty thanh toán trong vòng 7 ngày kể từ ngày giao hàng (ngày 06/01) sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 1% trên tổng giá trị thanh toán.

Ngày 07/01/2026, Công ty Vũ Khoa tiến hành thanh toán cho Nam Sơn, thanh toán luôn (đủ điều kiện hưởng chiết khấu). Số tiền chiết khấu được hưởng tính như sau:

$$\text{- Số tiền chiết khấu} = 87.634.371 \times 1\% = 876.343,71 \text{ (đồng)}$$

Dựa vào “Giấy báo có” của ngân hàng, kế toán viên hạch toán vào phần mềm. Tại phân hệ “Tiền gửi ngân hàng” chọn “Thu tiền”

Hình 3.2. Nghiệp vụ tiền gửi ngân hàng

The screenshot displays the AMIS Quy trình (AMIS Process) interface, specifically the 'NGHIỆP VỤ TIỀN GỬI' (Bank Deposit Business) section. The interface is structured as follows:

- Top Navigation Bar:** Includes the 'KẾ TOÁN' (Accounting) logo, the user's name 'TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ' (Bùi Phương Tr...), and various utility icons like search, help, and notifications.
- Left Sidebar:** Contains a menu with options: 'Thêm nhanh' (Add quickly), 'HAY DỪNG' (Stop), 'PHÂN HỆ' (System), 'Trợ lý AI' (AI Assistant), 'Tổng quan' (Overview), 'Tiền mặt' (Cash), 'Tiền gửi' (Deposits - highlighted), 'Mua hàng' (Purchase), 'Bán hàng' (Sales), 'Quản lý hóa đơn' (Invoice management), 'Kho' (Warehouse), and 'Thu gọn' (Collapse).
- Main Content Area:**
 - Quy trình (Process):** A flowchart titled 'NGHIỆP VỤ TIỀN GỬI' showing the sequence: 'Thu tiền' (Receive money) → 'Đối chiếu ngân hàng' (Bank reconciliation) → 'Chi tiền' (Pay money). A large black arrow points to the 'Tiền gửi' menu item in the sidebar.
 - BÁO CÁO (Report):** A list of reports including: 'Bảng kê chứng từ theo kế ước cho vay' (Statement of documents according to loan agreement), 'Bảng kê chứng từ theo kế ước vay' (Statement of documents according to loan agreement), 'Bảng kê số dư ngân hàng' (Statement of bank balances), 'Bảng kê số dư tiền theo ngày' (Statement of daily balances), and 'Báo cáo tổng hợp tình hình kế ước cho vay' (Summary report of loan agreement status). A 'Tất cả báo cáo' (All reports) link is at the bottom.
- Bottom Bar:** Features a search bar with 'AMIS Quy trình' and a button 'Kết nối ngay' (Connect now).

Hình 3.3. Khai báo chiết khấu thanh toán

🕒 Thu tiền gửi NTTK00008

7. Thu khác

Nhập số UNC từ chi nhánh khác chuyển đến

Hướng dẫn sử dụng

⚙️

✕

Mã đối tượng

NCC000005

Tên đối tượng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN

Ngày hạch toán

06/01/2026

Tổng tiền

876.343,71

Địa chỉ

Khu phố Tân Bình, Xã Yên Thủy, Phú Thọ

Ngày chứng từ

06/01/2026

Nộp vào tài khoản

3008201002465

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Số chứng từ

NTTK00008

Nhân viên thu nợ

Lý do thu

Thu tiền của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN

Tham chiếu

Hạch toán

Trợ lý AI

Loại tiền

VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Tên đối tượng	
1	Thu tiền của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN	1121	515	876.343,71	NCC000005	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN	
				876.343,71			

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Xóa hết dòng

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Chi nhánh lập chứng từ: Bùi Phương Trang

<

>

In

Tiện ích

Hiện thị tài khoản

Sửa nhanh

Bỏ ghi

Ngoài ra, Công ty cũng có thể thương lượng với nhà cung cấp để được hưởng chiết khấu thương mại dựa trên tổng giá trị mua hàng trong kỳ. Ví dụ: nếu tổng giá trị mua trong tháng đạt từ 1 tỷ đến 3 tỷ đồng, nhà cung cấp có thể chiết khấu 1%; từ 3 tỷ đến 5 tỷ chiết khấu 2%; trên 5 tỷ chiết khấu 3%. Khi đó, cuối tháng Công ty sẽ nhận được hóa đơn điều chỉnh giảm từ nhà cung cấp, kế toán hạch toán giảm giá vốn hàng mua (Nợ TK 331, Có TK 156). Việc này giúp giảm trực tiếp giá vốn hàng bán, cải thiện lợi nhuận.

3.2.3. Ứng dụng phần mềm kế toán

Hiện nay, việc đánh mã hàng hóa tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa đang tồn tại sự không đồng nhất, gây khó khăn cho công tác quản lý tồn kho, tra cứu và tổng hợp dữ liệu. Một bộ phận hàng hóa được đánh mã dạng N0100001 (như Đá base B, Đá base A), số khác lại được đánh mã dạng VT00017, VT00037 (như Đá Bê tông, Cát xây dựng, Đá xô bồ), thậm chí có mặt hàng còn tồn tại đồng thời cả hai dạng mã khác nhau trên cùng một hệ thống. Sự lộn xộn này xuất phát từ việc chưa có quy chuẩn thống nhất ngay từ đầu, cộng với thói quen nhập liệu tùy tiện của nhân viên kho và kế toán qua các thời kỳ. Hậu quả là mỗi khi cần tra cứu tồn kho, kiểm kê hoặc lập báo cáo xuất nhập tồn, kế toán và thủ kho mất rất nhiều thời gian để dò tìm, đối chiếu, thậm chí có nguy cơ tạo mã mới cho hàng hóa cũ dẫn đến dữ liệu rác, khiến việc tính giá vốn hàng bán không được chính xác.

Công ty cần lựa chọn và áp dụng một nguyên tắc đánh mã duy nhất cho toàn bộ hệ thống hàng hóa. Việc sử dụng đồng thời hai cách đánh mã như hiện nay là nguyên nhân chính gây ra sự lộn xộn. Phương án được đề xuất:

- Sử dụng chữ cái đầu của tên hàng hóa kết hợp với số thứ tự làm mã hàng hóa. Đây là phương án tối ưu vì chữ cái đầu giúp nhận diện nhanh mặt hàng, dễ nhớ, dễ tra cứu, đồng thời giảm thiểu tối đa khả năng trùng lặp khi kết hợp với số thứ tự. Ví dụ: Đá base B → DBB001, Đá base A → DBA002, Cát xây dựng → CXD003, Đá xô bồ → DXB004. Khi cần tìm mã của một

loại đá, nhân viên chỉ cần nhớ chữ cái đầu “Đ” và tra cứu trong danh mục nhóm “Đ” một cách nhanh chóng.

Công ty cần thực hiện rà soát, làm sạch và chuẩn hóa lại toàn bộ dữ liệu hàng hóa hiện có trên phần mềm MISA AMIS. Cụ thể:

- Lập danh sách tất cả các mặt hàng đang tồn tại trong hệ thống.
- Xác định những mặt hàng bị trùng lặp (cùng một loại hàng nhưng có hai mã khác nhau).
- Tiến hành gộp dữ liệu tồn kho, lịch sử xuất nhập về một mã thống nhất theo quy tắc chữ cái đầu, sau đó xóa bỏ mã trùng.
- Đối với những mặt hàng đã ngừng kinh doanh lâu năm không còn sử dụng, có thể đánh dấu “ngừng theo dõi” thay vì xóa hẳn để giữ lịch sử dữ liệu phục vụ báo cáo.

Sau khi đã có bộ mã chuẩn, Công ty cần phân quyền và kiểm soát chặt chẽ việc tạo mới mã hàng hóa. Chỉ nên giao quyền tạo mã cho một bộ phận duy nhất (ví dụ: Thủ kho trưởng hoặc Kế toán vật tư). Khi có nhu cầu nhập một mặt hàng mới, nhân viên liên quan phải gửi đầy đủ thông tin (tên hàng, đơn vị tính, quy cách, nhóm hàng...) về bộ phận này để được tạo mã tập trung. Trước khi tạo mới, bắt buộc phải kiểm tra xem hàng hóa đã tồn tại trong hệ thống hay chưa (bằng cách tra cứu theo tên hàng hoặc từ khóa chính) để tránh tạo trùng lặp dẫn đến rác dữ liệu.

3.2.4. Phân loại công nợ phải trả theo tuổi nợ và lập báo cáo cảnh báo

Công ty cần thiết lập trên phần mềm MISA AMIS trường “Ngày đến hạn thanh toán” cho từng hóa đơn mua hàng (từ điều khoản hợp đồng, thường 30, 45 hoặc 60 ngày sau hóa đơn). Cấu hình báo cáo công nợ theo tuổi nợ với các nhóm: chưa đến hạn, quá hạn 1-30 ngày, 31-60 ngày, trên 60 ngày. Cuối mỗi tháng, kế toán xuất báo cáo “Phân tích tuổi nợ phải trả – chi tiết theo nhà cung cấp”, in 2 bản: 1 bản lưu, 1 bản trình Giám đốc để lên kế hoạch thanh toán ưu tiên. Ưu tiên thanh toán các khoản quá hạn trước, sau đến các khoản sắp đến hạn; liên hệ ngay với nhà cung cấp nếu có sai sót hoặc cần gia hạn.

Đồng thời, cài đặt cảnh báo tự động trên MISA: khi một hóa đơn sắp đến hạn thanh toán 7 ngày, 3 ngày và quá hạn, hệ thống sẽ hiển thị popup thông báo khi kế toán đăng nhập.

Kế toán viên vào phần “Báo cáo” chọn “Phân tích công nợ phải trả theo tuổi nợ” sau đó chọn tham số tương ứng để xem báo cáo.

Hình 3.4. Xuất báo cáo phân tích công nợ phải trả theo tuổi nợ

The screenshot displays the AMIS Kế toán software interface. The top navigation bar includes the company name 'CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA', the year 'Dữ liệu kế toán 2024', and a search bar. The left sidebar contains a menu with 'Báo cáo' (Reports) highlighted. The main content area shows a list of reports under the 'Mua hàng' (Purchases) category. The report 'Phân tích công nợ phải trả theo tuổi nợ' (Accounts Payable Analysis by Aging) is selected, and a black arrow points to it. Another black arrow points to the 'Báo cáo' menu item in the sidebar.

Mua hàng	
Báo cáo mua hàng theo nhà cung cấp, mặt hàng	
Số chi tiết mua hàng	Tổng hợp mua hàng theo mặt hàng
Tổng hợp mua hàng theo mặt hàng và nhà cung cấp	Tổng hợp mua hàng theo nhà cung cấp
Số nhật ký mua hàng	
Báo cáo công nợ nhà cung cấp	
Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp	Chi tiết công nợ phải trả theo mặt hàng
Chi tiết công nợ phải trả theo hóa đơn	Chi tiết công nợ phải trả theo mặt hàng (tính)
Chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp	Phân tích công nợ phải trả theo tuổi nợ
Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ phải trả	Chi tiết công nợ phải trả theo tuổi nợ
Thông báo công nợ với nhà cung cấp	
Báo cáo theo nhân viên mua hàng	
Báo cáo đơn mua hàng	
Báo cáo hợp đồng mua	
Báo cáo theo công trình	

Tại báo cáo, kế toán viên dễ dàng theo dõi được công nợ phải trả của từng nhà cung cấp và nhóm nhà cung cấp, theo dõi được các khoản nợ đến hạn, khoản nợ quá hạn để đề ra những biện pháp thanh toán hợp lý cho từng đối tượng nhà cung cấp.

Biểu 3.1. Báo cáo phân tích công nợ phải trả theo tuổi nợ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA
Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

PHÂN TÍCH CÔNG NỢ PHẢI TRẢ THEO TUỔI NỢ																
Tài khoản: 331; Đến ngày 01/01/2026																
Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Tổng nợ	Không có hạn	Nợ trước hạn						Nợ quá hạn					
					0-30 ngày	31-60 ngày	61-90 ngày	91-120 ngày	Trên 121	Tổng	1-30 ngày	31-60 ngày	61-90 ngày	91-120 ngày	Trên 121	Tổng
Mã nhóm NCC: <<Khác>>		Tên nhóm NCC: <<Khác>>														
5400454102	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN	Khu phố Tân Bình, Thị Trần Hàng Trạm, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	443.848.674		87.634.371					87.634.371		356.214.303			356.214.303	
5400556048	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DƯƠNG	Xóm Đội 2, Xã Lạc Lương, tỉnh Phú Thọ	983.432.000		246.650.000	425.800.000				246.650.000	310.982.000				310.982.000	
2700949855	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI LỰC CƯỜNG THỊNH	Thôn Trần Phú, Xã Gia Phong, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	919.929.153		919.929.153					919.929.153						
Tổng cộng			2.347.209.827		1.254.213.524	425.800.000				1.254.213.524	310.982.000	356.214.303			667.196.303	

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 01 tháng 01 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.4. Trích lập dự phòng phải trả cho các rủi ro từ nhà cung cấp

Công ty cần xây dựng chính sách trích lập dự phòng phải trả theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Hàng quý, kế toán rà soát các khoản tạm ứng nhà cung cấp có thời gian trên 6 tháng chưa có hóa đơn hoặc chưa nhận hàng, lập danh sách kèm giá trị, ngày, lý do. Đối với các khoản có rủi ro cao (nhà cung cấp phá sản, tranh chấp, mất liên lạc), đề xuất trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%, 50% hoặc 100% tùy mức độ. Đối với các tranh chấp về chất lượng hàng hóa đang giải quyết, ước tính chi phí khắc phục, ghi nhận vào TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Cuối năm, kế toán lập bảng tính dự phòng, trình Kế toán trưởng và Giám đốc phê duyệt, sau đó hạch toán: Nợ TK 642 / Có TK 352 – Dự phòng phải trả.

3.2.5. Xây dựng quy trình đối chiếu công nợ với nhà cung cấp định kỳ hàng tháng

Công ty cần ban hành quy định nội bộ: trước ngày 10 hàng tháng, kế toán công nợ phải gửi biên bản đối chiếu (in từ MISA) cho tất cả nhà cung cấp có phát sinh trong tháng trước. Biên bản ghi rõ: số dư đầu kỳ, phát sinh tăng (mua hàng), phát sinh giảm (thanh toán), số dư cuối kỳ, chi tiết từng hóa đơn. Yêu cầu nhà cung cấp ký xác nhận (bản scan qua email) và phản hồi trước ngày 15; quá hạn coi như đồng ý. Lưu toàn bộ biên bản đã xác nhận theo tháng và theo nhà cung cấp. Nếu có chênh lệch, hai bên cùng rà soát, lập biên bản điều chỉnh trước khi hạch toán bổ sung. Trên MISA, kế toán có thể sử dụng tính năng gửi email tự động biên bản đối chiếu cho từng nhà cung cấp (cấu hình trong danh mục nhà cung cấp).

Kế toán truy cập phân hệ “Báo cáo”, chọn “Báo cáo đối chiếu”, chọn “Đối chiếu chứng từ công nợ phải trả và chứng từ thanh toán”, chọn “tham số tương ứng” để lấy báo cáo cho từng nhà cung cấp.

Hình 3.5. Xuất chứng từ “đối chiếu chứng từ công nợ phải trả và chứng từ thanh toán”

The screenshot displays the AMIS Kế toán software interface. The top header shows the company name 'CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA' and the user 'AVA Phân tích tài chính'. The sidebar on the left contains various navigation options, with 'Báo cáo' (Reports) highlighted. The main content area shows a list of reconciliation reports under the heading 'Báo cáo đối chiếu'. The first report, 'Đối chiếu chứng từ công nợ phải trả và chứng từ thanh toán', is highlighted with a black arrow. The list includes details such as the report type, the period, and the user who generated the report. A search bar and a language dropdown are also visible at the top of the main content area.

Biểu 3.2. Hình minh họa “đối chiếu chứng từ công nợ phải trả và chứng từ thanh toán”

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VŨ KHOA

Thôn Kiến Phong, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

ĐỐI CHIẾU CHỨNG TỪ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHỨNG TỪ THANH TOÁN

Tài khoản: 331, Nhà cung cấp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN, Tháng 1 năm 2026

Chứng từ công nợ				Chứng từ thanh toán			Chênh lệch
Ngày CT	Số CT	Số hóa đơn	Số tiền	Ngày CT	Số CT	Số tiền	
Tài khoản: 331							
Mã nhà cung cấp: 5400454102							
06/01/2026	NK00874	0000004	87.634.371				
				06/01/2026	UNC03371	87.634.371	
	Cộng		87.634.371			87.634.371	0
Cộng nhóm: 5400454102			87.634.371			87.634.371	0
Cộng nhóm: 331			87.634.371			87.634.371	0
Tổng cộng			87.634.371			87.634.371	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng và kiểm soát chặt chẽ các khoản phải trả đóng vai trò sống còn đối với doanh nghiệp thương mại như Vũ Khoa. Hoạt động mua hàng không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đầu vào và giá vốn hàng bán, mà công nợ phải trả còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn, tác động mạnh đến khả năng thanh khoản và uy tín của công ty với nhà cung cấp. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, việc nghiên cứu thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa là vô cùng cần thiết, nhằm đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện, giúp công ty chủ động hơn trong hoạch định chính sách mua hàng, tối ưu dòng tiền và nâng cao hiệu quả tài chính.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu, em nhận thấy công tác kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại công ty còn một số tồn tại như: việc luân chuyển chứng từ chưa kịp thời, hạch toán chi phí mua hàng chưa hợp lý, công tác đối chiếu công nợ định kỳ đôi khi bị chậm, mã khách hàng và mã hàng hóa chưa được chuẩn hóa thống nhất gây khó khăn trong quản lý và tổng hợp dữ liệu trên phần mềm MISA AMIS. Những vấn đề này nếu không được khắc phục sẽ ảnh hưởng đến tính chính xác của số liệu kế toán, gây rủi ro trong thanh toán và làm giảm hiệu quả quản trị công nợ.

Do thời gian và phạm vi có hạn, khóa luận chỉ tập trung phân tích thực trạng mua hàng và công nợ phải trả tại một doanh nghiệp cụ thể. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các anh chị trong ngành để nội dung được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo, phòng Kế toán Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vũ Khoa cùng ThS. Lê Thị Liễu đã tận tình hướng dẫn, cung cấp số liệu và tạo điều kiện cho em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Nghị định số 145/2020/NĐ-CP*, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
2. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC*, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
3. Báo cáo tài chính của Công ty giai đoạn 2023-2025
4. Bùi Thị Quỳnh Nga (2024), *Kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty Cổ phần Toyota Ninh Bình*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Hoa Lư.
5. Phạm Thị Út Vy (2022), *Kế toán công nợ phải thu và phải trả tại công ty TNHH thương mại và du lịch Gia Minh*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Nha Trang.
6. Nguyễn Thị Cẩm Nhung (2020), *Kế toán công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Thanh Phương*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Gia Định.